

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
HUYỆN CẦU KÈ

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRỤ SỞ
LÀM VIỆC VÀ CÁC HẠNG MỤC PHỤ TRỢ
PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH
SÁCH XÃ HỘI HUYỆN CẦU KÈ



Cầu Kè, tháng 01 năm 2024

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
TỈNH TRÀ VINH

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRỤ SỞ
LÀM VIỆC VÀ CÁC HẠNG MỤC PHỤ TRỢ
PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH
SÁCH XÃ HỘI HUYỆN CẦU KÈ

ĐƠN VỊ CHỦ DỰ ÁN
PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH
HUYỆN CẦU KÈ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Cầu Kè, tháng 01 năm 2024

MỤC LỤC

	Trang
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	iii
DANH MỤC BẢNG	iv
DANH MỤC HÌNH.....	iv
CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	1
1. Tên chủ dự án đầu tư	1
2. Tên dự án đầu tư	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư.....	3
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư	8
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	10
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	10
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	10
Chương III: HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	17
1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật	17
2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án.....	17
3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án	19
CHƯƠNG IV: ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	22
1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án	22
2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành.....	28
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	38
4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo	40

CHƯƠNG V: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	41
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	41
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không	42
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: Không	42
Chương VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	43
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư .	43
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	43
CHƯƠNG VII: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	44

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

Ký hiệu	Diễn giải
NĐ	Nghị định
CP	Chính phủ
TT	Thông tư
QĐ	Quyết định
BXD	Bộ Xây dựng
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
UBND	Ủy ban nhân dân
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
BVMT	Bảo vệ môi trường
NTSH	Nước thải sinh hoạt
CTR	Chất thải rắn
CTNH	Chất thải nguy hại
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
BTCT	Bê tông cốt thép
TK&VV	Tiết kiệm và vay vốn
NHCSXH	Ngân hàng Chính sách xã hội

DANH MỤC BẢNG

Trang

Bảng 1. Tọa độ vị trí khu đất thực hiện Dự án	2
Bảng 2. Các hạng mục công trình thuộc Dự án	4
Bảng 3. Bảng tính tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L_{td}).....	12
Bảng 4. Bảng tính tải lượng trung bình của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{nn})	13
Bảng 5. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của Dự án...	15
Bảng 6. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của các hộ dân trong khu vực (L_{t2}).....	15
Bảng 7. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của hoạt động kinh doanh, dịch vụ của các hộ dân trong khu vực (L_{t3})	15
Bảng 8. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải	16
Bảng 9. Kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là sông Cầu Kè.....	16
Bảng 10. Dữ liệu kết quả quan trắc chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải.....	18
Bảng 11. Dữ liệu kết quả quan trắc chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải (tt).	18
Bảng 12. Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt sông Cầu Kè.....	20
Bảng 13. Kết quả quan trắc chất lượng không khí.....	20
Bảng 14. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại	24
Bảng 15. Danh mục thông số kỹ thuật của mạng lưới cống thu gom, thoát nước mưa chảy tràn, nước thải	33
Bảng 16. Thành phần và khối lượng các loại CTNH.....	35
Bảng 17. Danh mục các phương tiện phòng cháy chữa cháy	37
Bảng 18. Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và dự toán kinh phí thực hiện	38
Bảng 19. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	41

DANH MỤC HÌNH

	Trang
Hình 1. Vị trí hoạt động của Dự án đầu tư	2
Hình 2. Sơ đồ mặt bằng quy hoạch tổng thể dự án	3
Hình 3. Sơ đồ tổ chức Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Cầu Kè	5
Hình 4. Sơ đồ hoạt động của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Cầu Kè	6
Hình 5. Sơ đồ không gian thoát nước thải.....	29
Hình 6. Sơ đồ quy trình vận hành của bể tự hoại	30
Hình 7. Cấu tạo bể tự hoại (bể phốt) tại Dự án	31
Hình 8. Sơ đồ giải pháp thu gom, thoát nước mưa chảy tràn.....	32

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư

- Tên chủ dự án đầu tư: Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Cầu Kè (gọi tắt là Chủ dự án)
- Địa chỉ văn phòng: Khóm 5, thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: ông Dương Văn Khén. Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 02943 814430 email: vankhenduong3@gmail.com
- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh
- + Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh: Mã số địa điểm kinh doanh 00007, đăng ký lần đầu ngày 09/6/2016, thay đổi lần 01 ngày 28/4/2020.
- + Quyết định số 925/QĐ-NHCS ngày 21/11/2023 của Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh Trà Vinh về việc Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Xây dựng trụ sở làm việc và các hạng mục phụ trợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Cầu Kè

2. Tên dự án đầu tư

- Tên dự án đầu tư: **DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC VÀ CÁC HẠNG MỤC PHỤ TRỢ PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HUYỆN CẦU KÈ** (gọi tắt là Dự án)
- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Thửa đất số 205, 241, tờ bản đồ số 26, tại khóm 5, thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, với tứ cận tiếp giáp như sau:
 - Phía Đông Bắc tiếp giáp với nhà dân;
 - Phía Đông Nam tiếp giáp với nhà dân;
 - Phía Tây Bắc tiếp giáp với đường 30 tháng 4;
 - Phía Tây Nam tiếp giáp với nhà dân.

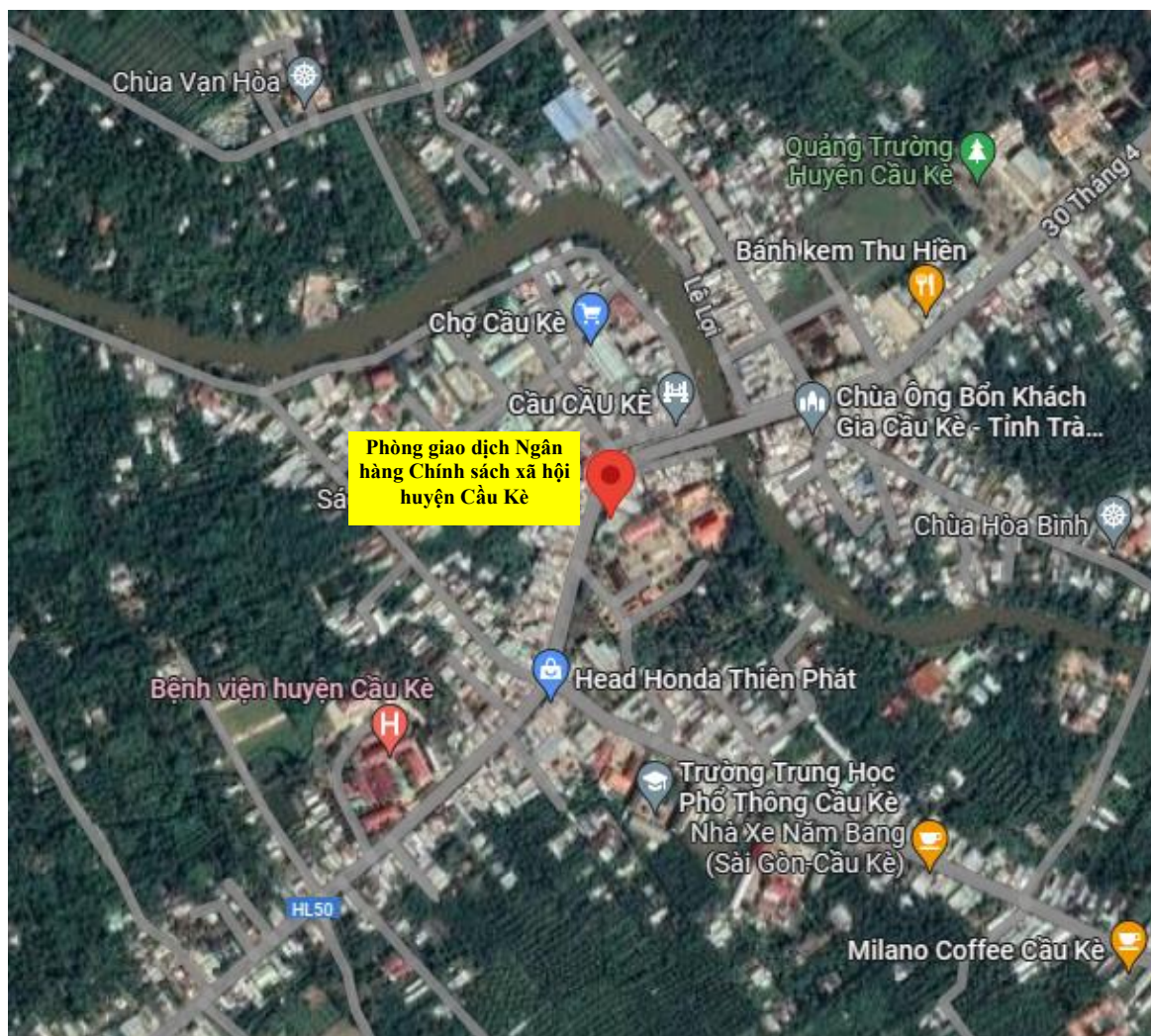
Khu vực thực hiện Dự án được giới hạn bởi 04 điểm góc có tọa độ như sau (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

Bảng 1. Tọa độ vị trí khu đất thực hiện Dự án

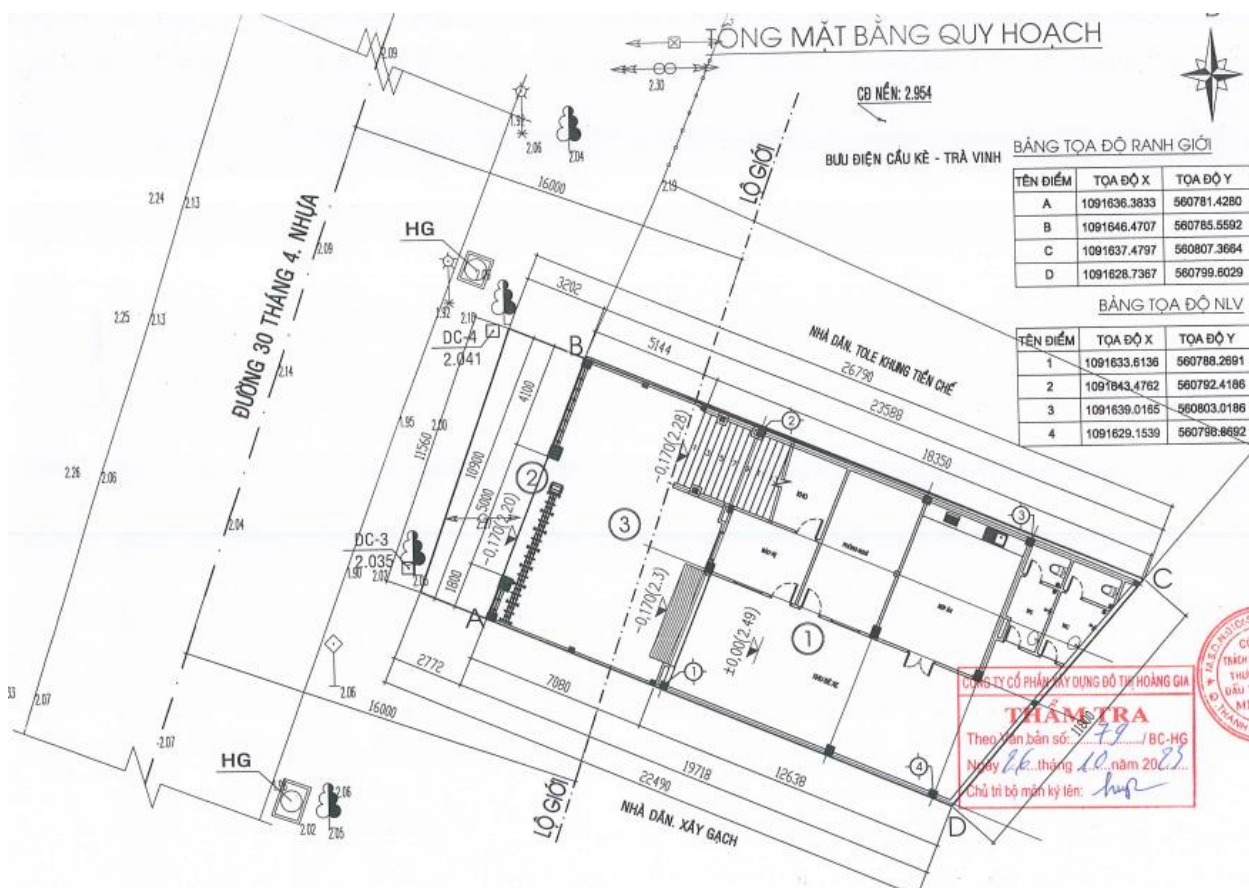
Vị trí	Tọa độ VN 2000 (kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)	
	X	Y
A	109 1636.3833	560 781.4280
B	109 1646.4707	560 785.5592
C	109 1637.4797	560 807.3664
D	109 1628.7367	560 799.6029

Nguồn: Hồ sơ thiết kế thi công, 2023

Địa điểm dự kiến thực hiện Dự án đầu tư được thể hiện trong sơ đồ sau:



Hình 1. Vị trí hoạt động của Dự án đầu tư



Hình 2. Sơ đồ mặt bằng quy hoạch tổng thể dự án

- Quy mô của dự án đầu tư:
 - + Quy mô: Căn cứ theo Luật Đầu tư công và quy mô của Dự án (tổng vốn đầu tư Dự án là 8.932.000.000 đồng), Dự án thuộc nhóm C.
 - + Căn cứ mục 2 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án thuộc nhóm III.
 - + Căn cứ Khoản 1 Điều 39 và Khoản 4 Điều 41 Luật BVMT năm 2020, Dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường cấp huyện - UBND huyện Cầu Kè, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cầu Kè xem xét phê duyệt (cấu trúc và nội dung Báo cáo được xây dựng theo Phụ lục XI kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư

3.1. Công suất hoạt động của dự án đầu tư

- Dự án đầu tư Xây dựng trụ sở làm việc và các hạng mục phụ trợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Cầu Kè, được thực hiện trên khu đất có tổng diện tích là 278,8 m², bao gồm các hạng mục như:
 - + Nhà làm việc kết hợp nhà phụ trợ 04 tầng, diện tích xây dựng 162,5 m²,

tổng diện tích sàn 545 m².

+ Hạ tầng kỹ thuật và các công trình phụ trợ như cổng, hàng rào, sân đường, ... được xây dựng đồng bộ.

Các hạng mục công trình thuộc Dự án được liệt kê trong bảng sau:

Bảng 2. Các hạng mục công trình thuộc Dự án

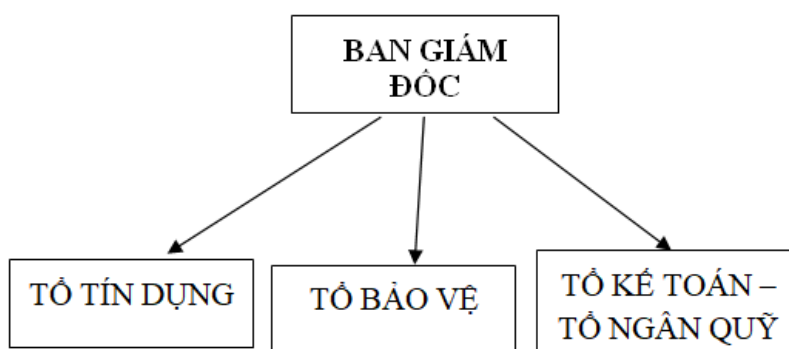
TT	Phòng chức năng	Số lượng	Diện tích sử dụng (m ²)	Tổng diện tích (m ²)
I	Tầng 1			130
1	Bếp ăn	1	24	24
2	Phòng bảo vệ	1	9	9
3	Phòng nghỉ	1	18	18
4	Kho	1	11	11
5	WC	1	13	13
6	Khu vực để xe	1	55	55
II	Tầng 2			112,4
1	Sảnh + quầy giao dịch	1	38	38
2	Kho tiền	1	10	10
3	Phòng đệm	1	5.4	5,4
4	P. giám đốc kiểm hợp nội bộ	1	18	18
5	Cầu thang	1	13	13
6	Sảnh thang	1	10	10
7	Thang lên sảnh	1	18	18
III	Tầng 3			112
1	P. phó giám đốc 1, kiểm hợp các TCĐT	1	22	22
2	P. phó giám đốc 2, kiểm hợp nội bộ + tiếp dân	1	20	20
3	Phòng tín dụng	1	26	26
4	Cầu thang	1	13	13
5	WC	1	10	10
6	Hành lang	1	21	21
IV	Tầng 4			113
1	Phòng họp	1	49	49
2	Kho lưu trữ	1	20	20
3	Cầu thang	1	13	13
4	WC	1	10	10

TT	Phòng chức năng	Số lượng	Diện tích sử dụng (m^2)	Tổng diện tích (m^2)
6	Hành lang	1	21	21
Tổng diện tích sử dụng				467,4

Nguồn: Báo cáo KTKT XD công trình, 2023

- Nhân viên làm việc tại Dự án đầu tư: 12 người.

Sơ đồ tổ chức Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Cầu Kè được thể hiện trong sơ đồ sau:



Hình 3. Sơ đồ tổ chức

* **Thuyết minh**

- Ban Giám đốc: Trực tiếp quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Ngân hàng, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ trong phạm vi hoạt động mà cấp trên giao phó, thực hiện ký duyệt các hợp đồng tín dụng, ra quyết định về tổ chức đối với hoạt động Ngân hàng.

- Tổ tín dụng:

+ Có nhiệm vụ trực tiếp giao dịch với các tổ trưởng Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV), thẩm định, giám sát việc lập hồ sơ vay vốn của các tổ trưởng Tổ TK&VV, kiểm soát hồ sơ vay, trình Giám đốc phê duyệt cho vay.

+ Trực tiếp hướng dẫn các tổ trưởng Tổ TK&VV trong việc bình xét, lập hồ sơ cho vay, đôn đốc các tổ trưởng Tổ TK&VV nhắc nhở tổ viên trả nợ đúng hạn.

+ Thường xuyên phân loại dư nợ, nợ quá hạn, tìm ra nguyên nhân và đề xuất hướng khắc phục.

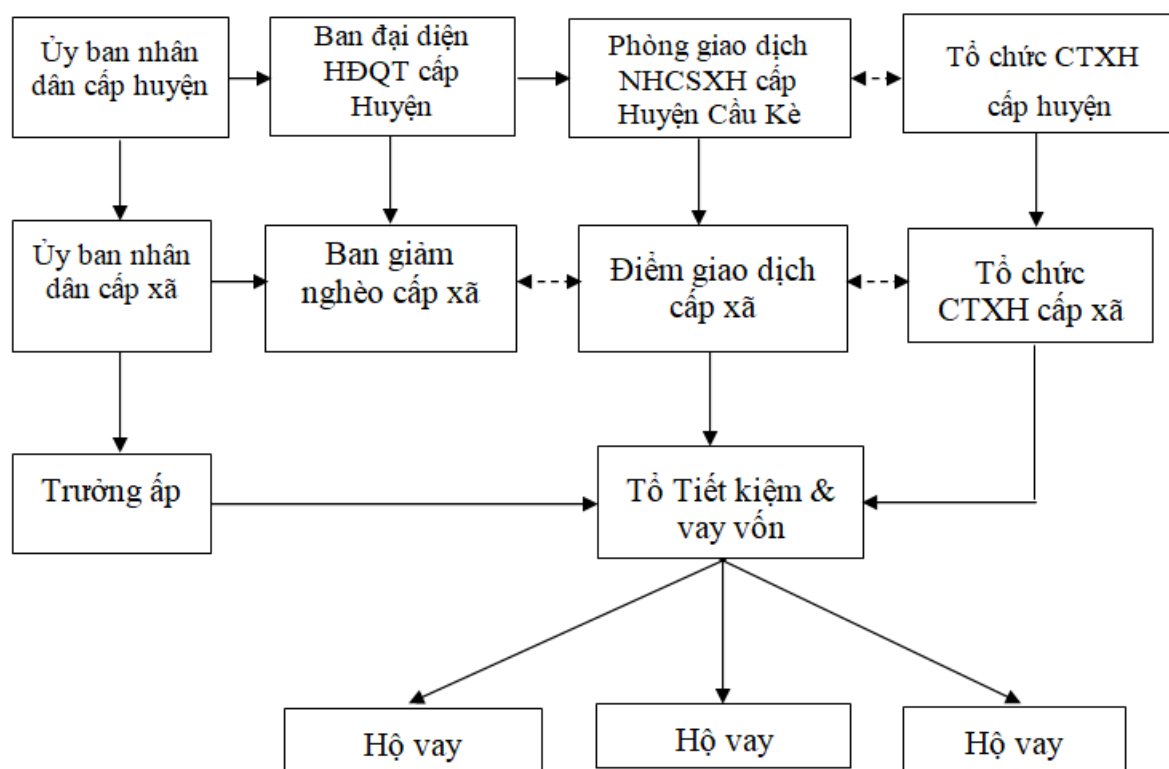
+ Tổng hợp, phân tích hoạt động kinh doanh tháng, quý, năm, dự thảo các bản sơ kết, tổng kết của phòng giao dịch.

- + Tổng hợp báo cáo và kiểm tra chuyên đề theo quy định.

- Tổ kế toán – ngân quỹ:
 - + Trực tiếp hạch toán kế toán, hạch toán thống kê và thanh toán theo quy định của Ngân hàng nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội.
 - + Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch tài chính, quyết toán kế hoạch thu, chi tài chính, quỹ tiền lương của Ngân hàng.
 - + Tổng hợp, lưu trữ hồ sơ tài liệu về hạch toán, kế toán, quyết toán và các báo cáo theo quy định.
 - + Quản lý và sử dụng các quỹ chuyên dùng theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn.
 - + Thực hiện các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo quy định

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư (quy trình hoạt động)

Quy trình hoạt động của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Cầu Kè được thể hiện trong sơ đồ sau:



Hình 4. Sơ đồ hoạt động của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Cầu Kè

*** Ghi chú:**

→ Chỉ đạo thực hiện

↔ Chỉ đạo thực hiện và Phối hợp thực hiện

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Cầu Kè có chức năng, nhiệm vụ thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, bao gồm:

(A) CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG ĐANG THỰC HIỆN GIẢI NGÂN TẠI NHCSXH

1. Cho vay hộ nghèo theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ.

2. Cho vay hộ cận nghèo theo Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Cho vay hộ mới thoát nghèo theo Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Cho vay học sinh sinh viên theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ.

6. Cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ.

7. Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ.

8. Cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

9. Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội; xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ.

10. Cho vay hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

11. Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để mua máy vi tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định số 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

12. Cho vay cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 theo Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg ngày 27/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

13. Cho vay vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị định số 28/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

14. Cho vay người chấp hành xong án phạt tù theo Quyết định số 22/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

(B) CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG ĐÃ HẾT THỜI HẠN GIẢI NGÂN VÀ NHCSXH ĐANG THỰC HIỆN QUẢN LÝ DỰ NỢ

1. Cho vay hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Cho vay hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long theo Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg ngày 09/6/2008 và Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định tại Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào DTTS đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

4.1. Điện năng

- Nguồn cung cấp điện: Điện lưới quốc gia
- Nhu cầu sử dụng: trung bình khoảng 1.000 kWh/tháng

4.2. Nước

- Nguồn cung cấp nước: Được đầu nối từ đường ống cấp nước có sẵn trên tuyến đường 30 tháng 4.

- Lượng nước tiêu thụ (ký hiệu Q_{sh}):

+ Khi dự án đi vào hoạt động, dự kiến có khoảng 12 nhân viên làm việc tại đây. Theo QCVN 01:2021/BXD, thì chỉ tiêu cấp nước sạch dùng cho sinh hoạt tối thiểu là 80 lít/người/ngày đêm (lấy định mức khoảng 100 lít/người/ngày

đêm). Như vậy, nhu cầu sử dụng nước phục vụ sinh hoạt tại Dự án trong giai đoạn vận hành ước tính như sau:

$$Q_{SH} = (100 \times 12) = 1.200 \text{ lít/ngày đêm} = 1,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

+ Nhu cầu sử dụng nước (tại khu vực nhà vệ sinh) của khách hàng đến giao dịch, làm việc tại Dự án: Ước tính khoảng 0,8 m³/ngày

- Như vậy, nhu cầu sử dụng tối đa tại Dự án ước tính khoảng 2,0 m³/ngày

Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Do hiện trạng tại khu vực thực hiện Dự án đầu tư Xây dựng trụ sở làm việc và các hạng mục phụ trợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Cầu Kè chưa có quy hoạch phân vùng môi trường, nên Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường chưa có đủ cơ sở để so sánh, đối chiếu sự phù hợp của Dự án với phân vùng môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Ngoài ra, hiện tại cơ sở vật chất của Phòng giao dịch huyện Cầu Kè được xây dựng đã lâu và đã xuống cấp hư hỏng nhiều, diện tích hẹp, thiếu tính đồng bộ, không đáp ứng được nhu cầu làm việc, sinh hoạt của cán bộ nhân viên và làm ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ khách hàng của Dự án.

- Từ những điều kiện thiết yếu và cấp bách nêu trên, việc đầu tư xây dựng công trình “Xây dựng trụ sở làm việc và các hạng mục phụ trợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Cầu Kè” là hết sức cần thiết, tạo điều kiện nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng của Dự án, hỗ trợ cho mục tiêu xóa đói giảm nghèo, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết nhu cầu việc làm, cũng như thực hiện kế hoạch phát triển và hoàn thành các mục tiêu về kinh tế, văn hoá xã hội trên địa bàn huyện Cầu Kè nói riêng và địa bàn tỉnh Trà Vinh nói chung.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Trong quá trình hoạt động, Dự án có hoạt động xả thải ra môi trường nước mặt sông Cầu Kè thông qua tuyến cống thoát nước công cộng, với lưu lượng tối đa khoảng 2,0 m³/ngày.

Thực hiện quy định tại Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Điều 82 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Dự án thực hiện đánh giá khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là sông Cầu Kè (đoạn từ ngã 3 sông Cầu Kè – Tổng Tồn đến Rạch Rùm), cụ thể như sau:

- Xác định đoạn sông cần đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải: sông Cầu Kè (đoạn từ ngã 3 sông Cầu Kè – Tổng Tồn đến Rạch Rùm) có tổng chiều dài khoảng 5,2km, được xác định thành 01 đoạn sông trong quá trình đánh giá khả năng chịu tải.

- Xác định mục đích sử dụng nước của sông Cầu Kè: Tại thời điểm lập báo cáo, nước mặt sông Cầu Kè dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi, sản xuất nông nghiệp và không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- Xác định thông số đánh giá: Căn cứ theo khoản 1 Điều 82 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, QCVN 08:2023/BTNMT và QCVN 14:2008/BTNMT, khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của đoạn sông được đánh giá đối với từng thông số sau: TSS, BOD₅, Amoni.

- Xác định phương pháp đánh giá: Hiện trạng đoạn sông Cầu Kè là nguồn tiếp nhận nước thải của các nguồn thải như: Nước thải sinh hoạt và nước thải từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ của các hộ dân trong khu vực và của chợ Cầu Kè, ... ngoài ra không có các nguồn thải lớn từ hoạt động sản công nghiệp.

Do đó, theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, phương pháp đánh giá được lựa chọn là phương pháp đánh giá gián tiếp. Đây là phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông được thực hiện trên cơ sở giới hạn tối đa của từng thông số đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, lưu lượng và kết quả phân tích chất lượng nguồn nước sông, lưu lượng và kết quả phân tích của các nguồn nước thải xả vào đoạn sông và quá trình gia nhập dòng chảy, biến đổi của các chất gây ô nhiễm.

Căn cứ theo khoản 2 Điều 82 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, công thức tính toán theo phương pháp đánh giá gián tiếp cụ thể như sau:

$$L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_{tt}) \times F_s + NP_{td}. \text{ Trong đó:}$$

+ L_{tn} : Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm, đơn vị tính là kg/ngày;

+ L_{td} : Tải lượng tối đa của từng thông số chất lượng nước mặt đối với đoạn sông cần đánh giá, đơn vị tính là kg/ngày.

+ F_s : Hệ số an toàn, được xem xét, lựa chọn trong khoảng từ 0,7 đến 0,9 trên cơ sở mức độ đầy đủ, tin cậy, chính xác của các thông tin, số liệu sử dụng

để đánh giá do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 xem xét, quyết định xem xét, quyết định. Lựa chọn giá trị tính là 0,7.

+ L_{nn} : Tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn sông cần đánh giá, đơn vị tính là kg/ngày;

+ L_{tt} : Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải, đơn vị tính là kg/ngày;

+ NP_{td} : Tải lượng cực đại của thông số ô nhiễm mất đi do các quá trình biến đổi xảy ra trong đoạn sông, đơn vị tính là kg/ngày. Giá trị NP_{td} phụ thuộc vào từng chất ô nhiễm và có thể chọn giá trị bằng 0 đối với chất ô nhiễm có phản ứng làm giảm chất ô nhiễm này.

- Như vậy, công thức xác định khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là sông Cầu Kè bằng phương pháp đánh giá gián tiếp như sau: $L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_{tt}) \times 0,7$

a) *Xác định tải lượng tối đa của từng thông số chất lượng nước mặt (L_{td})*

Công thức xác định: $L_{td} = C_{qc} \times Q_s \times 86,4$. Trong đó:

- C_{qc} : Giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng nước của đoạn sông, đơn vị tính là mg/l. Áp dụng, QCVN 08:2023/BTNMT (mức B, bảng 2).

- Q_s : Lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá, đơn vị tính là m^3/s . Lưu lượng dòng chảy tối thiểu của sông Cầu Kè là $86,1 m^3/s$ (nguồn: Dự án Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông nội tỉnh, các tuyến kênh trục và kênh cấp I trên địa bàn tỉnh Trà Vinh)

- Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m^3/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

Bảng 3. Bảng tính tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L_{td})

TT	Thông số	C_{qc} mg/l	Q_s m^3/s	Hệ số thứ nguyên	L_{td} (kg/ngày)
1	TSS	100	86,1	86,4	743.904
2	BOD ₅	6	86,1	86,4	44.634
3	Amoni	0,3	86,1	86,4	2.232

Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tổng hợp, năm 2023

b) *Xác định tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{nn})*

Công thức xác định: $L_{nn} = C_{nn} \times Q_s \times 86,4$. Trong đó:

- Q_s : Lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá, đơn vị tính là m^3/s . Lưu lượng dòng chảy tối thiểu của sông Cầu Kè là $86,1 m^3/s$.

- Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là $mg/l, m^3/s$ thành đơn vị tính là $kg/ngày$).

- C_{nn} : Kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt, đơn vị tính là mg/l ;

Bảng 4. Bảng tính tải lượng trung bình của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{nn})

TT	Thông số	C_{nn} mg/l	Q_s m^3/s	Hệ số thứ nguyên	L_{nn} (kg/ngày)
1	TSS	33,7	86,1	86,4	250.696
2	BOD ₅	1,1	86,1	86,4	8.183
3	Amoni	0,127	86,1	86,4	945

Ghi chú: Giá trị C_{nn} – Kết quả thử nghiệm số 24016/KQTN-TTKT ngày 23/01/2024 của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường

c) *Xác định tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải (L_{tt})*

Theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, nguồn thải vào đoạn sông gồm 03 nguồn chính: Nguồn thải điểm, nguồn thải diện và nguồn thải tự nhiên. Tải lượng các thông số ô nhiễm từ 03 nguồn này được ký hiệu tương ứng là L_t, L_d và L_n .

Công thức xác định tổng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải: $L_{tt} = L_t + L_d + L_n$ Trong đó:

- L_t : Nguồn thải điểm, đơn vị tính là mg/L .

- L_d : Nguồn thải diện, đơn vị tính là mg/L .

- L_n : Nguồn thải tự nhiên, đơn vị tính là mg/L .

Tại thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường đang thực hiện Dự án “Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông nội tỉnh, các tuyến kênh trực và kênh cấp I

trên địa bàn tỉnh Trà Vinh”. Do đó, chưa có đủ số liệu, dữ liệu để xác định tải lượng chất ô nhiễm từ nguồn thải diện và nguồn thải tự nhiên của các sông nội tỉnh, các tuyến kênh trục và kênh cấp I trên địa bàn tỉnh Trà Vinh nói chung và tại đoạn sông Cầu Kè nói riêng. Nên, đơn vị tư vấn lựa chọn giá trị của L_d và L_n bằng 0 để tính toán và xác định tổng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải.

Như vậy, công thức xác định tổng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải như sau: $L_{tt} = L_t (I)$

Ngoài ra, theo kết quả khảo sát thực tế, các nguồn thải điểm cùng xả thải vào đoạn sông Cầu Kè (đoạn sông cần đánh giá), bao gồm:

+ Nguồn nước thải của Dự án, lưu lượng ước tính tối đa 2,0 m³/ngày (tương đương 0,23.10⁻⁴ m³/s).

+ Nguồn nước thải sinh hoạt, của các hộ dân trong khu vực, lưu lượng ước tính tối đa 50 m³/ngày (tương đương 5,8.10⁻⁴ m³/s)

+ Nguồn nước thải từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ, chợ Cầu Kè, lưu lượng ước tính tối đa 50 m³/ngày (tương đương 5,8.10⁻⁴ m³/s).

Như vậy, tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải được tính toán bao gồm các nguồn chính như sau:

+ Nguồn nước thải của Dự án (ký hiệu: L_{t1})

+ Nguồn nước thải sinh hoạt của các hộ dân trong khu vực (ký hiệu: L_{t2})

+ Nguồn nước thải từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ, ... của các hộ dân trong khu vực (ký hiệu: L_{t3})

- Công thức (1) được viết lại như sau: $L_{tt} = L_t = L_{t1} + L_{t2} + L_{t3}$

- Công thức xác định tải lượng chất ô nhiễm từ nguồn thải điểm (L_t): $L_t = C_t \times Q_t \times 86,4$. Trong đó:

+ Q_t : Lưu lượng lớn nhất của nguồn nước thải xả vào đoạn sông, đơn vị tính là m³/s.

+ Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên.

+ C_t : Kết quả phân tích thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải xả vào đoạn sông, đơn vị tính là mg/L.

c.1) Tải lượng chất ô nhiễm từ Dự án (L_{t1})

Bảng 5. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của Dự án

TT	Thông số	C_{t1} mg/l	Q_{t1} m^3/s	Hệ số thứ nguyên	L_{t1} (kg/ngày)
1	TSS	120	$0,23.10^{-4}$	86,4	0,24
2	BOD ₅	60	$0,23.10^{-4}$	86,4	0,12
3	Amoni	12	$0,23.10^{-4}$	86,4	0,024

Ghi chú: Giá trị C_{t1} được tính theo giá trị tối đa cho phép quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT (cột B; $K = 1,2$)

c.2) Tải lượng chất ô nhiễm từ các hộ dân trong khu vực

Bảng 6. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của các hộ dân trong khu vực (L_{t2})

TT	Thông số	C_{t2} mg/l	Q_{t2} m^3/s	Hệ số thứ nguyên	L_{t2} (kg/ngày)
1	TSS	100	$5,8.10^{-4}$	86,4	5,0
2	BOD ₅	50	$5,8.10^{-4}$	86,4	2,5
3	Amoni	10	$5,8.10^{-4}$	86,4	0,5

Ghi chú: Giá trị C_{t2} được tính theo giá trị tối đa cho phép quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT (cột B; $K = 1$)

c.3) Tải lượng chất ô nhiễm từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ của các hộ dân trong khu vực (L_{t3})

Bảng 7. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của hoạt động kinh doanh, dịch vụ của các hộ dân trong khu vực (L_{t3})

TT	Thông số	C_{t3} mg/l	Q_{t3} m^3/s	Hệ số thứ nguyên	L_{t3} (kg/ngày)
1	TSS	108	$5,8.10^{-4}$	86,4	5,4
2	BOD ₅	54	$5,8.10^{-4}$	86,4	2,7
3	Amoni	10,8	$5,8.10^{-4}$	86,4	0,54

Ghi chú: Giá trị C_{t3} - được tính theo giá trị tối đa cho phép quy định tại QCVN 40:2011/BTNMT (cột B; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$)

Như vậy tải lượng thông số ô nhiễm có trong từng nguồn nước thải trên được tổng hợp như sau:

Bảng 8. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải

TT	Thông số	L_{t1}	L_{t2}	L_{t3}	$L_{tt} = L_{t1} + L_{t2} + L_{t3}$
		kg/ngày			
1	TSS	0,24	5,0	5,4	10,64
2	BOD ₅	0,12	2,5	2,7	5,32
3	Amoni	0,024	0,5	0,54	1,064

⇒ Kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là sông Cầu Kè được tính theo công thức $L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_{tt}) \times 0,7$. Kết quả như sau:

Bảng 9. Kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là sông Cầu Kè

TT	Thông số	L_{td} (kg/ngày)	L_{nn} (kg/ngày)	L_{tt} (kg/ngày)	F_s	L_{tn} (kg/ngày)
1	TSS	743.904	250.696	10,64	0,7	345.238,15
2	BOD ₅	44.634	8.183	5,32	0,7	25.511,98
3	Amoni	2.232	945	1,064	0,7	900,16

→ **Kết luận:** Theo kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông Cầu Kè bằng phương pháp đánh giá gián tiếp cho thấy: 03/03 thông số được đánh giá đều còn khả năng tiếp nhận nước thải.

Chương III. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

1.1. Các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án

- Trong giai đoạn xây dựng: Các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi hoạt động thi công xây dựng Dự án chủ yếu bao gồm: Môi trường đất và môi trường không khí.

- Trong giai đoạn vận hành: Trong quá trình hoạt động, Dự án chỉ phát sinh nước thải và xả thải ra nguồn nước mặt là sông Cầu Kè. Do đó, thành phần môi trường bị tác động trong giai đoạn này chỉ có nước mặt sông Cầu Kè.

1.2. Các đối tượng nhạy cảm về môi trường gần nhất có thể bị tác động của dự án

Căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường, khoản 4 điều 28 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và vị trí thực hiện Dự án, thì xung quanh khu đất thực hiện Dự án không có các đối tượng nhạy cảm về môi trường.

2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

2.1. Mô tả đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải

- Khi Dự án đi vào hoạt động, nguồn nước tiếp nhận nước thải của Dự án là sông Cầu Kè, cách khu vực Dự án khoảng 100 – 120m.

- Sông Cầu Kè là sông chảy qua khu vực trung tâm thị trấn, thuyền bè có trọng tải 20 - 30 tấn giao thông dễ dàng. Bề rộng của sông 20 - 24m, sâu 4m, chịu tác động chế độ bán nhật triều không đều trên biển Đông thông qua sông Hậu (ngày lên xuống 2 lần; mỗi tháng có 2 lần triều cường, sau ngày 1 và 15 âm lịch và 2 lần triều kém, sau ngày 7 và 23 âm lịch từ 2 - 3 ngày); Mực nước đỉnh triều hàng tháng thay đổi từ 1,0 đến 1,4m.

2.2. Mô tả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải

Nhằm đánh giá chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải là sông Cầu Kè, đơn vị tư vấn sử dụng dữ liệu hiện trạng môi trường từ Kết quả quan trắc chất lượng môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2023 (thành phần môi trường nước mặt), kết quả như sau:

- Vị trí lấy mẫu quan trắc: Sông tại chợ huyện Cầu Kè

- Kết quả quan trắc cụ thể như sau:

Bảng 10. Dữ liệu kết quả quan trắc chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 08:2023/ BTNMT
			Tháng 1	Tháng 3	Tháng 5	
1	pH	-	6,92	6,97	6,81	6,0 – 8,5
2	DO	mg/L	4,16	2,86	3,41	≥ 5
3	TSS	mg/L	15,1	14,0	22,0	≤ 100
4	COD	mg/L	11,2	23,5	9,1	≤ 15
5	BOD ₅	mg/L	1,2	2,5	3,1	≤ 6
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	0,409	0,477	0,083	0,3
7	Cl ⁻	mg/L	38,9	95,0	61,3	250
8	NO ₂ ⁻ (tính theo N)	mg/L	0,015	0,014	0,012	0,05
9	NO ₃ ⁻ (tính theo N)	mg/L	0,401	0,421	0,437	-
10	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)	mg/L	0,07	0,03	0,04	-
11	Dầu mỡ tổng	mg/L	KPH	0,4	0,4	5,0
12	Coliform	MPN/100mL	2,4.10⁵	9,3.10³	2,4.10⁵	≤ 5.000

Nguồn: Kết quả quan trắc chất lượng môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2023

Bảng 11. Dữ liệu kết quả quan trắc chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải (tt)

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 08:2023/ BTNMT
			Tháng 7	Tháng 9	Tháng 11	
1	pH	-	7,05	6,88	7,05	6,0 – 8,5
2	DO	mg/L	3,58	4,82	4,23	≥ 5
3	TSS	mg/L	57,0	43,6	58,8	≤ 100
4	COD	mg/L	21,2	11,4	24,9	≤ 15
5	BOD ₅	mg/L	2,8	1,7	2,1	≤ 6
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	0,424	0,144	0,126	0,3 ^(*)
7	Cl ⁻	mg/L	59,2	11,7	12,4	250 ^(*)
8	NO ₂ ⁻ (tính theo N)	mg/L	0,068	0,020	0,019	0,05 ^(*)

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 08:2023/BTNMT
			Tháng 7	Tháng 9	Tháng 11	
9	Dầu mỡ tổng	mg/L	0,4	0,7	0,8	5,0 ^(*)
10	Coliform	MPN/100mL	2,3.10⁴	2,4.10⁴	9,3.10⁴	≤ 5.000

Nguồn: Kết quả quan trắc chất lượng môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2023

*** Ghi chú:**

- KPH: không phát hiện;
- Giá trị giới hạn áp dụng theo QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (mức B, bảng 2)
- Giá trị (*) áp dụng theo QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (bảng 1)

*** Nhận xét:** Theo kết quả quan trắc cho thấy, nước mặt tại chợ huyện Cầu Kè (NM7) có 04/12 thông số vượt giới hạn:

- Thông số DO không đạt giá trị tối thiểu cho phép trong cả 06 đợt quan trắc trong năm (không đạt mức chất lượng nước trung bình).
- Thông số COD vượt nhẹ so với quy chuẩn tại 03/06 đợt quan trắc; Thông số Coliform vượt quy chuẩn từ 1,9 - 48 lần trong cả 06 đợt quan trắc (không đạt mức chất lượng nước trung bình).
- Thông số NH₄⁺ (tính theo N) vượt nhẹ so với quy chuẩn tại 03/06 đợt quan trắc; NO₂⁻ (tính theo N) vượt nhẹ 1,4 lần so với quy chuẩn vào đợt tháng 7 (không đáp ứng mục tiêu bảo vệ sức khỏe con người).

3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án

Nhằm đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường nơi thực hiện Dự án, Chủ dự án phối hợp với đơn vị tư vấn thực hiện quan trắc hiện trạng môi trường, cụ thể như sau:

- Vị trí lấy mẫu:
 - + 01 mẫu nước mặt sông Cầu Kè
 - + 01 mẫu không khí nơi thực hiện Dự án
- Kết quả quan trắc:

Bảng 12. Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt sông Cầu Kè

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
1	pH	-	7,08	6,0 - 8,5 ^(*)
2	Tổng cặn lơ lửng (TSS)	mg/L	33,7	≤ 100 ^(*)
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	1,1	≤ 6 ^(*)
4	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	9,4	≤ 15 ^(*)
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	0,127	0,3
6	Tổng Nitơ (N)	mg/L	1,0	≤ 1,5 ^(*)
7	Tổng Photpho (P)	mg/L	0,06	≤ 0,3 ^(*)
8	Coliform	MPN/100mL	4,3.10 ⁴	≤ 5.000 ^(*)

*** Ghi chú:**

- Giá trị giới hạn áp dụng theo QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

- ^(*) áp dụng theo QCVN 08:2023/BTNMT (Mức B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

*** Nhận xét:** Theo kết quả thử nghiệm cho thấy, môi trường nước mặt sông Cầu Kè có chất lượng khá tốt, với 07/08 thông số quan trắc đạt giới hạn cho phép quy định tại QCVN 08:2023/BTNMT (Mức B – Chất lượng nước trung bình, có thể dùng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp). Riêng thông số Coliform vượt giới hạn cho phép.

Bảng 13. Kết quả quan trắc chất lượng không khí

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	62,4	70*
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	138	300
3	SO ₂	µg/Nm ³	8,5	350
4	NO ₂	µg/Nm ³	9,8	200
5	CO	µg/Nm ³	3.194	30.000

*** Ghi chú:**

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (giá trị trung bình 1 giờ)

- Giá trị (*) áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (đối với khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ).

* **Nhận xét:** Theo bảng kết quả thử nghiệm trên cho thấy, tất cả các thông số quan trắc đều có giá trị thấp và nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép tại QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2016/BTNMT.

Chương IV. ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

a) Lưu lượng nước thải

- Hoạt động sinh hoạt: Ước tính tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,5 – 1,0 m³/ngày.

- Hoạt động xây dựng: Ước tính tổng lưu lượng nước thải xây dựng phát sinh khoảng 1,0 m³/ngày.

b) Công trình, biện pháp xử lý

- Nước thải phát sinh trong quá trình xây dựng được tận dụng tưới nền công trình, không xả thải ra môi trường xung quanh.

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: Bố trí nhà vệ sinh di động tại khu vực công trường.

+ Số lượng: dự kiến bố trí 01 nhà vệ sinh di động tại khu vực công trường. Tùy vào số lượng công nhân tập trung tại công trường, đơn vị thi công sẽ tăng/giảm số lượng nhà vệ sinh di động cho phù hợp với thực tế.

+ Vị trí bố trí đảm bảo thuận tiện trong quá trình sử dụng, không gây cản trở hoạt động thi công xây dựng

+ Chất thải phát sinh tại nhà vệ sinh di động sẽ được đơn vị có chức năng thu gom và xử lý đúng quy định, với tần suất thu gom, xử lý tối thiểu là: 01 lần/2 tuần.

+ Công tác thu gom, quản lý và xử lý nước thải sinh hoạt phải đảm bảo nước thải được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B; K = 1,2).

+ Song song đó, tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của toàn thể công nhân xây dựng.

+ Ưu tiên sử dụng lao động địa phương, qua đó giảm thiểu được lượng phát thải tại khu vực công trường.

- Nước mưa chảy tràn: Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nước mưa chảy tràn do mặt bằng rửa trôi cụ thể như sau:

+ Kiểm soát chặt chẽ các khu vực tập kết chất thải rắn, nhằm đảm bảo nước mưa chảy tràn không bị ô nhiễm do tiếp xúc với các khu vực này.

+ Kiểm soát chặt chẽ các khu vực tập kết vật liệu xây dựng, nhằm giảm thiểu được quá trình rửa trôi gây thất thoát nguyên vật liệu xây dựng và gây ô nhiễm nước mưa chảy tràn qua khu vực này.

+ Một số thiết bị, máy móc để ngoài trời phải được che chắn cẩn thận khi có mưa. Kiểm tra thường xuyên các thiết bị, tránh rò rỉ dầu nhớt, sẽ bị nước mưa chảy tràn cuốn trôi và gây ô nhiễm.

1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

a) Chất thải rắn sinh hoạt

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn xây dựng ước tính khoảng 4 kg/ngày.

- Các công trình, biện pháp lưu giữ và xử lý rác thải sinh hoạt được đề xuất thực hiện trong giai đoạn này bao gồm:

+ Bố trí thùng chứa rác tại các khu vực sinh hoạt của công nhân xây dựng, nhằm thu gom triệt để lượng chất thải phát sinh.

+ Số lượng và loại thùng chứa: 01 thùng chứa, dung tích 120 lít, có nắp đậy kín.

+ Biện pháp xử lý: Bố trí công nhân tập kết chất thải vào thùng rác công cộng sau mỗi ca làm việc.

+ Thực hiện đóng phí thu gom chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định.

+ Tuyên truyền, nâng cao ý thức của công nhân xây dựng trong công tác bảo vệ môi trường, tuyệt đối không vứt rác bừa bãi trong khu vực Dự án hay khu vực xung quanh.

b) Chất thải xây dựng

- Đối với các loại vật liệu hư hỏng trong quá trình xây dựng như gạch vụn, đá rơi vãi trong quá trình vận chuyển: Được thu gom và tái sử dụng cho mục đích san lấp mặt bằng.

- Đối với bao bì chứa vật liệu xây dựng và các loại vật liệu bằng kim loại như sắt, thép vụn: Được thu gom và cung cấp cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Bên cạnh đó, bố trí khu vực riêng tập kết chất thải rắn xây dựng nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý, xử lý và không gây cản trở quá

trình thi công tại công trường.

- Tần suất thu gom, xử lý có thể linh động theo khối lượng chất thải rắn phát sinh, chủ dự án sẽ giám sát việc thực hiện kế hoạch quản lý CTR xây dựng đảm bảo môi trường xây dựng theo quy định.

- Công tác quản lý, xử lý các loại chất thải rắn xây dựng phải đảm bảo đúng quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng.

c) Chất thải nguy hại

- Dự báo khối lượng CTNH phát sinh trong giai đoạn xây dựng: Thành phần và khối lượng CTNH phát sinh trong giai đoạn xây dựng dự án được thống kê khái quát trong bảng sau:

Bảng 14. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại

Mã chất thải	Tên chất thải	Mã EC	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại thông thường	Khối lượng (kg/tháng)
15 01 07	Dầu phanh thải	16 01 13	Đ, ĐS, C	Lỏng	02
16 01 08	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	20 01 26	Đ, ĐS, C	Rắn/lỏng	02
18 02 01	Giẻ lau dính thành phần nguy hại	15 02 02	Đ, ĐS	Rắn	03
07 04 01	Que hàn thải		Đ, ĐS	Rắn	01
07 04 02	Xi hàn		Đ, ĐS	Rắn	01
Tổng cộng					09

- Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của chất thải nguy hại đến môi trường được thực hiện đúng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

- + Bố trí thùng thu gom và lưu chứa CTNH đáp ứng các yêu cầu như sau:
 - Bảo đảm lưu chứa an toàn chất thải nguy hại.
 - Kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải lưu chứa trong quá trình sử dụng.
 - Có biển dấu hiệu cảnh báo theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh

báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

- Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở thể lỏng hoặc có thành phần nguy hại dễ bay hơi phải có nắp đậy kín.

- Số lượng thiết bị dự kiến bố trí tại công trường: 02 thùng phuy, dung tích chứa 120 lít/thùng

- + Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại (lưu chứa tạm thời): Trong kho chứa vật tư xây dựng, với diện tích tối đa khoảng 02 m².

- + Biện pháp xử lý CTNH: Ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định.

- + Tần suất thu gom: Sau khi kết thúc giai đoạn xây dựng.

1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Trong giai đoạn xây dựng Dự án, các nguồn phát sinh bụi và khí thải chủ yếu bao gồm:

- + Bụi phát sinh trong quá trình san lấp mặt bằng: Bụi phát sinh từ hoạt động này chủ yếu là bụi lơ lửng, lượng bụi phát sinh do hoạt động của máy đào, máy xúc, máy ủi tham gia vào quá trình đào đất, san ủi mặt bằng, Bụi phát sinh trong giai đoạn này chủ yếu là bụi đất cát, với kích thước hạt từ 0,001 đến 0,05 mm.

- + Khí thải, bụi phát sinh từ phương tiện vận chuyển và phương tiện thi công xây dựng: Quá trình hoạt động của các phương tiện cơ giới sẽ phát sinh ra bụi và một lượng khí thải chứa các chất ô nhiễm chủ yếu bao gồm: bụi lơ lửng, SO₂, NO_x, CO, THC.

- + Bụi phát sinh từ hoạt động bốc xúc và tập kết vật liệu xây dựng: Trong quá trình bốc dỡ và tập kết nguyên vật liệu tại công trường xây dựng có phát tán một lượng bụi nhất định ra môi trường xung quanh. Bụi chủ yếu phát tán ra từ các nguồn vật liệu như cát, đá, xi măng và một phần từ sắt, thép.

- + Khí thải phát sinh từ hoạt động cơ khí: Hoạt động xây dựng, lắp ráp các trang thiết bị tại dự án có các công đoạn hàn nối cấu kiện. Trong quá trình hàn nối kết cấu thép, các loại hóa chất chứa trong que hàn bị cháy và phát sinh khói có chứa các chất ô nhiễm như Fe₂O₃, SiO₂, K₂O, CaO,...

- Các biện pháp đề xuất thực hiện nhằm giảm thiểu tác động của bụi và khí thải bao gồm:

- + Phun nước để làm tăng độ ẩm và hạn chế khả năng phát sinh bụi vào

các ngày nắng nóng, gió mạnh tại những khu vực phát sinh ra nhiều bụi.

- + Lựa chọn công nghệ thi công tiên tiến, xây dựng kế hoạch thi công cụ thể, hợp lý,...

- + Sử dụng các phương tiện thi công, đặc biệt là thiết bị, máy móc khoan thăm dò phải đạt các yêu cầu kiểm định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; Sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ.

- + Kiểm tra, bảo trì và sửa chữa định kỳ các phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển và các máy móc chuyên dụng.

- + Bố trí khu vực tập kết vật liệu xây dựng cuối hướng gió, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế tại thời điểm xây dựng, đặc biệt hướng gió.

- + Đối với cát xây dựng: có dụng cụ che kín (vải bạt); Đối với xi măng và các loại vật liệu xây dựng dạng bột như vôi, được lưu chứa trong kho chứa vật tư, nhằm giảm thiểu phát sinh bụi từ các nguồn này.

- + Có kế hoạch tập kết vật liệu xây dựng hợp lý, không tập trung khối lượng lớn tại khu vực công trường.

- + Trong hoạt động cơ khí như hàn, cắt kim loại, công nhân được trang bị mặt nạ, găng tay, mũ bảo hộ,... theo đúng quy định hiện hành.

1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Ưu tiên sử dụng các thiết bị thi công và công nghệ thi công tiên tiến, hiện đại, nhằm đảm bảo được chất lượng công trình, tiến độ thi công, chi phí đầu tư, cũng như giảm thiểu được tối đa phát sinh các tác động đến môi trường tại dự án và khu vực lân cận.

- Thực hiện kế hoạch thi công hợp lý và cụ thể đối với từng hạng mục công trình: Thời gian hoạt động từ 7 giờ đến 11 giờ và từ 13 giờ đến 17 giờ hàng ngày, đơn vị thi công đảm bảo làm việc theo đúng thời gian quy định.

- Bố trí các phương tiện vận chuyển và thi công hợp lý, hạn chế tập trung hoạt động cùng lúc tại một vị trí.

- Hoạt động ép cọc là nguồn phát sinh độ ồn, độ rung chính, phương án đề xuất thực hiện giảm thiểu tác động từ nguồn này bao gồm: Sử dụng công nghệ ép cọc thủy lực (Robot tự hành): Cọc được đưa xuống nền đất bằng lực ép tĩnh thông qua hệ thống thủy lực, do đó không gây tiếng ồn và rung chấn tới các công trình lân cận. Ngoài ra, hệ thống thủy lực được vận hành bởi nguồn điện, do đó, không phát sinh khí thải gây ảnh hưởng tới môi trường.

- Bố trí, trang bị các loại dụng cụ chống rung tại nguồn và chống rung lan truyền như: Kê cân bằng các thiết bị thi công, gối đàn hồi, đệm đàn hồi, ...
- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động công nhân trong công trường.

1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố, rủi ro cháy nổ

- Không lưu giữ nhiên liệu cung cấp cho phương tiện trong khu vực Dự án nhằm hạn chế tối đa phát sinh sự cố cháy nổ từ nguồn này;
- Các loại CTR xây dựng có khả năng phát sinh cháy nổ được thu gom và xử lý triệt để, hạn chế lưu chứa tại khu vực công trường.
- Các hoạt động như hàn, cắt kim loại phải có thiết bị che, chắn để vảy hàn nóng đỏ không rơi, bám vào các vật dễ bén lửa gây cháy.
- Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây ra tia lửa điện phải bố trí thật an toàn.
- Trang bị các thiết bị chữa cháy ban đầu để dập tắt đám lửa ngay khi vừa phát sinh như: Bình chữa cháy khí CO₂, bình chữa cháy dạng bột, ...
- Trong trường hợp phát sinh sự cố vượt khả năng của đơn vị thi công, cần liên hệ với cơ quan có chức năng để được hỗ trợ kịp thời.
- Tuyên truyền nâng cao ý thức của công nhân xây dựng trong thực hiện các quy định về phòng cháy chữa cháy.

b) Các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông và an ninh khu vực

- Các biện pháp được thực hiện nhằm giảm thiểu phát sinh các vấn đề về an ninh trật tự và an toàn giao thông cụ thể như sau:
 - + Đơn vị thi công ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương.
 - + Đối với công nhân ngoài địa phương phải liên hệ đến Ủy ban nhân dân thị trấn để đăng ký tạm trú tạm vắng trong thời gian làm việc tại công trình.
 - + Bố trí nhân viên điều tiết quá trình hoạt động của phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng, phương tiện thi công, tránh tập trung số lượng lớn trên công trường và di chuyển vào giờ cao điểm.
 - + Bố trí rào chắn, không khê khu vực hoạt động của các phương tiện cơ giới; Biển báo nguy hiểm, đèn báo khu vực nguy hiểm.
 - + Tải trọng của các phương tiện vận chuyển đường bộ phải đảm bảo

không vượt quá tải trọng quy định của tuyến đường phương tiện đi qua.

+ Không vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng vào các giờ cao điểm, nhằm giảm thiểu tắc nghẽn giao thông.

+ Tuyên truyền nâng cao ý thức của công nhân xây dựng trong thực hiện các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông và đảm bảo an ninh trật tự khu vực.

+ Đơn vị thi công luôn chuẩn bị danh bạ điện thoại cần liên lạc như: Bệnh viện, Công an địa phương, Cảnh sát PCCC, Cảnh sát 113,...

- Các biện pháp được thực hiện nhằm giảm thiểu phát sinh các vấn đề về an toàn lao động cụ thể như sau:

+ Đảm bảo các điều kiện vi khí hậu và điều kiện môi trường lao động theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế, đặc biệt đối với tiêu chuẩn chiếu sáng;

+ Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị bảo hộ lao động cần thiết, đặc biệt đối với công nhân thao tác trên cao, thao tác với máy hàn, giàn khoan theo đúng quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

+ Sắp xếp, bố trí các máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn, nhằm giảm thiểu nguy cơ phát sinh va chạm.

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

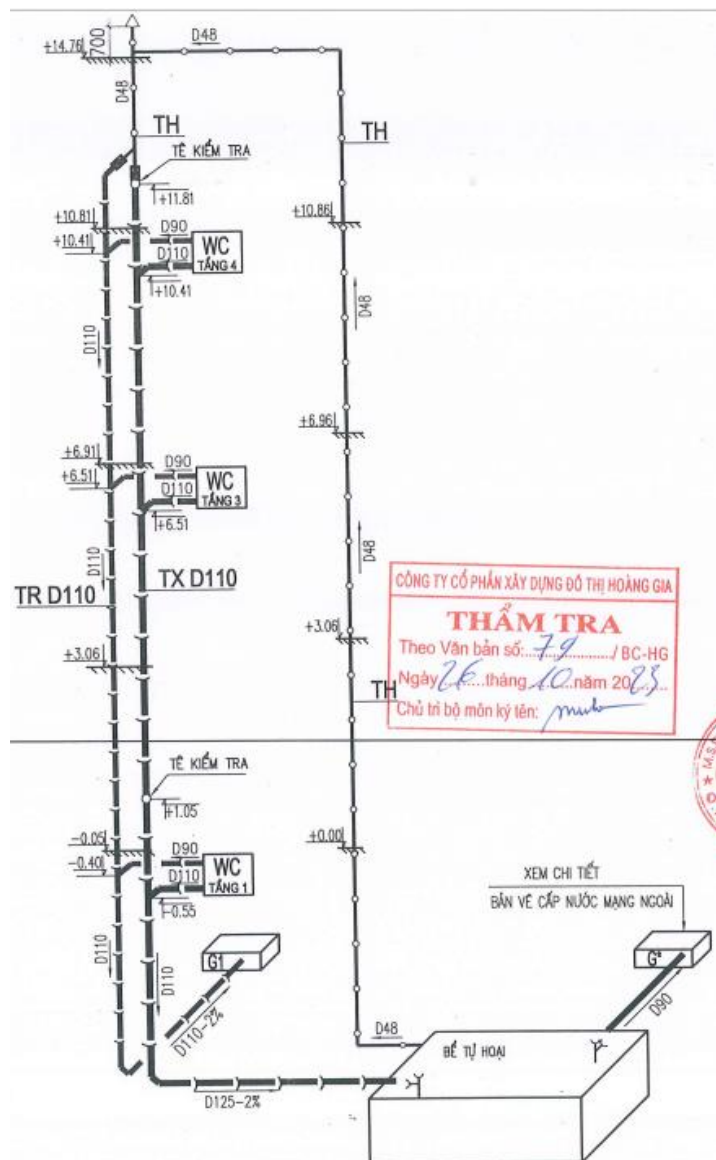
2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

a) Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

Trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, nước thải phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên và khách hàng, với lưu lượng tối đa 2,0 m³/ngày.

Các công trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt được xây dựng tại Dự án bao gồm:

a.1) Công trình thu gom nước thải sinh hoạt



Hình 5. Sơ đồ không gian thoát nước thải

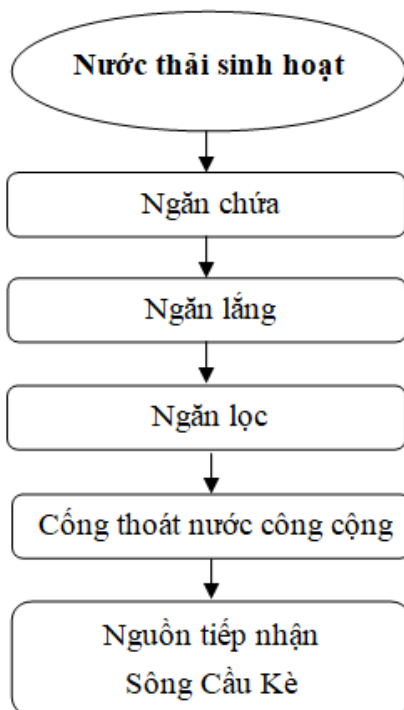
*** Thuyết minh sơ đồ**

- Nước thải phát sinh từ lavabo, nước rửa sàn được dẫn thoát ra cống thoát nước thải ngoài nhà, bằng đường ống PVC D34, D48, D90 và D110.
- Nước thải phát sinh từ bệ tiểu, bệ xí được thu gom, xử lý tại bể tự hoại trước khi được dẫn thoát ra cống thoát nước thải ngoài nhà, bằng đường ống PVC D90, D110 và D125.

a.2) Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh: Tối đa khoảng 0,96 m³/ngày.
- Công trình xử lý: 01 hầm tự hoại, với thể tích 9,57 m³ (dài x rộng x sâu = 2,9m x 2,0m x 1,65m)

- Yêu cầu về quy chuẩn: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B; K = 1,2)
- Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt của bể tự hoại được thể hiện trong sơ đồ sau:



Hình 6. Sơ đồ quy trình vận hành của bể tự hoại

* Thuyết minh nguyên lý hoạt động:

- Bể tự hoại là công trình đồng thời làm 2 chức năng gồm: lắng và phân huỷ cặn lắng. Cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ từ từ. Hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại đạt 60 - 65% cặn lơ lửng SS và 20 - 40% BOD. Quy trình hoạt động của bể cụ thể như sau:

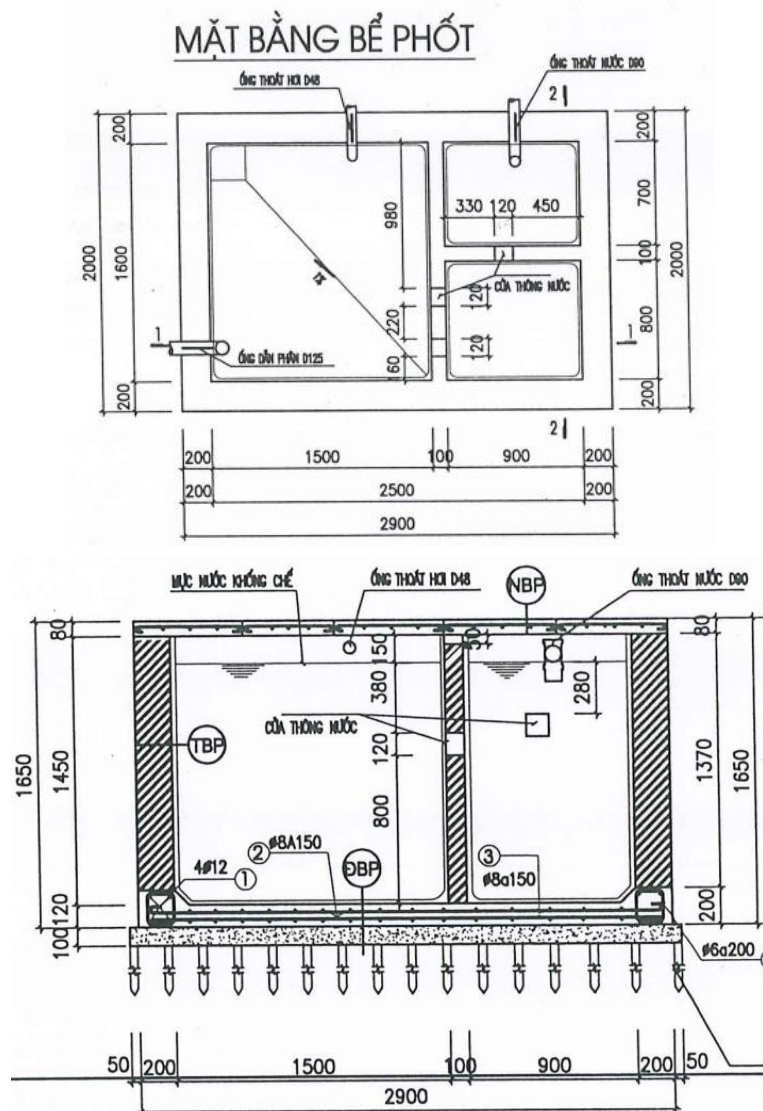
+ Ngăn chứa phân: Có thể tích tối thiểu chiếm $\frac{1}{2}$ tổng thể tích của hầm tự hoại, đây là ngăn tiếp nhận trực tiếp dòng thải. Thành phần, đặc tính của nước thải sinh hoạt là chứa nhiều chất hữu cơ, cặn lơ lửng hòa tan và không tan trong nước, chứa nhiều hàm lượng Nitơ và photpho tồn tại dưới các dạng hợp chất muối. Do đó, tại đây dưới tác động của trọng lực phần cặn có tỷ trọng lớn được lắng xuống đáy bể được giữ lại; các thành phần ô nhiễm sẽ được xử lý bằng các loại vi sinh vật yếm khí tồn tại dưới đáy bể, chúng phân huỷ các hợp chất hữu cơ, các thành phần muối amoni thành các khí tự do, tách ra khỏi nước, làm giảm hàm lượng ô nhiễm từ 40% - 45%. Phần váng nổi tích lũy trên bề mặt cũng sẽ được tính toán và hút định kỳ cùng với lượng cặn đã phân huỷ trong bể.

+ Ngăn lắng: Thể tích của ngăn lắng chiếm $\frac{1}{4}$ tổng thể tích của hầm tự hoại. Dòng nước thải sau khi được xử lý kỵ khí tại ngăn chứa được dẫn vào ngăn lắng nhằm loại bỏ tiếp tục lượng chất rắn lơ lửng còn lại trong dòng thải và sinh ra từ quá trình phân hủy của vi sinh vật.

+ Ngăn lọc: Thể tích chiếm $\frac{1}{4}$ tổng thể tích của hầm tự hoại. Tại đây, toàn bộ sinh khối cũng như cặn lơ lửng còn lại trong nước thải được loại bỏ bằng vật liệu lọc.

Nước thải sinh hoạt sau xử lý bằng hầm tự hoại được xả ra cống công cộng trên đường 30 tháng 4 và cuối cùng được xả thải ra nguồn tiếp nhận là sông Cầu Kè.

+ Nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải của hầm tự hoại, thực hiện hút bùn thải phát sinh tại hầm tự hoại, với tần suất 01 lần/năm.



Hình 7. Cấu tạo bể tự hoại (bể phốt) tại Dự án

a.3) Công trình thoát nước thải sinh hoạt sau xử lý

- Nước thải sau xử lý tại bể tự hoại được dẫn thoát ra công thoát nước thải ngoài nhà, bằng đường ống PVC D90.

- Công thoát nước thải ngoài nhà bao gồm các tuyến ống PVC D110 và D200.

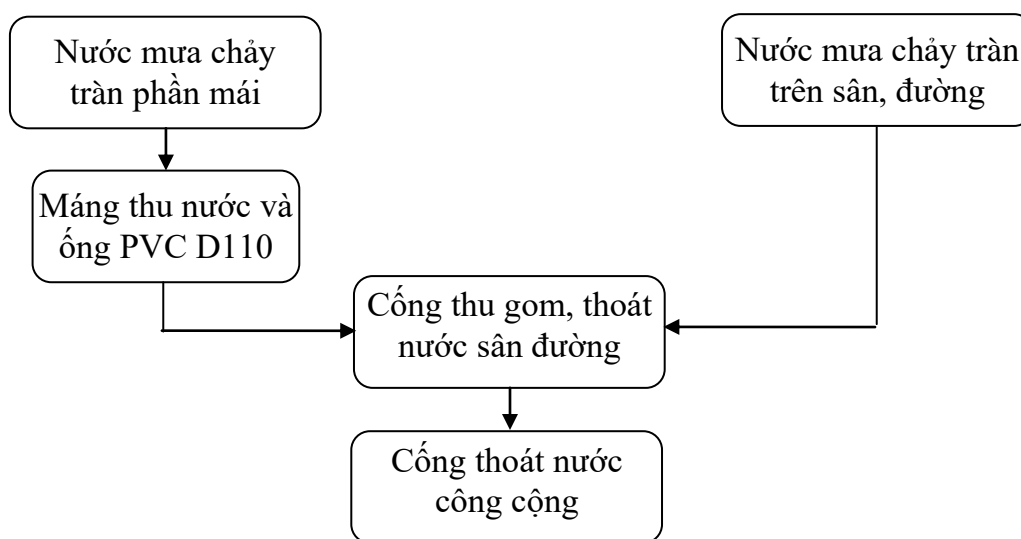
- Công thoát thải ngoài nhà tiếp tục dẫn nước thải thoát ra công thoát nước công cộng trên tuyến đường 30 tháng 4 bằng đường ống PVC D250.

- Vị trí đầu nối nước thải vào công thoát nước công cộng trên tuyến đường 30 tháng 4 có tọa độ (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3^o) như sau:

+ Tọa độ X = 109 1645

+ Tọa độ Y = 0560 779

a.3) Công trình thu gom, thoát nước mưa chảy tràn



Hình 8. Sơ đồ giải pháp thu gom, thoát nước mưa chảy tràn

**** Thuyết minh***

- Nước mưa chảy tràn phần mái: Được thu gom vào máng thu nước mưa Sau đó được dẫn xuống tuyến cống thu gom, thoát nước sân đường bằng tuyến ống PVC D110.

- Tuyến cống thu gom, thoát nước sân đường: Đường ống PVC D200. Dọc trên tuyến cống bố trí 04 hố ga, với thông số kỹ thuật của mỗi hố như sau:

+ Hố ga 1 (ký hiệu G1): dài x rộng x sâu = 700 x 700 x 650mm

- + Hố ga 2 (ký hiệu G2): dài x rộng x sâu = 700 x 700 x 700mm
- + Hố ga 3 (ký hiệu G3): dài x rộng x sâu = 700 x 700 x 700mm
- + Hố ga 4 (ký hiệu G4): dài x rộng x sâu = 700 x 700 x 800mm
- Nước mưa chảy tràn sau khi được thu gom vào tuyến cống thu gom, thoát nước sân đường sẽ được thải ra cống thoát nước công cộng trên đường 30 tháng 4 bằng đường ống PVC D250.
- Song song đó, thực hiện một số biện pháp kiểm soát chất lượng nước mưa chảy tràn, giảm thiểu ô nhiễm do mặt bằng rửa trôi như sau:
 - + Bố trí nhân viên vệ sinh, thu gom CTR khu vực sân đường nội bộ, định kỳ 01 lần/ngày.
 - + Thùng chứa CTR tại khu vực sân đường nội bộ có nắp đậy kín, đảm bảo nước mưa không tiếp xúc chất thải.
 - + Định kỳ kiểm tra, thu gom CTR tại các hố ga nước mưa, tuyến cống thu gom nước mưa. Tần suất thực hiện trung bình 06 tháng/lần.

Danh mục thông số kỹ thuật của mạng lưới cống thu gom, thoát nước mưa chảy tràn, nước thải tại dự án cụ thể như sau:

Bảng 15. Danh mục thông số kỹ thuật của mạng lưới cống thu gom, thoát nước mưa chảy tràn, nước thải

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng	
			Trong Nhà	Ngoài nhà
1	Ống PVC D125	m	05	-
2	Ống PVC D110	m	130	15
3	Ống PVC D90	m	100	35
4	Ống PVC D48	m	30	-
5	Ống PVC D34	m	15	-
6	Ống PVC D200	m	-	30
7	Ống PVC D250	m	-	10
8	Hố ga	cái	-	4

Nguồn: Hồ sơ thiết kế thi công, 2023

2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Trong quá trình hoạt động của Dự án, phát sinh bụi và khí thải từ các

phương tiện giao thông ra vào khu vực Dự án.

- Các biện pháp được đề xuất áp dụng nhằm giảm thiểu tác động của bụi và khí thải bao gồm:

+ Xây dựng hệ thống tường rào bao quanh Dự án và sân đường nội bộ được bê tông hóa, nhằm hạn chế phát tán bụi.

+ Bố trí cây xanh, cây cảnh trong khuôn viên Dự án, nhằm tạo cảnh quan và cải thiện điều kiện vi khí hậu.

+ Bố trí nhân viên thực hiện vệ sinh khu vực sân, đường nội bộ.

+ Thực hiện duy tu, sửa chữa khi phát sinh hư hỏng tại khu vực sân, đường nội bộ.

2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn

2.3.1. Khối lượng chất thải phát sinh

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại khu vực bếp ăn:

+ Khối lượng phát sinh được tính toán theo công thức sau:

$$M_{CTRSR} = W (\text{người}) * 0,4 (\text{kg/người.ngày}) = 12 * 0,4 = 4,8 \text{ kg/ngày}$$

Trong đó:

• M_{CTRSR} : khối lượng chất thải rắn phát sinh trong một ngày (kg/ngày).

• W: Số nhân viên (12 người)

• Định mức phát sinh CTRSH: Căn cứ theo số liệu quy định tại Bảng 2.23 của QCVN 01:2021/BXD, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh vào khoảng 0,8 kg/người-ngày. Tuy nhiên, nhân viên làm việc trung bình 08 giờ/ngày, nên CTR sinh hoạt phát sinh trung bình khoảng 0,4 kg/người-ngày.

+ Thành phần bao gồm: Các chất thải có nguồn gốc hữu cơ dễ phân huỷ như rau, hoa quả, thức ăn dư thừa; Vỏ bao bì, gói, hộp đựng đồ ăn, thức uống (nhựa, giấy, kim loại,...)

- Chất thải rắn văn phòng thông thường phát sinh tại khu vực văn phòng: Khối lượng phát sinh trung bình 01 kg/ngày. Thành phần bao gồm những loại văn phòng phẩm không được sử dụng, cụ thể như: Ghim bấm, kẹp, giấy vụn, giấy đã qua sử dụng, bút hết mực, bút hỏng, ...

- Chất thải nguy hại:

+ Khối lượng phát sinh: Tối đa khoảng 10 kg/năm

+ Thành phần các loại CTNH phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án được dự báo trong bảng sau:

Bảng 16. Thành phần và khối lượng các loại CTNH

Mã chất thải	Tên chất thải	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (Y)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại thông thường	Kí hiệu phân loại
16 01 06	Bóng đèn huỳnh quang thải	20 01 21	A1030	Y29	Đ, ĐS	Rắn	NH
08 02 04	Hộp mực in thải	08 03 17	-	Y12	Đ, ĐS	Rắn	KS
16 01 12	Pin thải	20 01 33	A1160 A1170	Y26 Y29 Y31	Đ, ĐS, AM	Rắn	NH

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp

2.3.2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải

a) Chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí 02 thùng chứa CTR sinh hoạt tại khu vực bếp ăn, loại thùng 12 lít, có nắp đậy kín.
- Bố trí 01 thùng chứa rác, loại thùng 12 lít, có nắp đậy kín tại mỗi nhà vệ sinh.
- Bố trí nhân viên thu gom, tập kết CTRSH vào thùng rác công cộng. Định kỳ 01 lần/ngày.
- Thực hiện đóng phí thu gom rác thải theo đúng quy định.

b) Chất thải rắn văn phòng thông thường

- Bố trí 01 thùng chứa rác, loại thùng 12 lít tại mỗi phòng làm việc. Dự kiến bố trí khoảng 10 thùng.
- Rác thải phát sinh từ nguồn này thuộc nhóm rác thải có khả năng tái chế, nên được thu gom vào bao kín, lưu giữ tạm thời và định kỳ cung cấp cho các cơ sở thu mua phế liệu.
- Bố trí nhân viên thu gom về giữ tạm thời. Định kỳ 01 lần/ngày.
- Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời: Vị trí tại khu vực nhà xe, với diện tích khoảng 02 m².
- Thực hiện cung cấp cho các cơ sở thu mua phế liệu. Định kỳ 01 lần/tháng.

c) Chất thải nguy hại

Thực hiện các biện pháp lưu giữ, phân loại CTNH tuân thủ theo quy định tại Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Bố trí 01 thùng chứa dung tích 120 lít, được làm bằng nhựa, có nắp đậy kín và có dán nhãn cảnh báo.
- Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời: Vị trí tại khu vực nhà xe, với diện tích khoảng 02 m².
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định hiện hành, với chu kỳ thu gom dự kiến là 01 lần/năm. Đơn vị thu gom, vận chuyển CTNH thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 72 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Trong quá trình hoạt động của Dự án, không sử dụng các loại máy móc, thiết bị phát sinh tiếng ồn. Tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án và không phát sinh độ rung
- Tuy nhiên, độ ồn phát sinh rất thấp, tần suất phát sinh gián đoạn và các tác động từ nguồn này mang tính cục bộ, không đáng kể. Các biện pháp đề xuất thực hiện nhằm giảm thiểu tiếng ồn bao gồm:

+ Xây dựng hệ thống tường rào bao quanh Dự án, nhằm hạn chế lan truyền tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông ra khu vực xung quanh.

+ Quy định thời gian hoạt động trong ngày

- Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung: QCVN 26:2010/BTNMT
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ).

2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Hệ thống cấp điện trong khu vực Dự án bảo đảm đạt tiêu chuẩn an toàn về phòng cháy và chữa cháy;
- Lắp đặt nội quy, tiêu lệnh chữa cháy và các phương tiện phòng cháy chữa cháy tại Dự án theo quy định tại TCVN 3890:2009;

- Các phương tiện PCCC luôn được kiểm tra thường xuyên và trong tình trạng sẵn sàng ứng phó sự cố;
- Tổ chức huấn luyện công tác PCCC cho nhân viên dưới sự hướng dẫn, kiểm tra của lực lượng cảnh sát PCCC;
- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của nhân viên trong công tác phòng cháy chữa cháy;
- Khi có sự cố cháy nổ xảy ra, nhanh chóng di tản người ra khỏi đám cháy và tiến hành ngay công tác chữa cháy, ứng cứu người bị nạn.
- Số lượng các công trình, thiết bị phòng cháy chữa cháy dự kiến trang bị tại Dự án cụ thể như sau:

Bảng 17. Danh mục các phương tiện phòng cháy chữa cháy

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	Hệ thống thu sét và nối đất	Hệ thống	01
2	Bể chứa nước	Bể	01
3	Bảng nội quy	Cái	08
4	Bình bột MFZL4	Bình	16
5	Bình khí CO ₂ MT5	Bình	08
6	Đèn chiếu sáng sự cố	Cái	07
7	Đèn exit	Cái	08
8	Đầu báo cháy khói quang thường	Cái	19
9	Đầu báo cháy nhiệt gia tăng	Cái	02
10	Nút ấn báo động + Loa báo động	Cái	05
11	Tủ báo cháy trung tâm 6 kênh	Tủ	01

Nguồn: Hồ sơ thiết kế thi công, 2023

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư và dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Bảng 18. Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và dự toán kinh phí thực hiện

TT	Các vấn đề môi trường	Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Khối lượng	Kinh phí dự kiến (đồng)
A <i>Giai đoạn xây dựng</i>				
1	Nước thải sinh hoạt	- Nhà vệ sinh di động	01 cái	10.000.000
		- Thuê đơn vị thu gom và xử lý	01 lần/02 tuần	8.000.000 (đơn giá 500.000/lần)
2	Chất thải rắn sinh hoạt	- Thùng chứa rác	01 thùng, loại 120 lít	550.000
		- Thực hiện đóng phí thu gom CTRSH	09 tháng	1.800.000
3	Chất thải nguy hại	- Thiết bị thu gom, lưu chứa CTNH	02 thùng phuy, loại 120 lít	980.000
		- Thuê đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý	01 lần	3.000.000
4	Sự cố, rủi ro	- Trang bị thiết bị PCCC - Kinh phí bồi thường, hỗ trợ và khắc phục sự cố (nếu có)	-	20.000.000
B <i>Giai đoạn vận hành</i>				
1	Nước thải sinh hoạt	- Mạng lưới cống thu gom, thoát nước	- 01 mạng lưới trong nhà - 01 mạng lưới ngoài nhà	70.000.000
		- Bể phốt	01 bể	30.000.000
		- Hút bùn	01 lần/02 năm	10.000.000
2	Chất thải rắn sinh hoạt, văn phòng	- Thùng chứa rác	15 thùng, loại thùng 12 lít	3.000.000
		Phí thu gom CTRSH	01 lần/tháng	200.000
3	Chất thải nguy hại	- Thùng chứa	01 thùng, loại thùng 120 lít	500.000
4	Phương tiện, thiết bị PCCC	- Hệ thống thu sét và nối đất - Bể chứa nước	Toàn dự án	100.000.000

TT	Các vấn đề môi trường	Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Khối lượng	Kinh phí dự kiến (đồng)
		<ul style="list-style-type: none"> - Bảng nội quy - Bình bột MFZL4 - Bình khí CO₂ MT5 - Đèn chiếu sáng sự cố - Đèn exit - Đầu báo cháy khói quang thường - Đầu báo cháy nhiệt gia tăng - Nút ấn báo động + Loa báo động - Tủ báo cháy trung tâm 6 kênh 		

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2023

3.2. Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường

- Các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường được xây dựng song song với quá trình xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

- Thời gian triển khai xây dựng dự án: Dự kiến từ tháng 02/2024 đến tháng 9/2024.

3.3. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

- Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng:

+ Đơn vị thi công chịu trách nhiệm bố trí kinh phí và nhân viên thực hiện đầy đủ các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng đã nêu trong Báo cáo.

+ Đơn vị chủ dự án chịu trách nhiệm giám sát, đôn đốc quá trình thực hiện các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng đã nêu trong Báo cáo. Dự kiến bố trí 02 nhân viên.

- Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành:

+ Dự án không đầu tư các công trình xử lý chất thải, do đó không bố nhân viên chuyên trách vận hành các công trình xử lý chất thải.

+ Bố trí 01 nhân viên, thực hiện công tác vệ sinh toàn dự án, thu gom, tập kết các loại chất thải theo đúng quy định.

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Kết quả đánh giá, dự báo các tác động môi trường đã được thực hiện có mức độ tin cậy, chi tiết cao bởi vì:

- Báo cáo đã phân tích, đánh giá chi tiết, cụ thể từng nguồn thải phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện dự án. Thải lượng chất thải được dự báo trên cơ sở sử dụng kết quả số liệu trong tính toán từ những tài liệu kỹ thuật đã được ban hành, quy chuẩn Việt Nam, áp dụng những phương pháp đánh giá tác động được công bố và ban hành rộng rãi.

- Báo cáo đã đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường chi tiết, cụ thể đối với từng nguồn thải trên cơ sở các quy định hiện hành về quản lý và xử lý chất thải.

- Công tác thống kê, xử lý số liệu được thực hiện bởi đội ngũ cán bộ được đào tạo chuyên môn về kỹ thuật môi trường, quản lý môi trường.

Chương V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt sau xử lý
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 2,0 m³/ngày
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận nước thải
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B; K = 1,2), cụ thể như sau:

Bảng 19. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/ BTNMT (C _{max})
1	pH	-	5 - 9
2	TSS	mg/L	120
3	BOD ₅	mg/L	60
4	TDS	mg/L	1.200
5	H ₂ S	mg/L	4,8
6	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	12
7	Nitrat (tính theo N)	mg/L	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	12
10	Phosphat (tính theo P)	mg/L	12
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000

- Vị trí đầu nối nước thải vào cống thoát nước công cộng trên tuyến đường 30 tháng 4 có tọa độ (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30, múi chiếu 3^o) như sau:

+ Tọa độ X = 109 1645

- Tọa độ Y = 0560 779

- Phương thức xả thải: Tự chảy

- Nguồn tiếp nhận: Xả thải ra cống thoát nước công cộng trên tuyến

đường 30 tháng 4 và nguồn tiếp nhận là sông Cầu Kè

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: Không

Chương VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

- Các công trình xử lý nước thải được xây dựng tại Dự án đầu tư Xây dựng trụ sở làm việc và các hạng mục phụ trợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Cầu Kè, bao gồm: 01 hầm tự hoại (bể phốt).

- Bể tự hoại (bể phốt) được xây dựng tại Dự án dạng hợp khối, lưu lượng nước thải sau xử lý rất thấp và vị trí đầu nổi đặt âm dưới nền công trình kiên cố.

- Căn cứ theo điểm c, d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và khoản 3 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường, Dự án thuộc đối tượng không thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải này.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Căn cứ Công văn số 964/KSONMT-CN&NH ngày 11/4/2023 của Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường về việc hướng dẫn thực hiện quan trắc nước thải, bụi, khí thải; Phụ lục II và XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án đầu tư Xây dựng trụ sở làm việc và các hạng mục phụ trợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Cầu Kè không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ theo Khoản 2 Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án đầu tư Xây dựng trụ sở làm việc và các hạng mục phụ trợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Cầu Kè không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

Chương VII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- Chủ dự án cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu, được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

- Chủ dự án cam kết thực hiện đầy đủ các công tác bảo vệ môi trường như đã nêu trong báo cáo, cam kết xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể như sau:

+ Đối với nước mưa chảy tràn: Thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát chất lượng nước mưa chảy tràn, đảm bảo không bị ô nhiễm do mặt bằng rửa trôi.

+ Đối với nước thải: Xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B; K = 1,2), trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận nước thải.

+ Đối với chất thải rắn (chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại): Thực hiện đầy đủ các biện pháp quản lý chất thải, đảm bảo công tác quản lý và xử lý chất thải rắn đúng theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Đối với các nguồn phát sinh khí thải, tiếng ồn: Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn. Đảm bảo môi trường không khí đạt: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ Phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố: Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố đã nêu.

Số: 925 /QĐ-NHCS

Trà Vinh, ngày 21 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật
Công trình: Xây dựng trụ sở làm việc và các HMPT
Phòng giao dịch NHCSXH huyện Cầu Kè

GIÁM ĐỐC

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TRÀ VINH

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi bổ sung số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 66/QĐ-HĐQT ngày 18/11/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) về việc ban hành Quy chế đầu tư xây dựng trong hệ thống NHCSXH;

Căn cứ Hướng dẫn số 5466/HD-XDCB ngày 16/12/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng công trình trong hệ thống NHCSXH;

Căn cứ Thông báo số 1199/NHCS-XDCB ngày 16/02/2023 của Tổng Giám đốc NHCSXH về Kế hoạch vốn xây dựng cơ bản năm 2023 Chi nhánh NHCSXH tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ hồ sơ thiết kế Công trình: Xây dựng trụ sở làm việc và các HMPT Phòng giao dịch NHCSXH huyện Cầu Kè do Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư xây dựng Minh Quân lập;

Căn cứ chứng thư thẩm định giá số 86610/23/CT/OCA-HNO ngày 25/10/2023 của Công ty TNHH Kiểm toán Định Giá Đại Dương;

Căn cứ Báo cáo số 79/BC-HG ngày 26/10/2023 của Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị Hoàng Gia về việc Báo cáo kết quả thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật Công trình: Xây dựng trụ sở làm việc và các HMPT Phòng giao dịch NHCSXH huyện Cầu Kè;

Căn cứ Báo cáo thẩm định kiểm tra trình ngày 14/11/2023 của Ban Xây dựng cơ bản về việc chấp thuận hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật, bổ sung tổng mức đầu tư Công trình: Xây dựng trụ sở làm việc và các HMPT Phòng giao dịch NHCSXH huyện Cầu Kè đã được Phó Tổng Giám đốc chấp thuận;

Xét Tờ trình số 32/TTr-NHCS-XDCB ngày 16/11/2023 của Chủ đầu tư công trình về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật Công trình: Xây dựng trụ sở làm việc và các HMPT Phòng giao dịch NHCSXH huyện Cầu Kè.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng Công trình: Xây dựng trụ sở làm việc và các HMPT Phòng giao dịch NHCSXH huyện Cầu Kè với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Công trình: Xây dựng trụ sở làm việc và các HMPT Phòng giao dịch NHCSXH huyện Cầu Kè.

2. Tên Chủ đầu tư: Phòng giao dịch NHCSXH huyện Cầu Kè

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

- Đáp ứng kịp thời nhu cầu làm việc của cán bộ nhân viên phòng giao dịch.
- Tạo ra cơ sở vật chất khang trang đồng bộ góp phần xây dựng bộ mặt chung của Phòng giao dịch cũng như toàn bộ khu vực.
- Tạo bộ mặt kiến trúc đồng bộ cho khu vực.

4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

- Đầu tư Xây dựng trụ sở làm việc và các HMPT Phòng giao dịch NHCSXH huyện Cầu Kè với tổng diện tích là 278,8 m².
- Các hạng mục xây dựng gồm:
 - + Xây dựng Nhà làm việc kết hợp nhà phụ trợ 04 tầng, diện tích xây dựng 162,5m², tổng diện tích sàn 545 m².
 - + Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, công, hàng rào, sân đường ... đồng bộ

5. Tổ chức tư vấn lập BCKTKT: Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư xây dựng Minh Quân.

6. Địa điểm xây dựng: Công trình được xây dựng trên khu đất hiện có của Phòng giao dịch NHCSXH huyện Cầu Kè tại thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

7. Loại và cấp công trình

- Loại công trình: Công trình dân dụng
- Cấp công trình: Dự án nhóm C, công trình cấp III.

8. Số bước thiết kế: Thiết kế 1 bước

9. Tổng mức đầu tư của dự án:

- Tổng mức: 8.932.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ chín trăm ba mươi hai triệu đồng)
Trong đó:

Chi phí xây dựng:	7.176.029.920	đồng
Chi phí thiết bị	262.394.000	đồng
Chi phí quản lý dự án	258.394.000	đồng
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	864.248.515	đồng
Chi phí khác	89.321.699	đồng
Chi phí dự phòng	281.479.995	đồng

10. Nguồn vốn đầu tư: Vốn khấu hao của NHCSXH.

11. Hình thức quản lý dự án: Thuê tư vấn quản lý dự án.

12. Thời gian thực hiện: năm 2023-2024

Điều 2. Phòng giao dịch NHCSXH huyện Cầu Kè, Tổ giúp việc cho Chủ đầu tư và Đơn vị tư vấn quản lý dự án có trách nhiệm tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đảm bảo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và hướng dẫn của Ngành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chủ đầu tư công trình; Tổ giúp việc cho Chủ đầu tư và Đơn vị tư vấn quản lý dự án chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu VT.



Dương Huy Phong



TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Công trình: Xây dựng trụ sở làm việc và các HMPT Phòng giao dịch NHCSXH huyện Cầu Kè
 (Kèm theo Quyết định số 925/QĐ-NHCS ngày 21/11/2023 của Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Thuế suất GTGT
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]=[5]x10%	[7]=[5]+[6]	
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Gxd	Theo dự toán chi tiết	6.581.643.362	658.164.336	7.239.807.698	10%
	<i>Chi phí xây dựng (Phân khai chi phí xây dựng theo thuế suất quy định tại Nghị định 44/2023/NĐ-CP)</i>			<i>6.581.643.362</i>	<i>594.386.558</i>	<i>7.176.029.920</i>	<i>10% và 8%</i>
	Giá trị thực hiện theo kế hoạch vốn năm 2023, thuế suất 8%	Gxd8%	3.444.000.000/1,08	3.188.888.889	255.111.111	3.444.000.000	8%
	Giá trị thực hiện năm 2024, thuế suất 10%	Gxd10%	Gxd-Gxd8%	3.392.754.473	339.275.447	3.732.029.920	10%
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	Gtb	Theo dự toán chi tiết	238.540.000	23.854.000	262.394.000	10%
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Gqlda	$(Gxd+Gtb)*3,446\%$	235.023.519	23.502.352	258.525.871	10%
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	Gtv	$\Sigma Gtv-i$			864.248.515	
4.1	Chi phí lập BCKTKT	Gtv1	$(Gxl+Gtb)*4,222\%$	287.948.142	23.611.747	311.559.889	10% và 8%
	<i>Phần giá trị hoàn thành dự kiến nghiệm thu thanh toán trong năm 2023 (90% giá trị hợp đồng)</i>			<i>259.153.328</i>	<i>20.732.266</i>	<i>279.885.594</i>	<i>8%</i>
	<i>Phần giá trị hoàn thành dự kiến nghiệm thu thanh toán sau năm 2023 (10% giá trị hợp đồng)</i>			<i>28.794.814</i>	<i>2.879.481</i>	<i>31.674.295</i>	<i>10%</i>
4.2	Chi phí khảo sát xây dựng	Gtv2	Theo dự toán chi tiết	155.452.318	12.436.185	167.888.503	8%
4.3	Chi phí thẩm tra BCKTKT phần bản vẽ thiết kế	Gtv3	$Gxd*0,258%*1,2$	20.376.768	1.630.141	22.006.909	8%

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Thuế suất GTGT
4.4	Chi phí thẩm tra BCKTKT phần dự toán	Gtv4	$Gxd*0,250\%*1,2$	19.744.930	1.579.594	21.324.524	8%
4.5	Chi phí thẩm định giá thiết bị	Gtv5	TT	15.000.000	1.200.000	16.200.000	8%
4.6	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT thi công xây dựng	Gtv6	$Gxd*0,432\%$	28.432.699	2.274.616	30.707.315	8%
4.7	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT mua sắm thiết bị	Gtv7	$Gxd*0,367\%$	875.442	70.035	945.477	8%
4.8	Chi phí thẩm định HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng	Gtv8	$Gxd*0,05\%*2$	6.581.643	526.531	7.108.174	8%
4.9	Chi phí thẩm định HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp lắp đặt thiết bị	Gtv9	$Gtb*0,05\%*2$; min 2.000.000			2.000.000	8%
4.10	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Gtv10	$Gxd*3,285\%$	216.206.984	21.620.698	237.827.682	10%
4.11	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	Gtv11	$Gtb*0,844\%$	2.013.278	201.328	2.214.606	10%
4.12	Chi phí thí nghiệm nền tĩnh cọc	Gtv12	theo dự toán chi tiết	40.423.124	4.042.312	44.465.436	10%
V	CHI PHÍ KHÁC	Gk	$\Sigma Gk-i$			89.321.699	
5.1	Chi phí bảo hiểm công trình	Gk1	$(Gxl+Gtb)*0,11\%$	7.239.808	723.981	7.963.789	10%
5.2	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	Gk2	$Gtv10*5\%$	10.810.349	1.081.035	11.891.384	10%
5.3	Chi phí kiểm toán	Gk3	$(TMDT-Gdp)*0,73\%$	63.151.387	6.315.139	69.466.526	10%
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	Gdp	$\Sigma Gdp-i$			281.479.995	
6.1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	Gdp1	$\sim 3,25\%$			281.479.995	
	TỔNG CỘNG	Gtm	$Gxd+Gtb+Gqlda+Gtv+Gk+Gdp$			8.932.000.000	

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Mã số địa điểm kinh doanh: 00007

Đăng ký lần đầu, ngày 09 tháng 6 năm 2016

Đăng ký thay đổi lần thứ 01, ngày 28 tháng 4 năm 2020

1. Tên địa điểm kinh doanh:

PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HUYỆN CẦU KÈ

2. Địa chỉ:

Khóm 5, Thị trấn Cầu Kè, Huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: 02943.814430

Fax: 02943.814269

Email: vankhenduong3@gmail.com

3. Thông tin về người đứng đầu:

DƯƠNG VĂN KHÉN

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *1978*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Chứng minh nhân dân số: *334115093*

Ngày cấp: *06/02/2013*

Nơi cấp: *Công an Trà Vinh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Áp Phú Thọ 1, Xã Hiếu Trung, Huyện Tiểu Cần, Tỉnh Trà Vinh*

Chỗ ở hiện tại: *Khóm 6, Thị trấn Cầu Kè, Huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh*

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp/chi nhánh:

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH TRÀ VINH

Mã số chi nhánh: 0100695387-058

Địa chỉ trụ sở chính: *Số 21, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 2, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh*

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Hoàng Đệ

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :

1. Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
2. Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
3. Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
4. Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số AI 829173

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN

TỈNH TRÀ VINH

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH TRÀ VINH

Thành lập theo Quyết định số: 75/QĐ-HĐQT ngày 14/01/2003

Địa chỉ: Số 21- Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 2, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

II- Thửa đất được quyền sử dụng

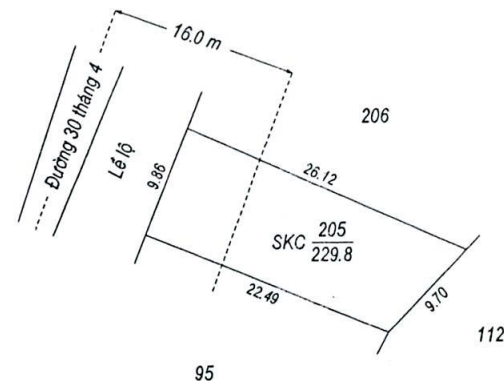
- Thửa đất số: 205
- Tờ bản đồ số: 26
- Địa chỉ thửa đất: khóm 5, thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh
- Diện tích: 229,8 m²
Bằng chữ: (hai trăm hai mươi chín phẩy tám mét vuông)
- Hình thức sử dụng:
 - + Sử dụng riêng: 229,8 m²
 - + Sử dụng chung: Không m²
- Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh
- Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày /2057
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú

66,7 m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông đường bộ.

V- Sơ đồ thửa đất



Tỷ lệ: 1/500

Ngày 26 tháng 9 năm 2007

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

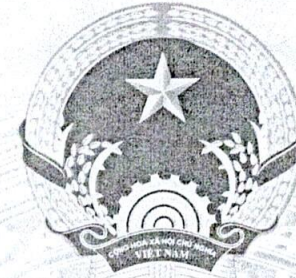


Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:T.00744....

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất:

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH TRÀ VINH

Quyết định thành lập số: 75/QĐ-HDQT, ngày 14/01/2003

Địa chỉ: Số 21- Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 2, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2 9 3 0 8 0 9 0 0 0 0 3 3

BA 195552

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- Thửa đất số: 241, tờ bản đồ số: 26
- Địa chỉ: khóm 5, thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh
- Diện tích: 49 m², (Bằng chữ: Bốn mươi chín mét vuông)
- Hình thức sử dụng: rộng 49 m², chung Không
- Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh
- Thời hạn sử dụng: Lâu dài
- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

3. Công trình xây dựng khác: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

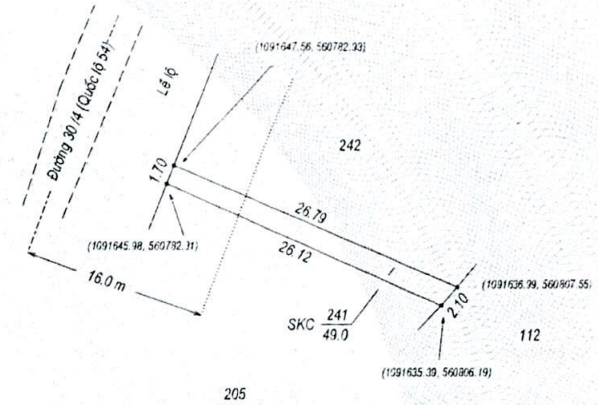
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

5. Cây lâu năm: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

6. Ghi chú:

Thửa đất có 11,7 m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình Quốc lộ 54.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Trà Vinh, ngày 20 tháng 01 năm 2010

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

KT. CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)



Trần Khiêu

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1397 /QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 26 tháng 9 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao đất không thu tiền sử dụng đất 229,8 m² tại khóm 5, thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh Trà Vinh để xây dựng phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Cầu Kè

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 233/TTr-STNMT ngày 20/9/2007 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc giao 229,8 m² đất tọa lạc tại khóm 5, thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã Hội tỉnh Trà Vinh để xây dựng phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Cầu Kè,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao đất không thu tiền sử dụng đất 229,8 m² (trong đó có 66,7 m² đất hành lang bảo vệ an toàn giao thông đường bộ) tọa lạc tại khóm 5, thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã Hội tỉnh Trà Vinh địa chỉ số 21 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 2, thị xã Trà Vinh để xây dựng phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Cầu Kè.

Thời hạn sử dụng đất là 50 năm (đến năm 2057).

Vị trí, ranh giới khu đất giao được xác định theo Tờ trích lục bản đồ địa chính số 960/TL-VPĐKQSDĐ tỷ lệ 1/500 do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 19 tháng 9 năm 2007.

Những hạn chế về quyền sử dụng đất:

Diện tích đất hành lang bảo vệ an toàn giao thông đường bộ 66,7 m² không được xây dựng các công trình kiên cố và trồng cây lâu năm.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

1. Thông báo cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã Hội tỉnh Trà Vinh nộp phí và lệ phí theo quy định của pháp luật.

2. Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cầu Kè kết hợp UBND thị trấn Cầu Kè xác định cụ thể mốc ranh giới và bàn giao đất trên thực địa.

3. Trao Quyết định giao đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã Hội tỉnh Trà Vinh sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

4. Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cầu Kè thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ địa chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Cầu Kè, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cầu Kè, Chủ tịch UBND thị trấn Cầu Kè và Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã Hội tỉnh Trà Vinh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT.TU, HĐND tỉnh (b/c);
- Như điều 3;
- Lãnh đạo VP, Khối NCNN;
- Lưu VT;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Sơn Thị Ánh Hồng

TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

Số... 260./TL- VPĐKQSDĐ

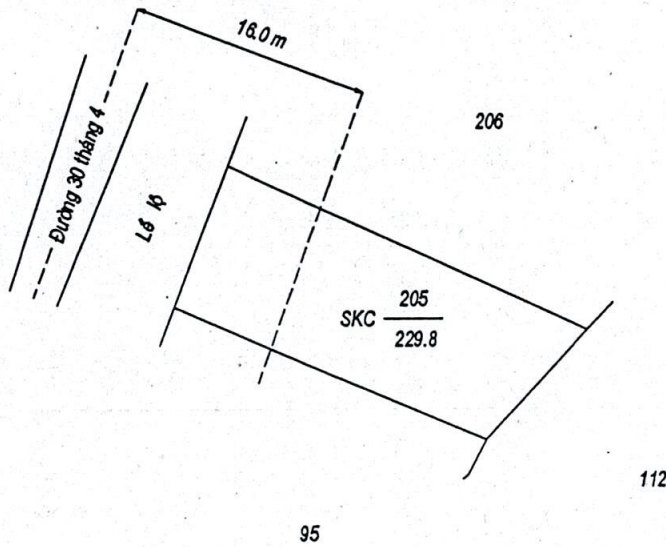
Tỷ lệ: 1/500

Tên công trình: KHU VỰC ĐẤT ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIAO CHO NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
TỈNH TRÀ VINH ĐỂ XÂY DỰNG PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH HUYỆN CẦU KÈ

Trích lục từ tờ bản đồ địa chính số: 26, tỷ lệ: 1/500

Của: nhóm 5
thị trấn Cầu Kè
huyện Cầu Kè
tỉnh Trà Vinh

Diện tích đất sử dụng: 229.8 m², (trong đó diện tích HLBVGTĐB là: 66.7 m²)



- Chỉ giới đường đỏ theo Quyết định số:
1990/QĐ-CTT, ngày 27/11/2001

THỐNG KÊ DIỆN TÍCH ĐẤT

Số TT	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Ghi chú
1	26	205	229.8	SKC	
Cộng			229.8		

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH TRÀ VINH

Ngày 19/1/2007
Người trích lục

Dương Nhật Tiến

Ngày 19/1/2007
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Nam Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2356 /QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 22 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi và giao đất cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội Trà Vinh 49 m² tọa lạc tại khóm 5, thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh để đầu tư xây dựng công trình sửa chữa, cải tạo mở rộng trụ sở làm việc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 296/TTr-STNMT ngày 11 tháng 12 năm 2009 về việc thu hồi và giao cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh Trà Vinh 49 m² đất, tọa lạc tại khóm 5, thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh để đầu tư xây dựng công trình sửa chữa, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 49 m² đất thuộc thửa số 241, tờ bản đồ số 26, loại đất xây dựng, tọa lạc tại khóm 5, thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh do Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè đứng tên trong sổ bộ địa chính.

Vị trí, ranh giới khu đất thu hồi được xác định theo Tờ trích lục bản đồ địa chính số 860/TL-VPĐKQSDĐ, tỷ lệ 1/500 do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Trà Vinh tỉnh lập ngày 03/12/2009.

Điều 2. Giao cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội Trà Vinh địa chỉ số 21 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 2, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh 49 m² đất, thuộc thửa số 241, tờ bản đồ số 26, loại đất cơ sở sản xuất kinh doanh (SKC), tọa lạc tại khóm 5, thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh để đầu tư xây dựng công trình sửa chữa, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Thời hạn sử dụng đất lâu dài.

Vị trí, ranh giới khu đất giao được xác định theo Tờ trích lục bản đồ địa chính số 861/TL-VPĐKQSDĐ, tỷ lệ 1/500 do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh lập ngày 03/12/2009.

Điều 3. Căn cứ Điều 1, Điều 2 của Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

1. Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè (nếu có);

2. Thông báo cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội Trà Vinh nộp phí và lệ phí theo quy định của pháp luật;

3. Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cầu Kè kết hợp Ủy ban nhân dân thị trấn Cầu Kè xác định cụ thể mốc giới và bàn giao đất trên thực địa;

4. Trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội Trà Vinh sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định;

5. Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cầu Kè thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ địa chính.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Cầu Kè và Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội Trà Vinh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- VP.UBND tỉnh: CVP, các PCVP, các Phòng NC: NN, KTTH;
- Lưu: VT. 17bđ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Khiêu

TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

Số...860.../TL- VPĐKQSDĐ

Tỷ lệ : 1/500

Tên công trình: KHU VỰC ĐẤT UBND TỈNH TRÀ VINH THU HỒI CỦA UBND HUYỆN CẦU KÈ

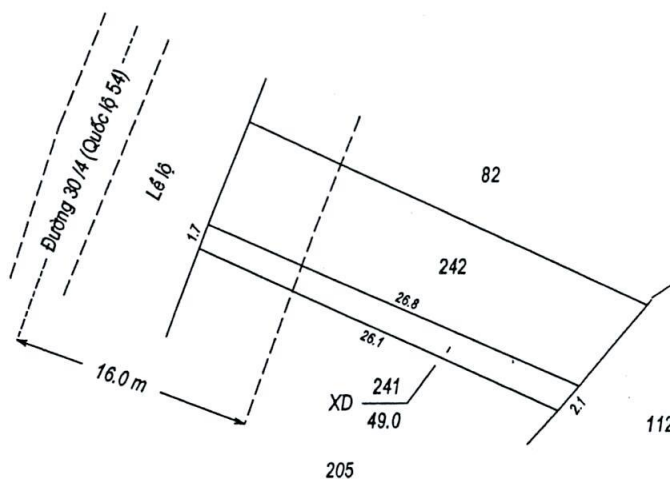
Trích lục từ tờ bản đồ địa chính số: 26, tỷ lệ: 1/500

Của: thị trấn Cầu Kè

huyện Cầu Kè

tỉnh Trà Vinh

Diện tích đất sử dụng: 49,0 m², (trong đó diện tích HLBVATGTĐB là: 11,7 m²)



- Chỉ giới đường đỏ theo Quyết định số :
1990/QĐ-CTT, ngày 27/11/2001

- Trích lục theo tài liệu đo đạc năm 2000

THỐNG KÊ DIỆN TÍCH ĐẤT

Số TT	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Ghi chú
1	26	241	49,0	XD	
Cộng			49,0		

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH TRÀ VINH

Ngày 02/12/2009
Người trích lục

Phan Thành Đê

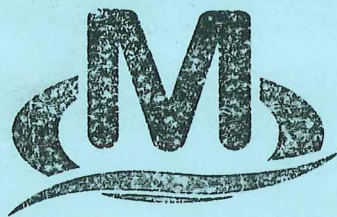
Phan Thành Đê

Ngày 03/12/2009
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Nam Luận

Nguyễn Nam Luận



CÔNG TY TNHH

THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH QUÂN

ĐỊA CHỈ : SỐ 57/12 - NGÕ 470 - ĐƯỜNG NGUYỄN TRÃI - P. THANH XUÂN TRUNG - Q. THANH XUÂN - HÀ NỘI

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

CÔNG TRÌNH : XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC VÀ CÁC HẠNG MỤC PHỤ TRỢ
PGD NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI (NHCSXH) HUYỆN CẦU KÈ

ĐỊA ĐIỂM XD : TT.CẦU KÈ - HUYỆN CẦU KÈ - TỈNH TRÀ VINH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐÔ THỊ HOÀNG GIA

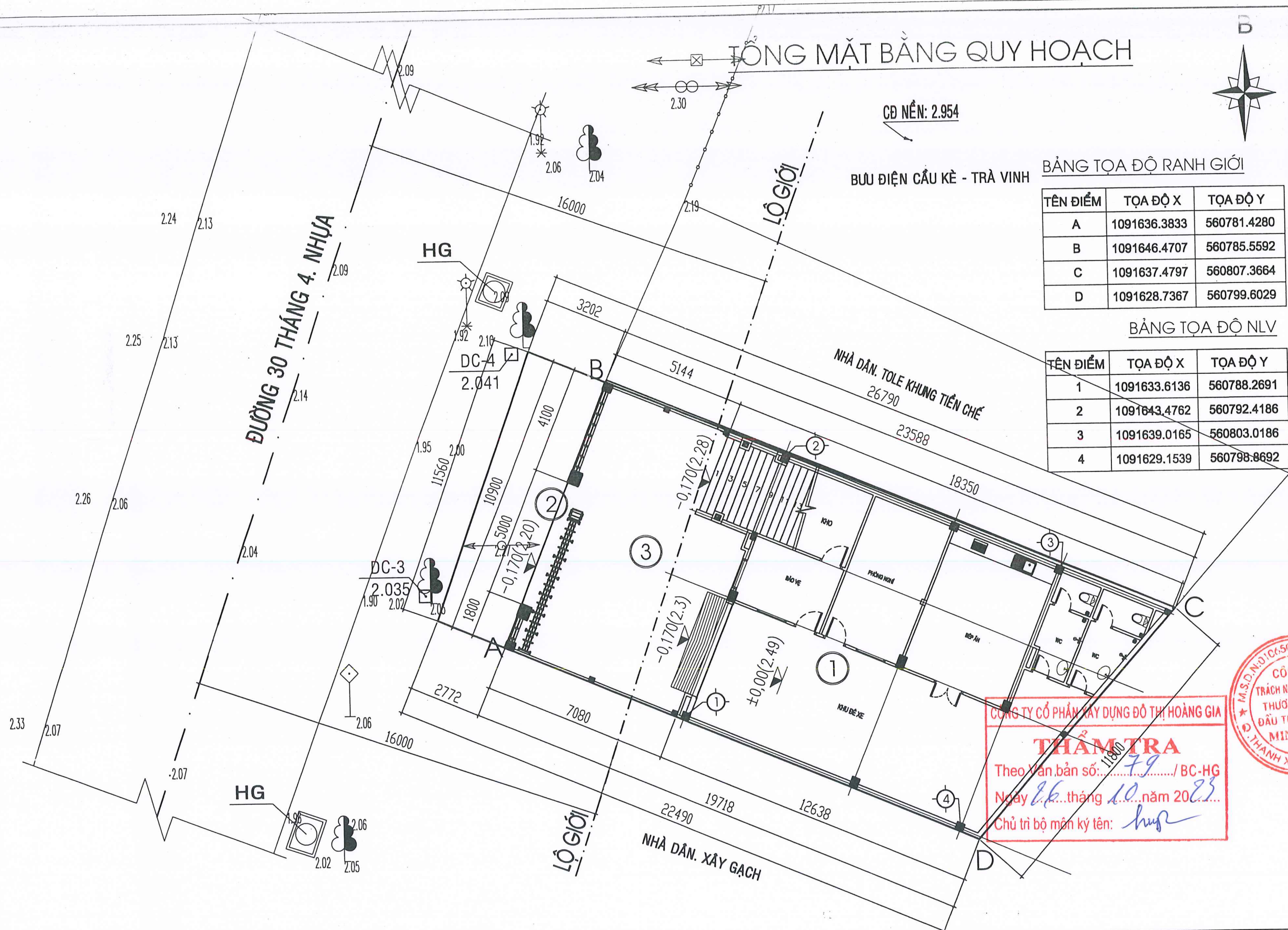
THẨM TRA

Theo Văn bản số: 79 / BC-HG

Ngày 26 tháng 10 năm 2023

Chủ trì bộ môn ký tên: *huy*

HÀ NỘI: 2023



TỔNG MẶT BẰNG QUY HOẠCH



GD NỀN: 2.954

BƯU ĐIỆN CẦU KÈ - TRÀ VINH

BẢNG TỌA ĐỘ RANH GIỚI

TÊN ĐIỂM	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
A	1091636.3833	560781.4280
B	1091646.4707	560785.5592
C	1091637.4797	560807.3664
D	1091628.7367	560799.6029

BẢNG TỌA ĐỘ NLV

TÊN ĐIỂM	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
1	1091633.6136	560788.2691
2	1091643.4762	560792.4186
3	1091639.0165	560803.0186
4	1091629.1539	560798.8692

BẢNG TỌA ĐỘ MỐC

TÊN ĐIỂM	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y	CAO ĐỘ Z
DC-3	1091638.407	560778.442	2.035
DC-4	1091647.605	560781.963	2.041

- GHI CHÚ**
- ① NHÀ LÀM VIỆC
 - ② CỔNG CHÍNH
 - ③ SÂN BÊ TÔNG

NỘI DUNG ĐẦU TƯ

- LÀM MỚI NHÀ LÀM VIỆC KẾT HỢP PHỤ TRỢ 4 TẦNG
- LÀM MỚI CỔNG TƯỜNG RÀO VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KÈM THEO

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐÔ THỊ HOÀNG GIA
THẨM TRA
 Theo Văn bản số: 79 / BC-HG
 Ngày 26 tháng 10 năm 2023
 Chủ trì bộ môn kỹ tên: *huo*



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH QUÂN
 ĐỊA CHỈ: SỐ 57/12 - NGÕ 470 - ĐƯỜNG NGUYỄN TRẠI
 PHƯỜNG THẠNH XUÂN TRUNG - QUẬN THANH XUÂN - TP HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC
Trình Văn Phương

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ:

KTS. LÊ NGỌC KIÊN	<i>Lê Ngọc Kiên</i>
CHỦ TRÌ BỘ MÔN:	
KTS. LÊ NGỌC KIÊN	<i>Lê Ngọc Kiên</i>
THIẾT KẾ:	
KTS. VŨ AN BÌNH	<i>Vũ An Bình</i>
KIỂM:	
KTS. TRẦN TUẤN ANH	<i>Trần Tuấn Anh</i>
TÊN BẢN VẼ:	

TT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH XD	DIỆN TÍCH SÀN XD	GHI CHÚ
PHẦN XÂY MỚI				
1	NHÀ LÀM VIỆC KẾT HỢP PHỤ TRỢ	162.5 M2	545 M2	4 TẦNG
2	CỔNG CHÍNH			
3	SÂN BÊ TÔNG			
4	TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT	278.8 M2		
	MẶT ĐỘ XÂY DỰNG			58.3 %
	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT			1.95 LẦN

TỔNG MẶT BẰNG

GIẢI ĐOẠN:	T.K.B.V.T.C
TỶ LỆ BẢN VẼ:	...
NGÀY HI:	.../2023
SỐ HIỆU BẢN VẼ:	TMB.01

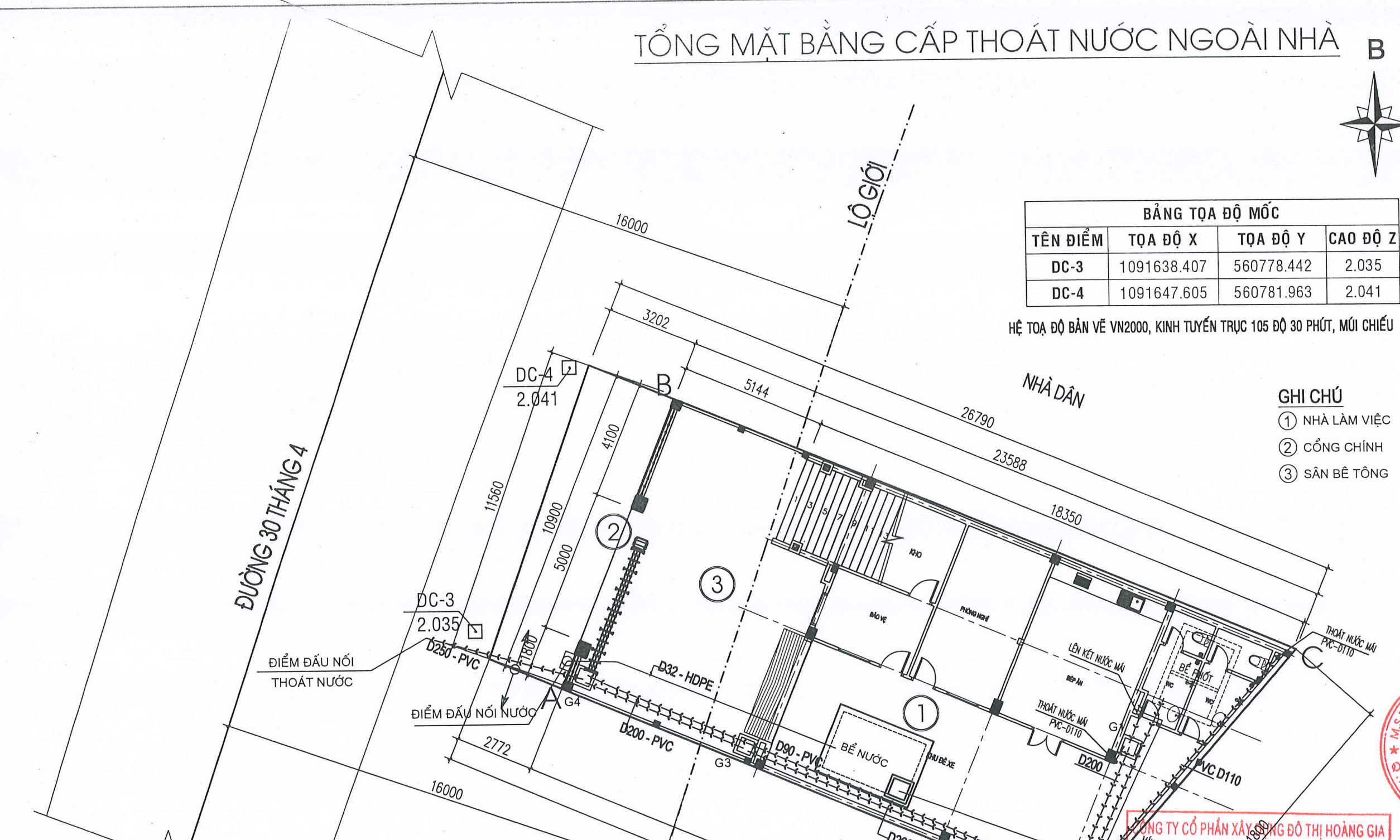
TỔNG MẶT BẰNG CẤP THOÁT NƯỚC NGOÀI NHÀ



TÊN ĐIỂM	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y	CAO ĐỘ Z
DC-3	1091638.407	560778.442	2.035
DC-4	1091647.605	560781.963	2.041

HỆ TỌA ĐỘ BẢN VẼ VN2000, KINH TUYẾN TRỰC 105 ĐỘ 30 PHÚT, MÚI CHIỀU 3 ĐỘ

- GHI CHÚ**
- ① NHÀ LÀM VIỆC
 - ② CỔNG CHÍNH
 - ③ SÂN BÊ TÔNG



THỐNG KÊ VẬT LIỆU PHẦN NƯỚC

TT	VẬT TƯ THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	ỐNG NHỰA CẤP NƯỚC HDPE Ø32	M	20
2	CÚT, RẮC CỎ D32,	CÁI	04-02
3	ỐNG THOÁT NƯỚC PVC (CLASS 2) D90;D110;D200;250	M	35-15-30-10
4	CÚT D90; D110; D200; D250	CÁI	04-04-06-02
5	CHÉCH D90; D110; D200; D250	CÁI	04-04-06-02
6	HỐ GA	CÁI	04
7	BỂ NƯỚC NGẦM	CÁI	01
8	PHAO CỎ	CÁI	01
9	MÁY BƠM NƯỚC	MÁY	01

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐÔ THỊ HOÀNG GIA
THẨM TRA
 Theo Văn bản số: 79 / BC-HG
 Ngày 26 tháng 10 năm 2023
 Chủ trì bộ môn ký tên: *[Signature]*

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH QUÂN
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH QUÂN
 Giám đốc: *[Signature]*

QUẢN LÝ CHỈ

SỬA ĐỔI: NGÀY:

PGD NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HUYỆN CẦU KÈ

TÊN CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC VÀ CÁC HMPT PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN CẦU KÈ

HẠ TẦNG KỸ THUẬT

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THỊ TRẤN CẦU KÈ - HUYỆN CẦU KÈ TỈNH TRÀ VINH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: **M**

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ: *[Signature]*

KTS. LÊ NGỌC KIÊN

CHỦ TRÌ BỘ MÔN: *[Signature]*

KS. LÊ ĐĂNG TUẤN

THIẾT KẾ: *[Signature]*

KS. LÊ ĐĂNG TUẤN

KTS. TRẦN TUẤN ANH

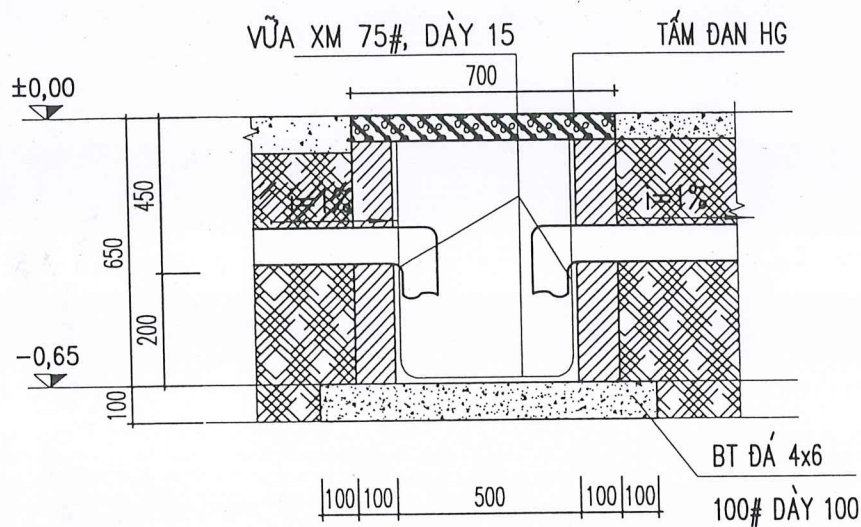
TÊN BẢN VẼ: TỔNG MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN NGOÀI NHÀ

GIẢI ĐOẠN: T.K.B.V.T.C

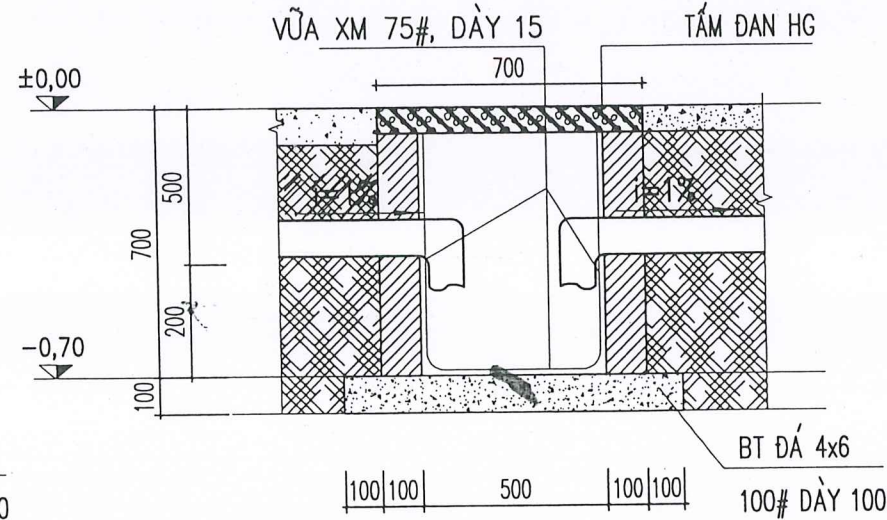
TỶ LỆ BẢN VẼ: ...

NGÀY HI: .../2023

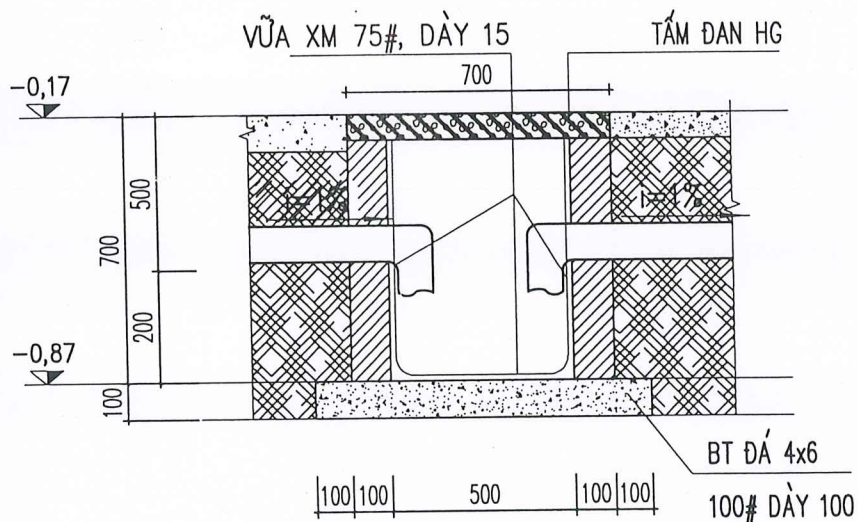
SỐ HIỆU BẢN VẼ: HTKT-03



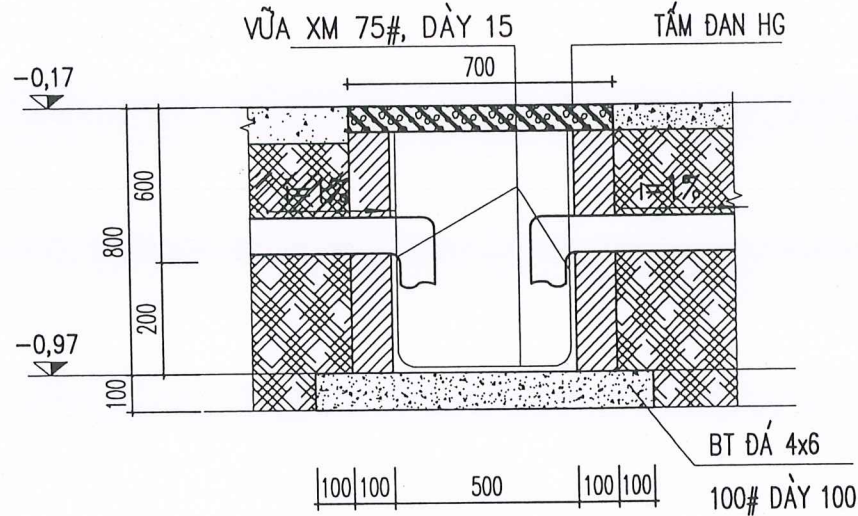
CHI TIẾT HỐ GA G1; SL : 01 CÁI



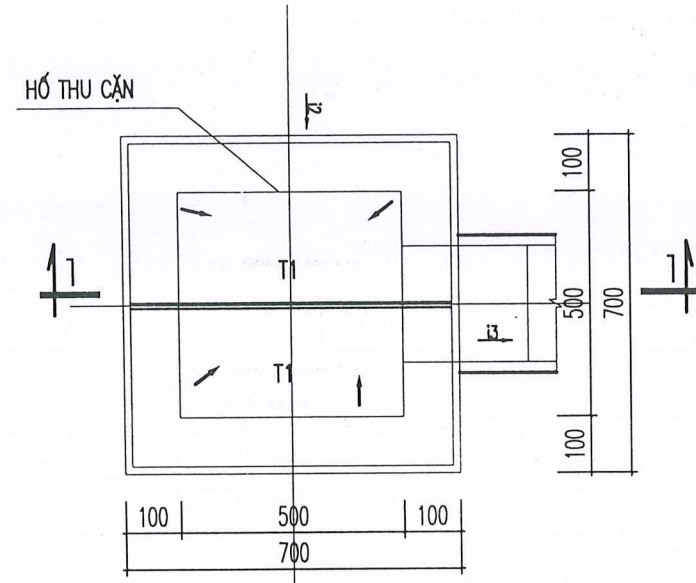
CHI TIẾT HỐ GA G2; SL : 01 CÁI



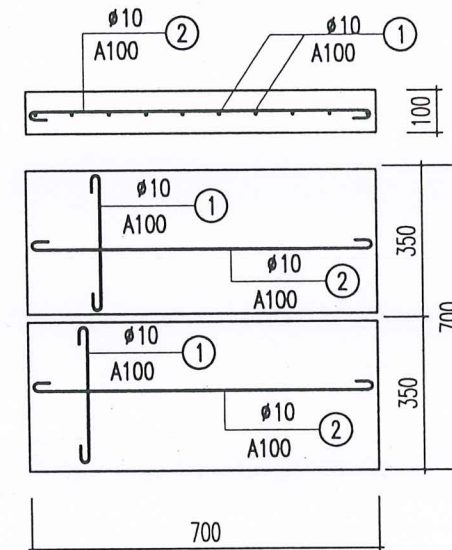
CHI TIẾT HỐ GA G3; SL : 01 CÁI



CHI TIẾT HỐ GA G4; SL : 01 CÁI



MẶT BẰNG



TẦM ĐAN NẮP GA

TẦM ĐAN NẮP BTCT

KT: 700x350x100; SL: 8 TẦM
 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐÔ THỊ HOÀNG GIA
 THÉP φ10, a=100

THẨM TRA
 Theo Văn bản số: 79 / BC-HG
 Ngày 16 tháng 10 năm 2023
 Chủ trì bộ môn ký tên: *muho*

GHI CHÚ

- * NẮP TẦM ĐAN ĐỒ BÊ TÔNG MÁC 200, CỐT LIỆU ĐÁ 1x2CM
- * ĐÁY RTN VÀ GA ĐỒ BÊ TÔNG MÁC 100, CỐT LIỆU ĐÁ 4x6CM
- * CỐT THÉP A1
- * TƯỜNG XÂY GẠCH ĐẶC MÁC 75, VỮA XI MĂNG MÁC 75
- * TRÁT TƯỜNG BẰNG VỮA XI MĂNG MÁC 75 DÀY 15CM

SỬA ĐỔI:	NGÀY:
----------	-------

PGD NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
 HUYỆN CẦU KÈ

TÊN CÔNG TRÌNH
 XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
 VÀ CÁC HMPT PHÒNG GIAO DỊCH
 NHCSXH HUYỆN CẦU KÈ

HẠ TẦNG KỸ THUẬT

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG
 THỊ TRẤN CẦU KÈ - HUYỆN CẦU KÈ
 TỈNH TRÀ VINH



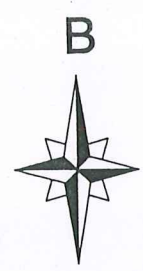
CÔNG TY TNHH
 THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH QUÂN
 ĐỊA CHỈ: SỐ 57/12 - NGÕ 470 - ĐƯỜNG NGUYỄN TRÃI
 PHƯỜNG THANH XUÂN TRUNG - QUẬN THANH XUÂN - TP HÀ NỘI

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
 THƯƠNG MẠI VÀ
 ĐẦU TƯ VÀ ĐẦU TƯ
 MINH QUÂN
 GIÁM ĐỐC
(Signature)

TRÌNH VĂN PHƯƠNG	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ:	<i>(Signature)</i>
KTS. LÊ NGỌC KIẾN	
CHỦ TRÌ BỘ MÔN:	<i>(Signature)</i>
KS. LÊ ĐĂNG TUẤN	
THIẾT KẾ:	<i>(Signature)</i>
KS. LÊ ĐĂNG TUẤN	
KIỂM:	<i>(Signature)</i>
KTS. TRẦN TUẤN ANH	
TÊN BẢN VẼ:	

CHI TIẾT HỐ GA	
GIẢI ĐOẠN:	T.K.B.V.T.C
TỶ LỆ BẢN VẼ:	...
NGÀY HT:	.../2023
SỐ HIỆU BẢN VẼ:	HTKT-04

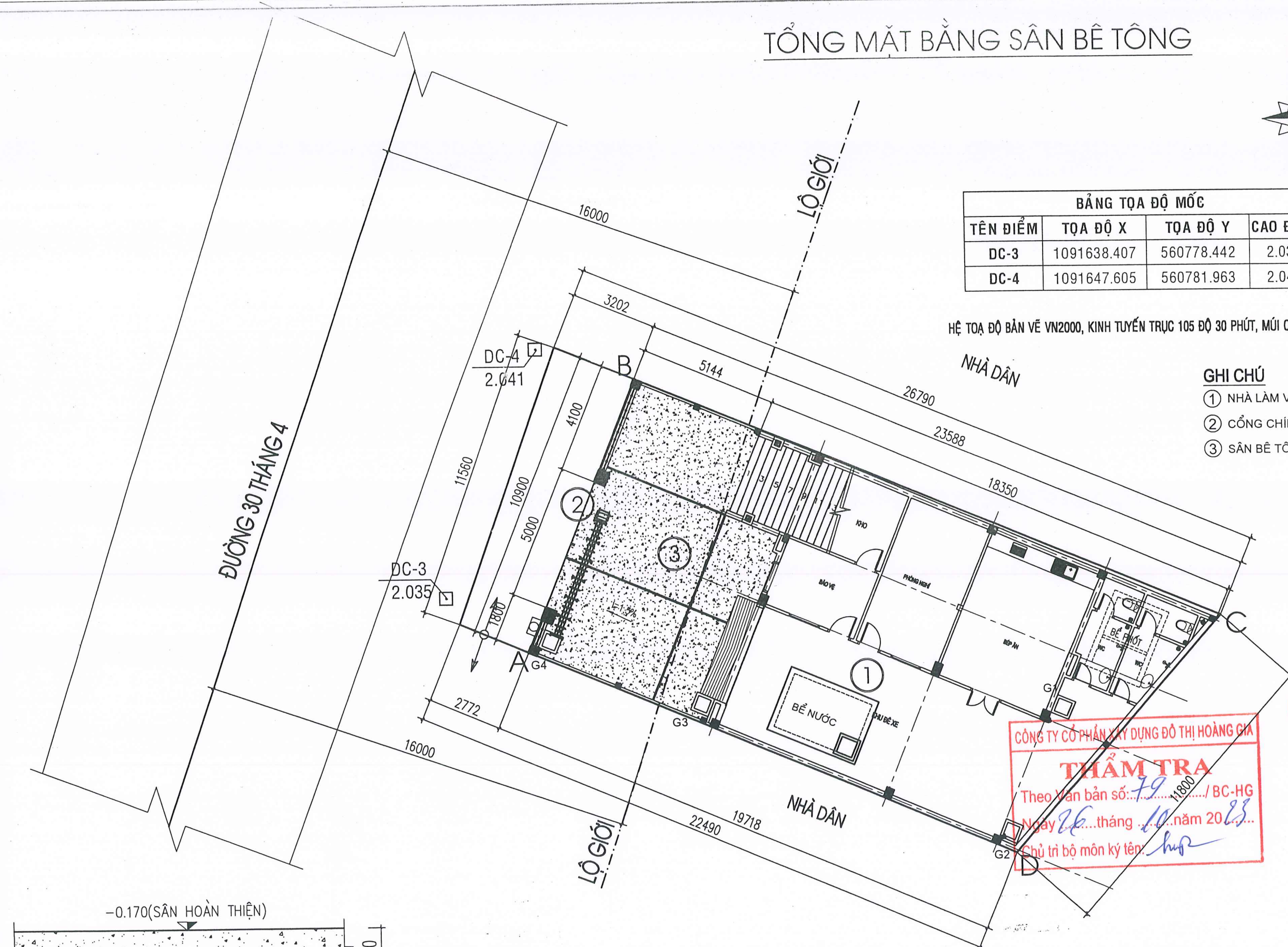
TỔNG MẶT BẰNG SÂN BÊ TÔNG



TÊN ĐIỂM	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y	CAO ĐỘ Z
DC-3	1091638.407	560778.442	2.035
DC-4	1091647.605	560781.963	2.041

HỆ TỌA ĐỘ BẢN VẼ VN2000, KINH TUYẾN TRỰC 105 ĐỘ 30 PHÚT, MÚI CHIỀU 3 ĐỘ

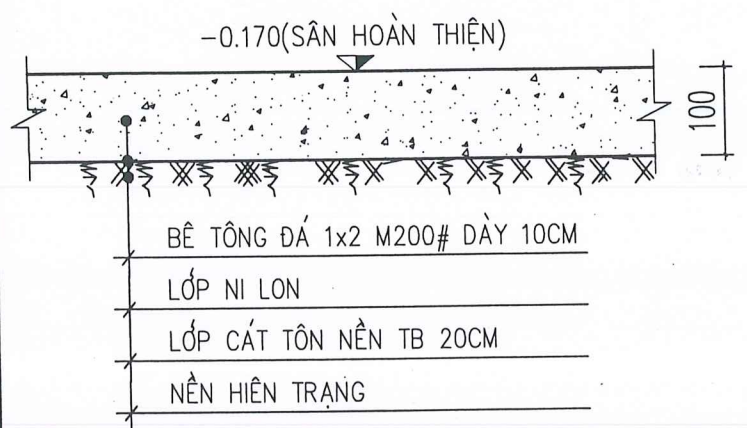
- GHI CHÚ**
- ① NHÀ LÀM VIỆC
 - ② CỔNG CHÍNH
 - ③ SÂN BÊ TÔNG



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐÔ THỊ HOÀNG GIA
THẨM TRA
 Theo bản vẽ số: 79/1800/BC-HG
 Ngày 26 tháng 10 năm 2023
 Chủ trì bộ môn kỹ thuật: *huo*

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH QUÂN
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH QUÂN
 Đ. THANH XUÂN - TP HÀ NỘI
 Giám đốc: *Phuong*

TRÌNH VĂN PHƯƠNG
 CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ:
 KTS. LÊ NGỌC KIẾN
 CHỦ TRÌ BỘ MÔN:
 KTS. LÊ NGỌC KIẾN
 THIẾT KẾ:
 KTS. VŨ AN BÌNH
 KIỂM:
 KTS. TRẦN TUẤN ANH
 TÊN BẢN VẼ:

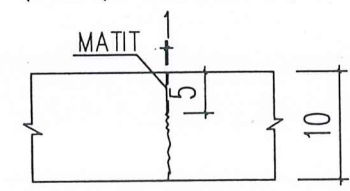


BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG

TT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KẾT CẤU	DIỆN TÍCH SÂN BT
1	SÂN BT NỘI BỘ LÀM MỚI	M2	BTXM M200 DÀY 10CM	65
2	KHÉ CO SÂN BT	M		20
3	CÁT TÔN NỀN CHO TOÀN BỘ KHU ĐẤT	M2	LỚP CÁT TÔN NỀN 20CM	278.8

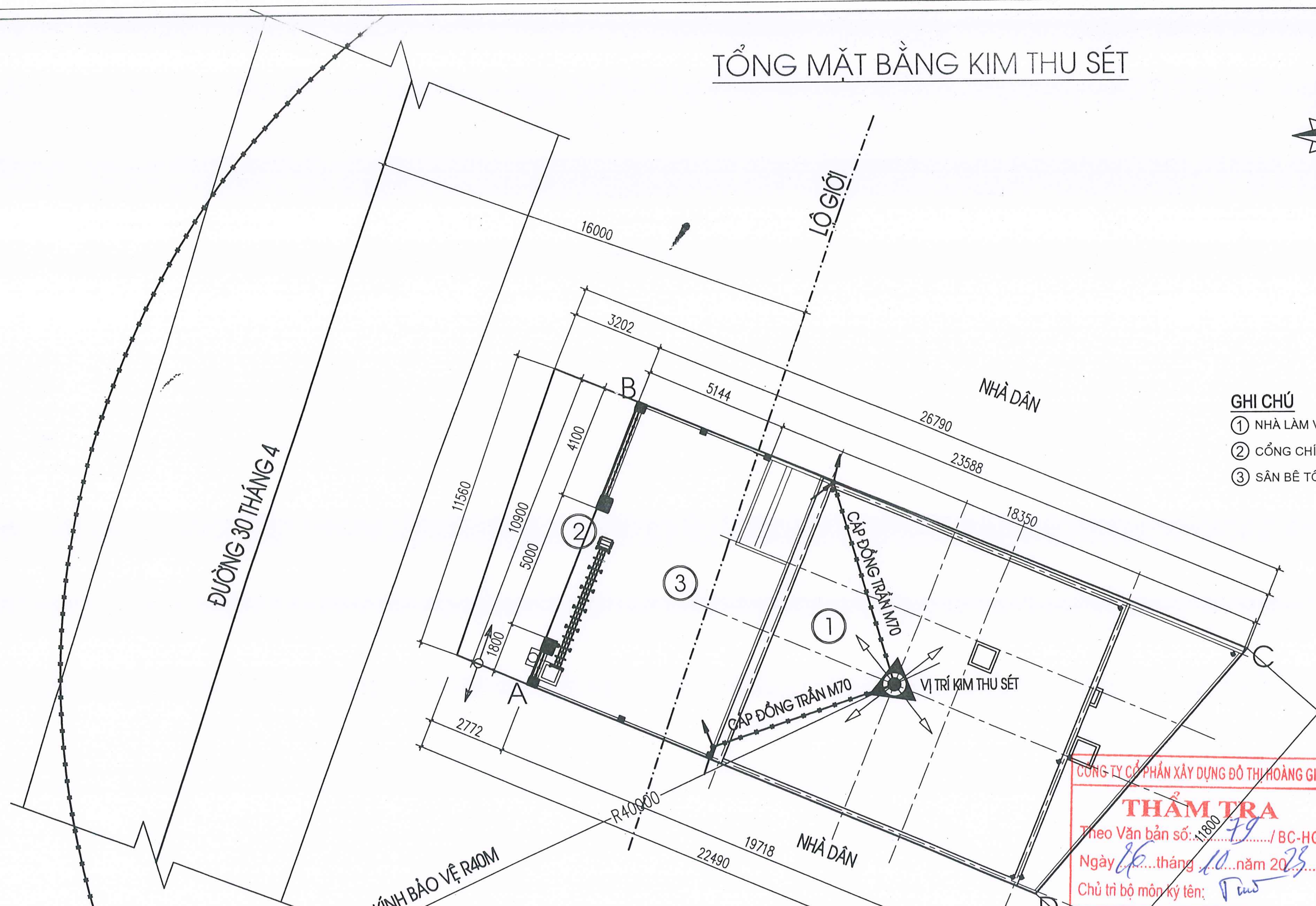
CHI TIẾT KHE CO

(ĐƠN VỊ GHI GHI LÀ CM)



TỔNG MẶT BẰNG SÂN BÊ TÔNG
 GHI ĐOẠN: T.K.B.V.T.C
 TỶ LỆ BẢN VẼ: ...
 NGÀY HT: .../2023
 SỐ HIỆU BẢN VẼ: HTKT.07

TỔNG MẶT BẰNG KIM THU SÉT

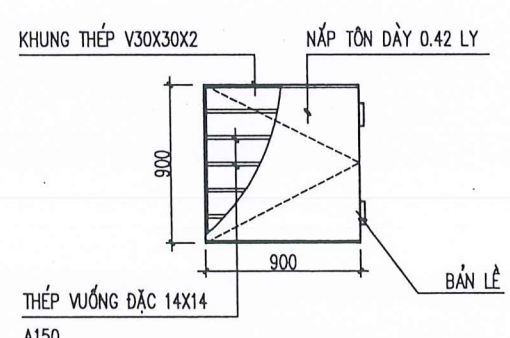
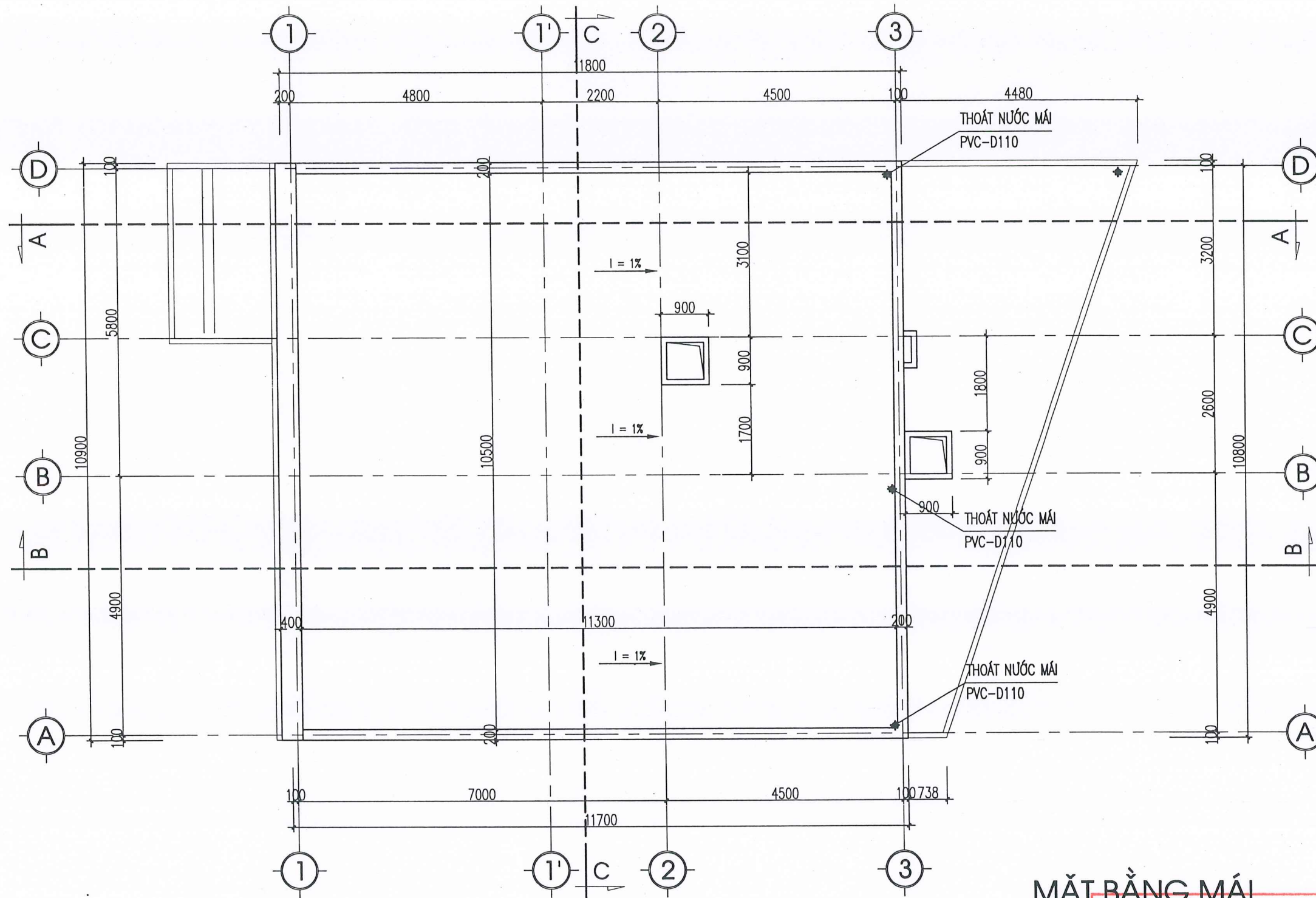


- GHI CHÚ**
- ① NHÀ LÀM VIỆC
 - ② CỔNG CHÍNH
 - ③ SÂN BÊ TÔNG

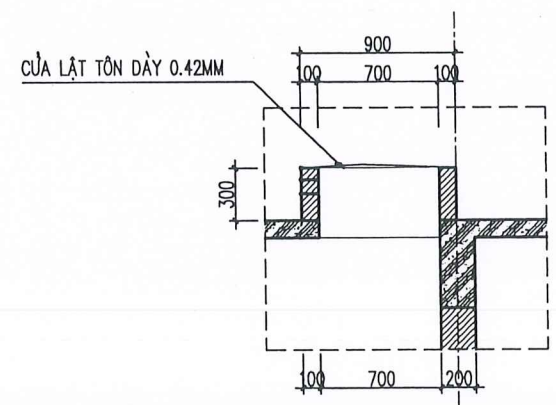
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐÔ THỊ HOÀNG GIA
THẨM TRA
 Theo Văn bản số: 11800/79/BC-HG
 Ngày 26 tháng 10 năm 2023
 Chủ trì bộ môn ký tên: [Signature]

HỆ THỐNG THU SÉT VÀ NỐI ĐẤT			
1	- CỌC TIẾP ĐỊA THÉP MẠ ĐỒNG, D16; DÀI 2,4M	CỌC	05
2	- CÁP ĐỒNG TIẾP ĐỊA M70	MÉT	85
3	- BỘ ĐẾM SÉT	BỘ	01
4	- KIM THU BÁN KÍNH BẢO VỆ R=40M	BỘ	01
5	- KẸP ĐÒ CÁP LÊN MÁI	CÁI	16
6	- TRỤ ĐÒ KIM 3.0M	TRỤ	01
7	- MỐI HÀN HÓA NHIỆT HOẶC ỐC XIẾT CÁP	MỐI/CÁI	10
8	- CÁP LỰA NEO TRỤ	BỘ	01
9	- HỘP KIỂM TRA ĐIỆN TRỞ ĐẤT	HỘP	01
10	- HÓA CHẤT GIÁM ĐIỆN TRỞ	BAO	02
11	- ỨNG NHỰA BẢO VỆ DÂY DẪN D32	MÉT	75

4		
3		
2		
1		
SỬA ĐỔI:		NGÀY:
CHỦ ĐẦU TƯ: PGD NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HUYỆN CẦU KÈ		
TÊN CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC VÀ CÁC HMPT PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN CẦU KÈ		
HẠNG MỤC: CHỐNG SÉT		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THỊ TRẤN CẦU KÈ - HUYỆN CẦU KÈ TỈNH TRÀ VINH		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:  CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH QUÂN ĐỊA CHỈ: SỐ 57/12 - NGÕ 470 - ĐƯỜNG NGUYỄN TRẠI PHƯỜNG THANH XUÂN TRUNG - QUẬN THANH XUÂN - TP HÀ NỘI		
GIÁM ĐỐC: [Signature]		
TRÌNH VĂN PHƯƠNG		
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ:	[Signature]	
KTS. LÊ NGỌC KIẾN	[Signature]	
CHỦ TRÌ BỘ MÔN:	[Signature]	
KS. HOÀNG THỊ THANH BÌNH	[Signature]	
THIẾT KẾ:	[Signature]	
KS. HOÀNG THỊ THANH BÌNH	[Signature]	
KIỂM:	[Signature]	
KTS. TRẦN TUẤN ANH	[Signature]	
TÊN BẢN VẼ: TỔNG MẶT BẰNG KIM THU SÉT		
GIẢI ĐOẠN:	T.K.B.V.T.C	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	...	
NGÀY HI:	.../2023	
SỐ HIỆU BẢN VẼ:	CS-01	



CHI TIẾT NẮP THANG



CHI TIẾT CỬA THẮM MÁI

MẶT BẰNG MÁI

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐÔ THỊ HOÀNG GIA
THẨM TRA
 Theo Văn bản số: 79 / BC-HG
 Ngày 26 tháng 10 năm 2023
 Chủ trì bộ môn ký tên: *huy*



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH QUÂN
 Địa chỉ: số 67/12 - Ngõ 470 - Đường Nguyễn Trãi
 Phường Thanh Xuân Trung - Quận Thanh Xuân - TP Hà Nội

GIÁM ĐỐC

Phuong
 TRẦN VĂN PHƯƠNG

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ:	
KTS. LÊ NGỌC KIÊN	<i>L.N.K</i>
CHỦ TRÌ BỘ MÔN:	
KTS. LÊ NGỌC KIÊN	<i>L.N.K</i>
THIẾT KẾ:	
KTS. VÕ AN BÌNH	<i>V.A.B</i>
Kiểm:	
KTS. TRẦN TUẤN ANH	<i>T.T.A</i>
TÊN BẢN VẼ:	

MẶT BẰNG MÁI

CHAI ĐOẠN:	T.K.B.V.T.C
TỶ LỆ BẢN VẼ:	...
NGÀY HI:	.../2023
SỐ HIỆU BẢN VẼ:	KT.04A

4	
3	
2	
1	

SỬA ĐỔI: NGÀY:

CHỦ ĐẦU TƯ:
 PGD NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
 HUYỆN CẦU KÈ

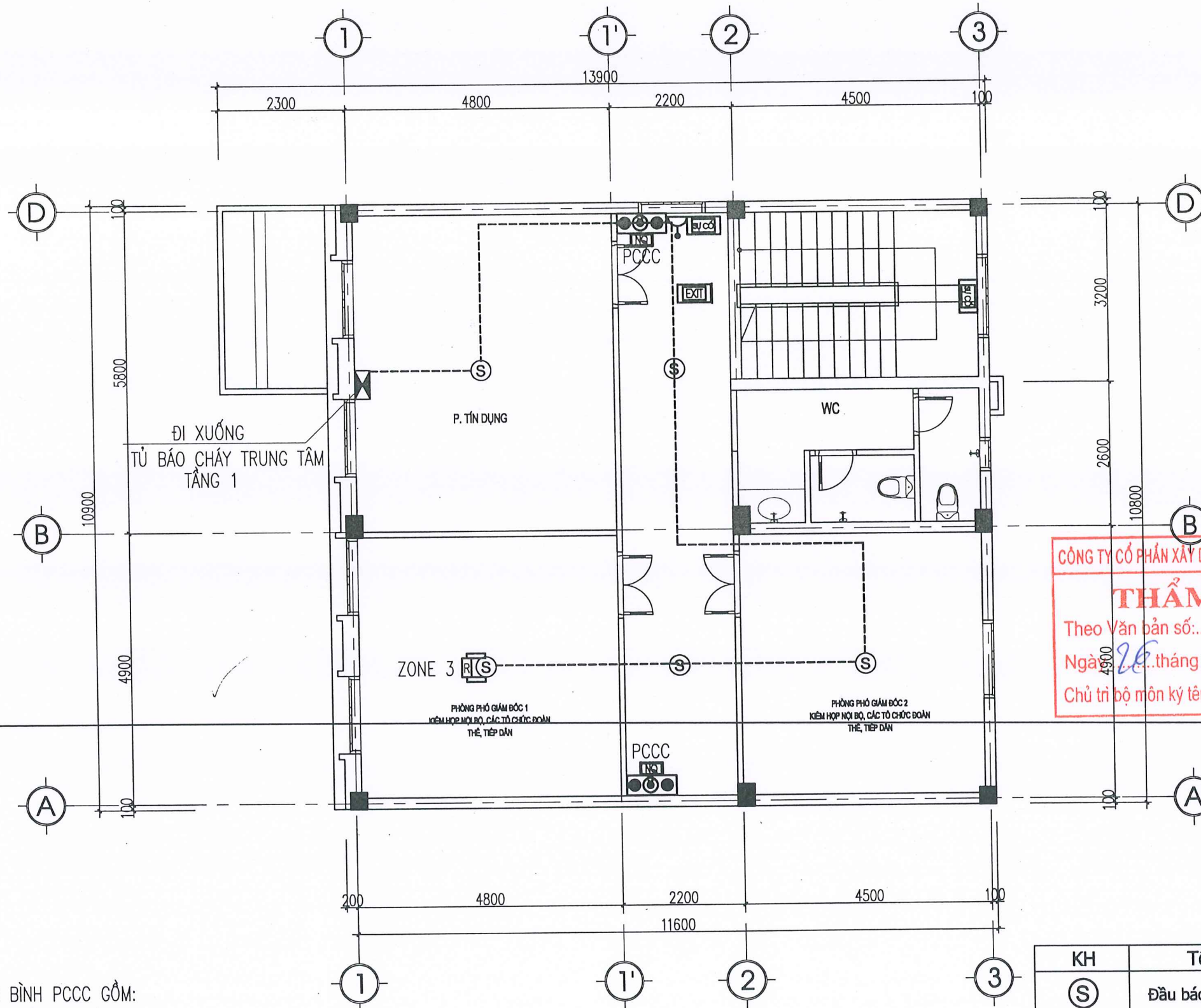
TÊN CÔNG TRÌNH:
 XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
 VÀ CÁC HMPT PHÒNG GIAO DỊCH
 NHCSXH HUYỆN CẦU KÈ

HẠNG MỤC:
 NHÀ LÀM VIỆC KẾT HỢP PHỤ TRỢ

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
 THỊ TRẤN CẦU KÈ - HUYỆN CẦU KÈ
 TỈNH TRÀ VINH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH QUÂN
 Địa chỉ: số 67/12 - Ngõ 470 - Đường Nguyễn Trãi
 Phường Thanh Xuân Trung - Quận Thanh Xuân - TP Hà Nội



KÍ HIỆU

- KỆ DỰNG BÌNH PCCC GỒM:
+ 2 BÌNH BỘT MFZL4
+ 1 BÌNH KHÍ CO2 MT5
- BẢNG NỘI QUY
- ĐÈN CHỈ DẪN THOÁT NẠN
- ĐÈN CHIẾU SÁNG SỰ CỐ

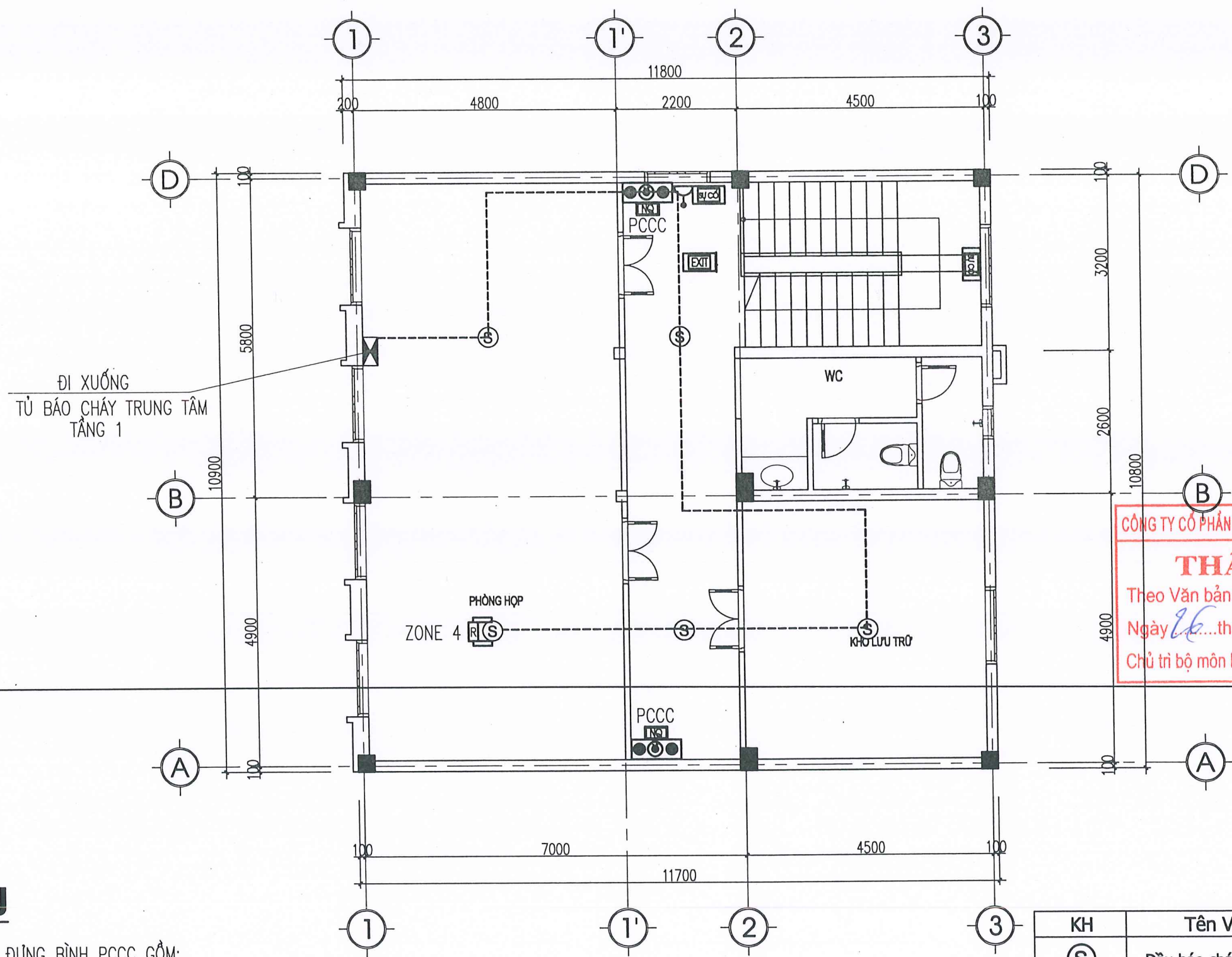
MẶT BẰNG PCCC TẦNG 3

KH	Tên Vật Tư
(S)	Đầu báo cháy khói quang thường
(H)	Đầu báo cháy nhiệt gia tăng thường
.	Nút ấn báo động
D	Loa báo động 50w
X	Hộp nối kỹ thuật

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐÔ THỊ HOÀNG GIA
THẨM TRA
 Theo Văn bản số: 79 / BC-HG
 Ngày: 26 tháng 10 năm 2023
 Chủ trì bộ môn ký tên: *Pw*

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH QUÂN
 Địa chỉ: 35/12 - NGÕ 070 - ĐƯỜNG NGUYỄN TRƯỜNG THẠCH THẠNH TRUNG - QUẬN THẠNH XUYÊN - TP. HÀ NỘI
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH QUÂN
 TRẦN VĂN PHƯƠNG

4		
3		
2		
1		
SỬA ĐỔI:		NGÀY:
CHỦ ĐẦU TƯ: PGD NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HUYỆN CẦU KÈ		
TÊN CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC VÀ CÁC HMPT PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN CẦU KÈ		
HẠNG MỤC: NHÀ LÀM VIỆC KẾT HỢP PHỤ TRỢ		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THỊ TRẤN CẦU KÈ - HUYỆN CẦU KÈ TỈNH TRÀ VINH		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH QUÂN		
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ:	<i>[Signature]</i>	
KTS. LÊ NGỌC KIẾN		
CHỦ TRÌ BỘ MÔN:	<i>[Signature]</i>	
KS. HOÀNG THỊ THANH BÌNH		
THIẾT KẾ:	<i>[Signature]</i>	
KS. HOÀNG THỊ THANH BÌNH		
KS. TRẦN TUẤN ANH		
TÊN BẢN VẼ:		
MẶT BẰNG PCCC TẦNG 3		
ĐẠI ĐOÀN:	T.K.B.V.T.C	
TÝ LỆ BẢN VẼ:	...	
NGÀY HI:	.../2023	
SỐ HIỆU BẢN VẼ:	PCCC.03	



ĐI XUỐNG
TỦ BÁO CHÁY TRUNG TÂM
TẦNG 1

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐÔ THỊ HOÀNG GIA
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 79 / BC-HG
Ngày 10 tháng 10 năm 2023
Chủ trì bộ môn ký tên: Tuo

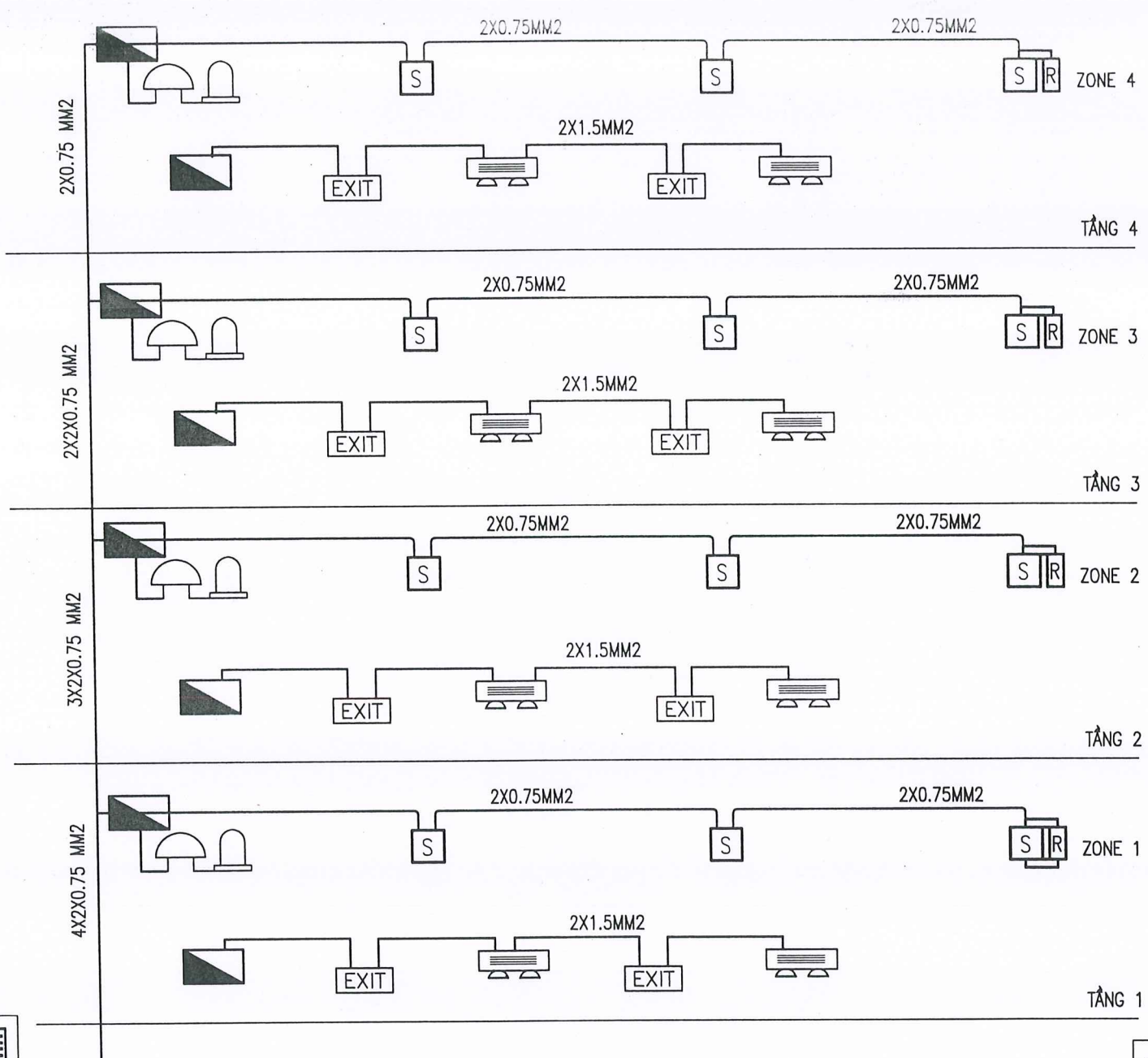
KÍ HIỆU

- KỆ DỰNG BÌNH PCCC GỒM:
+ 2 BÌNH BỘT MFZL4
+ 1 BÌNH KHÍ CO2 MT5
- BẢNG NỘI QUY
- ĐÈN CHỈ DẪN THOÁT NẠN
- ĐÈN CHIẾU SÁNG SỰ CỐ

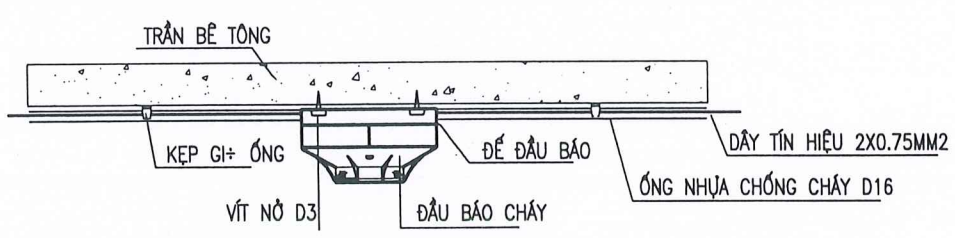
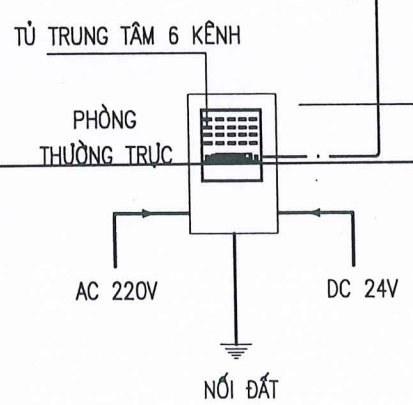
MẶT BẰNG PCCC TẦNG 4

KH	Tên Vật Tư
(S)	Đầu báo cháy khói quang thường
(H)	Đầu báo cháy nhiệt gia tăng thường
•	Nút ấn báo động
∩	Loa báo động 50w
⊠	Hộp nối kỹ thuật

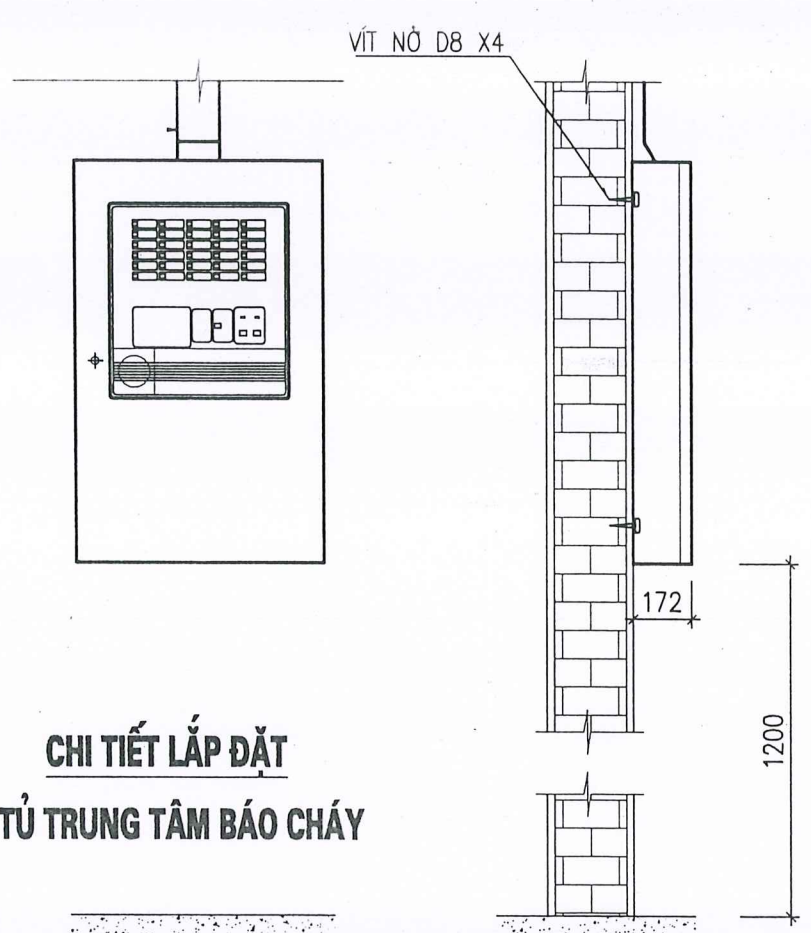
CH: CHỈ	
4	
3	
2	
1	
SỬA ĐỔI: NGÀY:	
CHỦ ĐẦU TƯ: PGD NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HUYỆN CẦU KÈ	
TÊN CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC VÀ CÁC HMPT PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN CẦU KÈ	
HẠNG MỤC: NHÀ LÀM VIỆC KẾT HỢP PHỤ TRỢ	
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THỊ TRẤN CẦU KÈ - HUYỆN CẦU KÈ TỈNH TRÀ VINH	
 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH QUÂN ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ	
 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH QUÂN TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GIÁM ĐỐC	
TRẦN VĂN PHƯƠNG CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ:  KTS. LÊ NGỌC KIẾN CHỦ TRÌ BỘ MÔN:  KTS. HOÀNG THỊ THANH BÌNH THIẾT KẾ:  KTS. HOÀNG THỊ THANH BÌNH KIỂM:  KTS. TRẦN TUẤN ANH TÊN BẢN VẼ:	
MẶT BẰNG PCCC TẦNG 4	
QUY ĐOẠN:	T.K.B.V.T.C
TỶ LỆ BẢN VẼ:	...
NGÀY HI:	.../2023
SỐ HIỆU BẢN VẼ:	PCCC.04



SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ HỆ THỐNG BÁO CHÁY TỰ ĐỘNG



**CHI TIẾT LẮP ĐẶT
ĐẦU BÁO KHÓI**



**CHI TIẾT LẮP ĐẶT
TỦ TRUNG TÂM BÁO CHÁY**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐÔ THỊ HOÀNG GIA
THẨM TRA
 Theo Văn bản số: 79 / BC-HG
 Ngày 26 tháng 10 năm 2023
 Chủ trì bộ môn ký tên: [Signature]

THỐNG KÊ VẬT LIỆU PCCC

STT	VẬT LIỆU	Đ.VỊ	SỐ LƯỢNG
1	KỆ ĐỰNG 3 BÌNH PCCC	TỦ	08
2	BẢNG NỘI QUY	CÁI	08
3	BÌNH BỘT MFZL4	BÌNH	16
4	BÌNH KHÍ CO2 MT5	BÌNH	08
5	ĐÈN CHIẾU SÁNG SỰ CỐ	CÁI	07
6	ĐÈN EXIT	CÁI	04
7	HỘP ĐẦU NỐI KT	CÁI	04
8	DÂY ĐIỆN CVV 2X1,5MM2	M	150
9	DÂY TÍN HIỆU 2X0,75MM2	M	200
10	ỐNG GEN MỀM CHỐNG CHÁY D16	M	350
11	ĐẦU BÁO CHÁY KHÓI QUANG THƯỜNG	CÁI	19
12	ĐẦU BÁO CHÁY NHIỆT GIA TĂNG	CÁI	02
13	ĐIỆN TRỞ CUỐI KÊNH	CÁI	04
14	NÚT ẮN BÁO ĐỘNG+LOA BÁO ĐỘNG	CÁI	05
15	TỦ BÁO CHÁY TRUNG TÂM 6 KÊNH	TỦ	01

CHỈ DẪU TỰ: PGD NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HUYỆN CẦU KÈ

TÊN CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC VÀ CÁC HMPT PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN CẦU KÈ

HẠNG MỤC: NHÀ LÀM VIỆC KẾT HỢP PHỤ TRỢ

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THỊ TRẤN CẦU KÈ - HUYỆN CẦU KÈ TỈNH TRÀ VINH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH QUÂN

TRÌNH VĂN PHƯƠNG (KTS. LÊ NGỌC KIẾN)

TRẦN TUẤN ANH (KTS. HOÀNG THỊ THANH BÌNH)

THÀNH QUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH QUÂN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ: KTS. LÊ NGỌC KIẾN

CHỦ THÍ BỘ MÔN: KTS. HOÀNG THỊ THANH BÌNH

THIẾT KẾ: KTS. HOÀNG THỊ THANH BÌNH

KTS. TRẦN TUẤN ANH

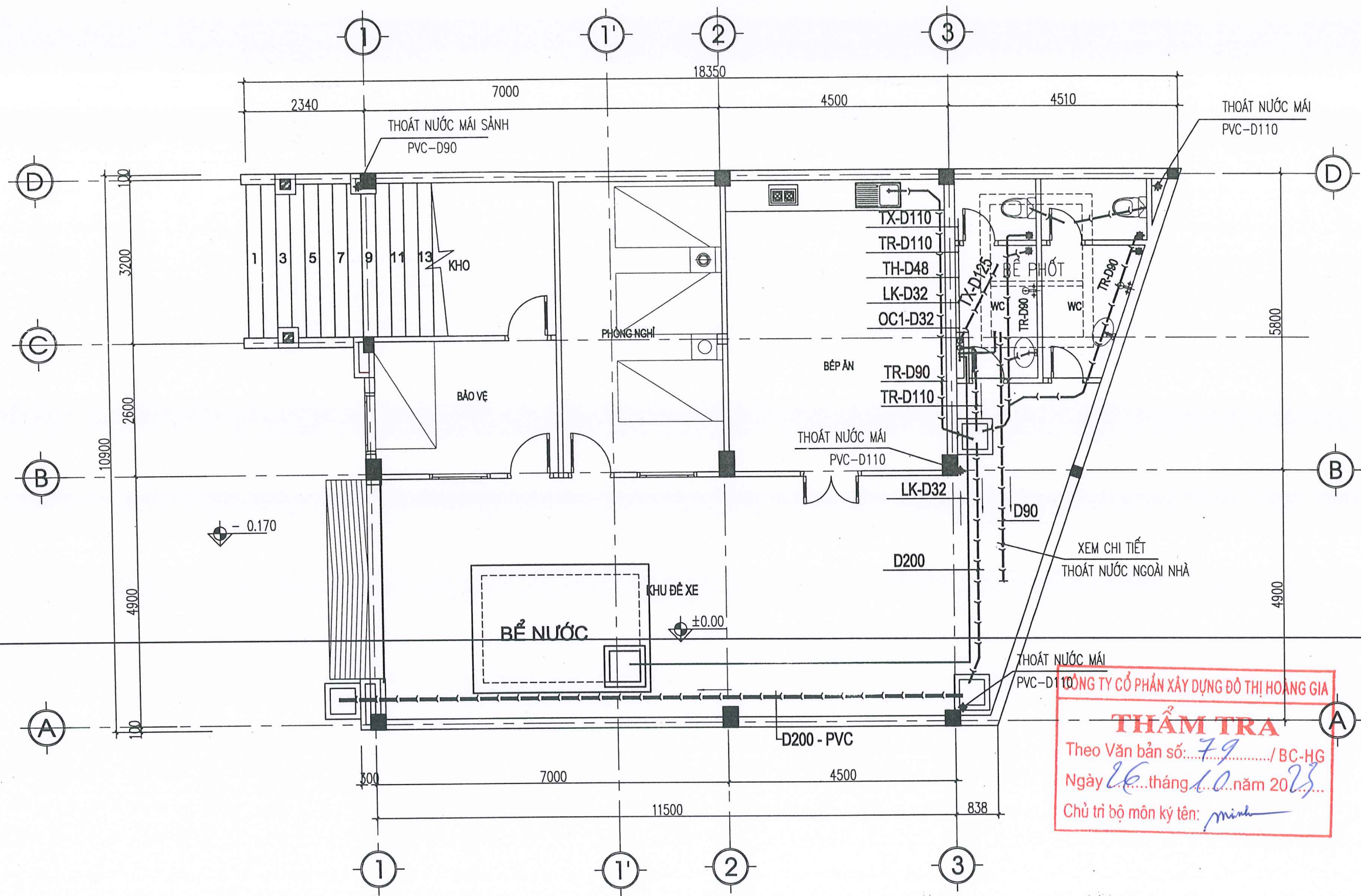
TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ BẢNG KHỐI LƯỢNG

THAI HOÀN: T.K.B.V.T.C

TỶ LỆ BẢN VẼ: ...

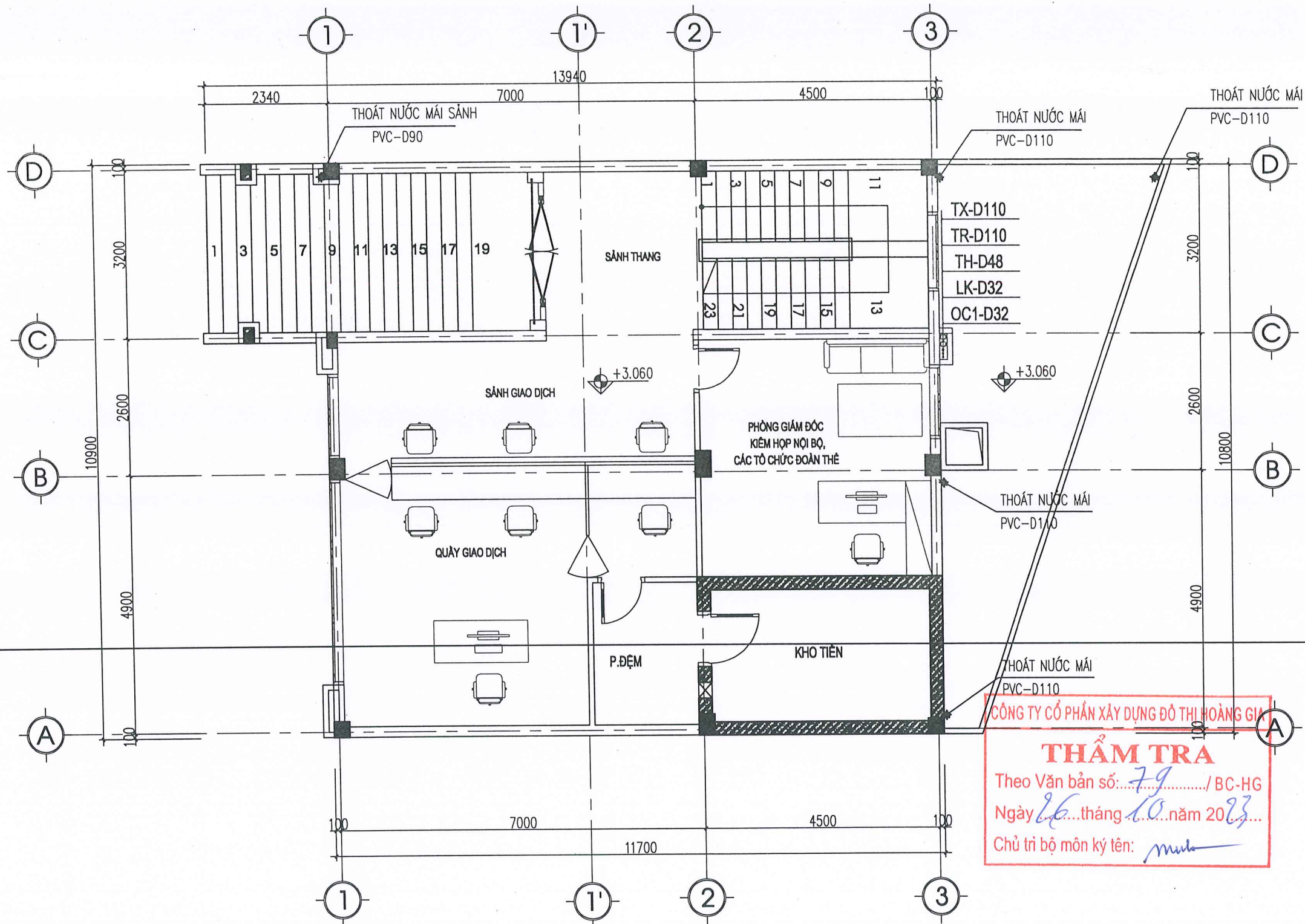
NGÀY IN: .../2023

SỐ HIỆU BẢN VẼ: PCCC.04



MẶT BẰNG CẤP THOÁT NƯỚC TẦNG 1

CHỖ ĐÁU TƯ:	
PGD NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HUYỆN CẦU KÈ	
TÊN CÔNG TRÌNH:	
XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC VÀ CÁC HMPT PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN CẦU KÈ	
HẠNG MỤC:	
NHÀ LÀM VIỆC KẾT HỢP PHỤ TRỢ	
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:	
THỊ TRẤN CẦU KÈ - HUYỆN CẦU KÈ TỈNH TRÀ VINH	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:	
 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH QUÂN Địa chỉ: Số 87/12 - Ngõ 470 - Đường Nguyễn Trãi - Phường Thanh Xuân Trung - Quận Thanh Xuân - TP Hà Nội	
 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐÔ THỊ HOANG GIA TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH QUÂN TRỊNH VĂN PHƯƠNG	
CHỖ NHẬN THIẾT KẾ:	
KTS. LÊ NGỌC KIẾN	
CHỦ TRÌ BỘ MÔN:	
KS. LÊ ĐĂNG TUẤN	
THIẾT KẾ:	
KS. LÊ ĐĂNG TUẤN	
Kiểm tra:	
KTS. TRẦN TUẤN ANH	
TÊN BẢN VẼ:	
MẶT BẰNG TẦNG 1 CẤP THOÁT NƯỚC	
GIẢI ĐOẠN:	T.K.B.V.T.C
TỶ LỆ BẢN VẼ:	...
NGÀY HI:	.../2023
SỐ HIỆU BẢN VẼ:	- N.01

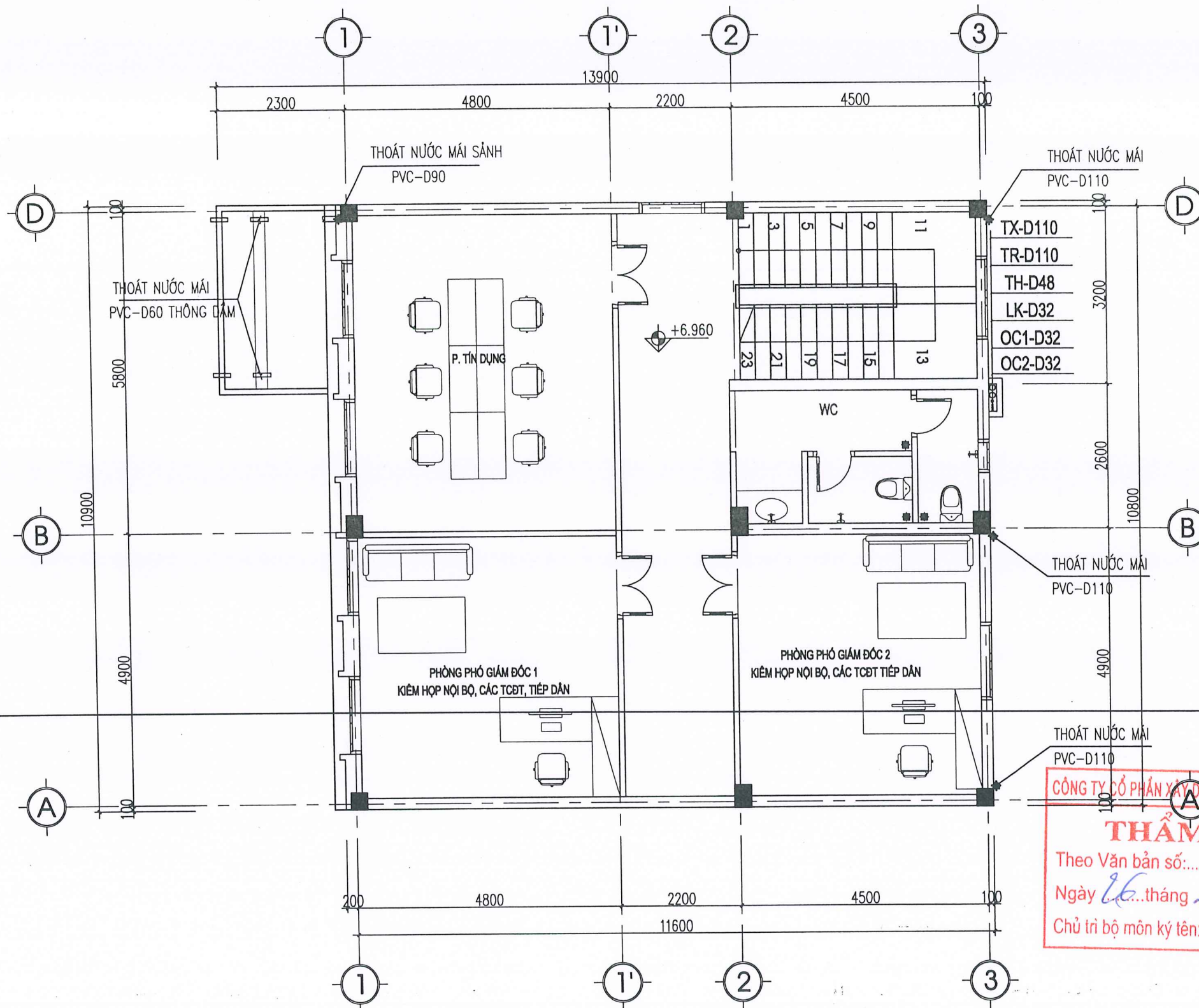


MẶT BẰNG CẤP THOÁT NƯỚC TẦNG 2

THẨM TRA
 Theo Văn bản số: 79 / BC-HG
 Ngày 26 tháng 10 năm 2023
 Chủ trì bộ môn ký tên: *Minh*

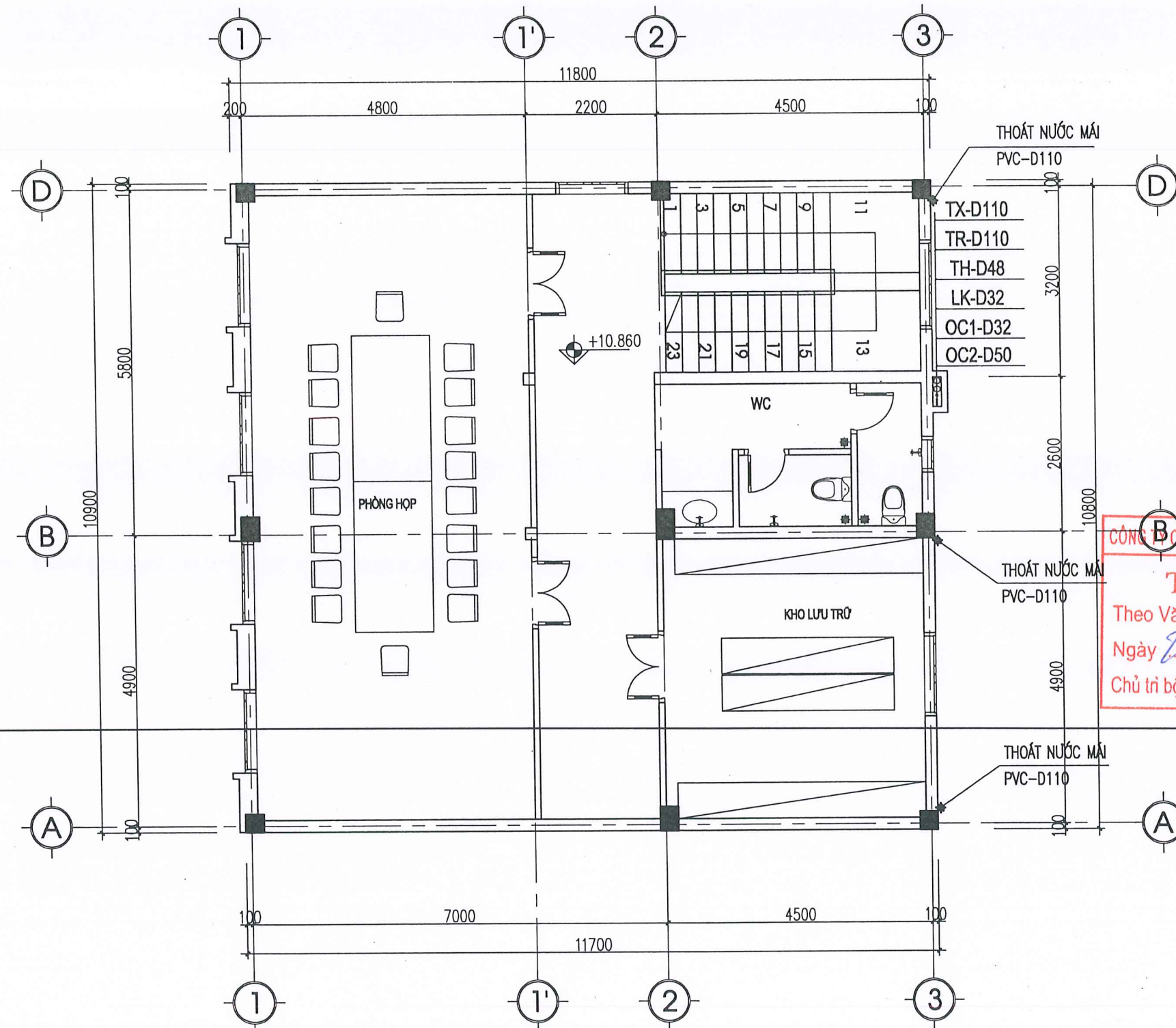


4		
3		
2		
1		
SỬA ĐỔI:		NGÀY:
CHỦ ĐẦU TƯ: PGD NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HUYỆN CẦU KÈ		
TÊN CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC VÀ CÁC HMPT PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN CẦU KÈ		
HẠNG MỤC: NHÀ LÀM VIỆC KẾT HỢP PHỤ TRỢ		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THỊ TRẤN CẦU KÈ - HUYỆN CẦU KÈ TỈNH TRÀ VINH		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH QUÂN ĐỊA CHỈ: SỐ 67/12 - NGÕ 470 - ĐƯỜNG NGUYỄN TỬ PHƯƠNG THANH XUÂN TRUNG - QUẬN THANH XUÂN - TP HÀ NỘI		
GIÁM ĐỐC:		<i>[Signature]</i>
TRÌNH VĂN PHƯƠNG		
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ:	<i>[Signature]</i>	
KTS. LÊ NGỌC KIẾN		
CHỦ TẾ BỘ MÔN:	<i>[Signature]</i>	
KS. LÊ ĐĂNG TUẤN		
THIẾT KẾ:		
KS. LÊ ĐĂNG TUẤN		
KIỂM:	<i>[Signature]</i>	
KTS. TRẦN TUẤN ANH		
TÊN BẢN VẼ:		
MẶT BẰNG TẦNG 2 CẤP THOÁT NƯỚC		
GHAI ĐOẠN:	T.K.B.V.T.C	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	...	
NGÀY HI:	.../2023	
SỐ HIỆU BẢN VẼ:	N.02	



MẶT BẰNG CẤP THOÁT NƯỚC TẦNG 3

4		
3		
2		
1		
SỬA ĐỔI: NGÀY:		
CHỦ ĐẦU TƯ: PGD NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HUYỆN CẦU KÈ		
TÊN CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC VÀ CÁC HMPT PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN CẦU KÈ		
HẠNG MỤC: NHÀ LÀM VIỆC KẾT HỢP PHỤ TRỢ		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THỊ TRẤN CẦU KÈ - HUYỆN CẦU KÈ TỈNH TRÀ VINH		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ  CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH QUÂN <small>Địa chỉ: số 07/12 - Ngõ 070 - Đường Nguyễn Trãi Phường Thạnh Xuân Quận Thủ Đức - Quận Thủ Đức - TP. Hồ Chí Minh</small>		
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH QUÂN GIÁM ĐỐC  TRỊNH VĂN PHƯƠNG		
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ:		
KTS. LÊ NGỌC KIÊN		
CHỦ TRƯỞNG MÔN:		
KS. LÊ ĐĂNG TUẤN		
THIẾT KẾ:		
KS. LÊ ĐĂNG TUẤN		
Kiểm:		
KTS. TRẦN TUẤN ANH		
TÊN BẢN VẼ:		
MẶT BẰNG TẦNG 3 CẤP THOÁT NƯỚC		
GIẢI ĐOẠN:	T.K.B.V.T.C	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	...	
NGÀY IN:	.../2023	
SỐ HIỆU BẢN VẼ:	N.03	

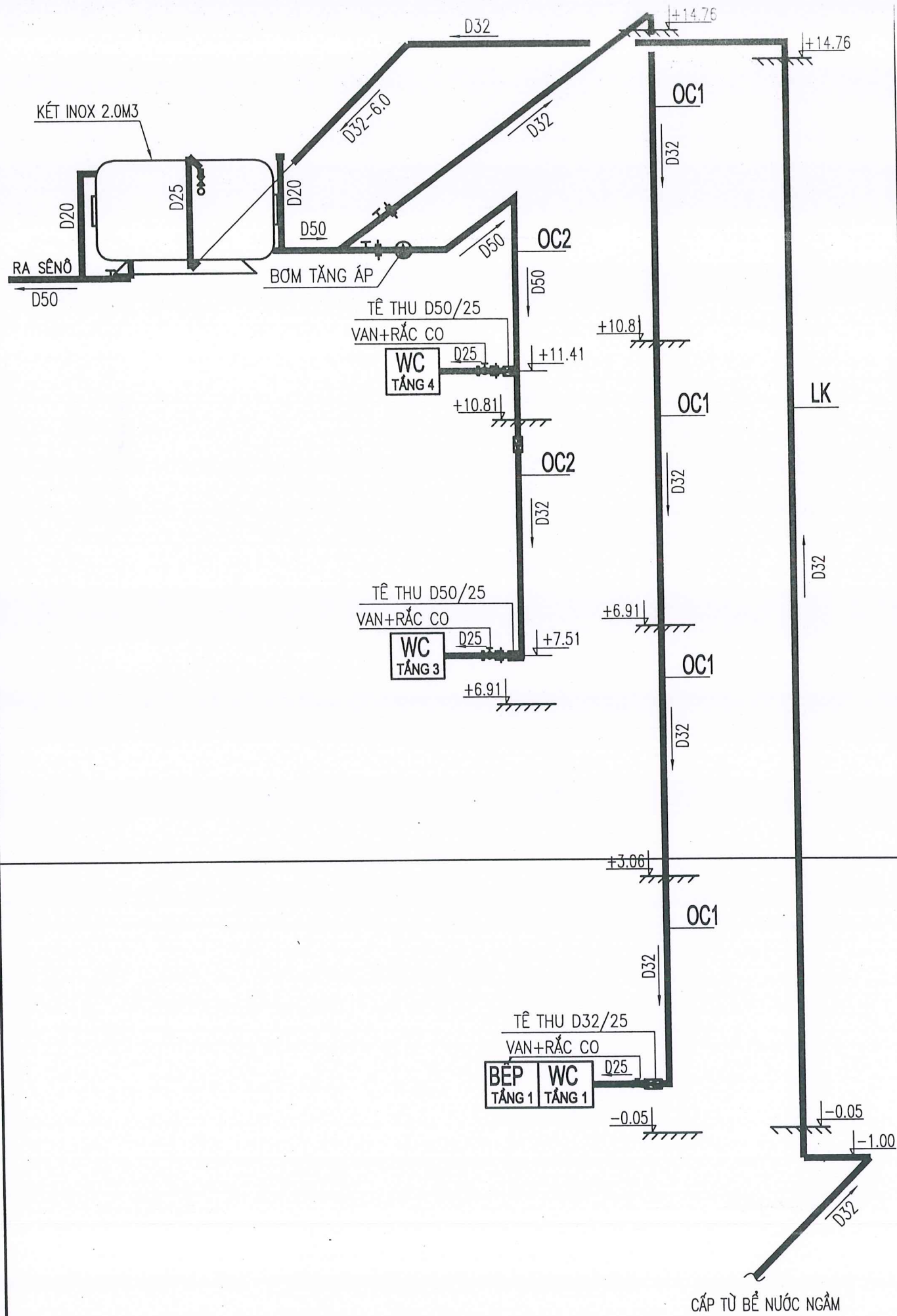


MẶT BẰNG CẤP THOÁT NƯỚC TẦNG 4

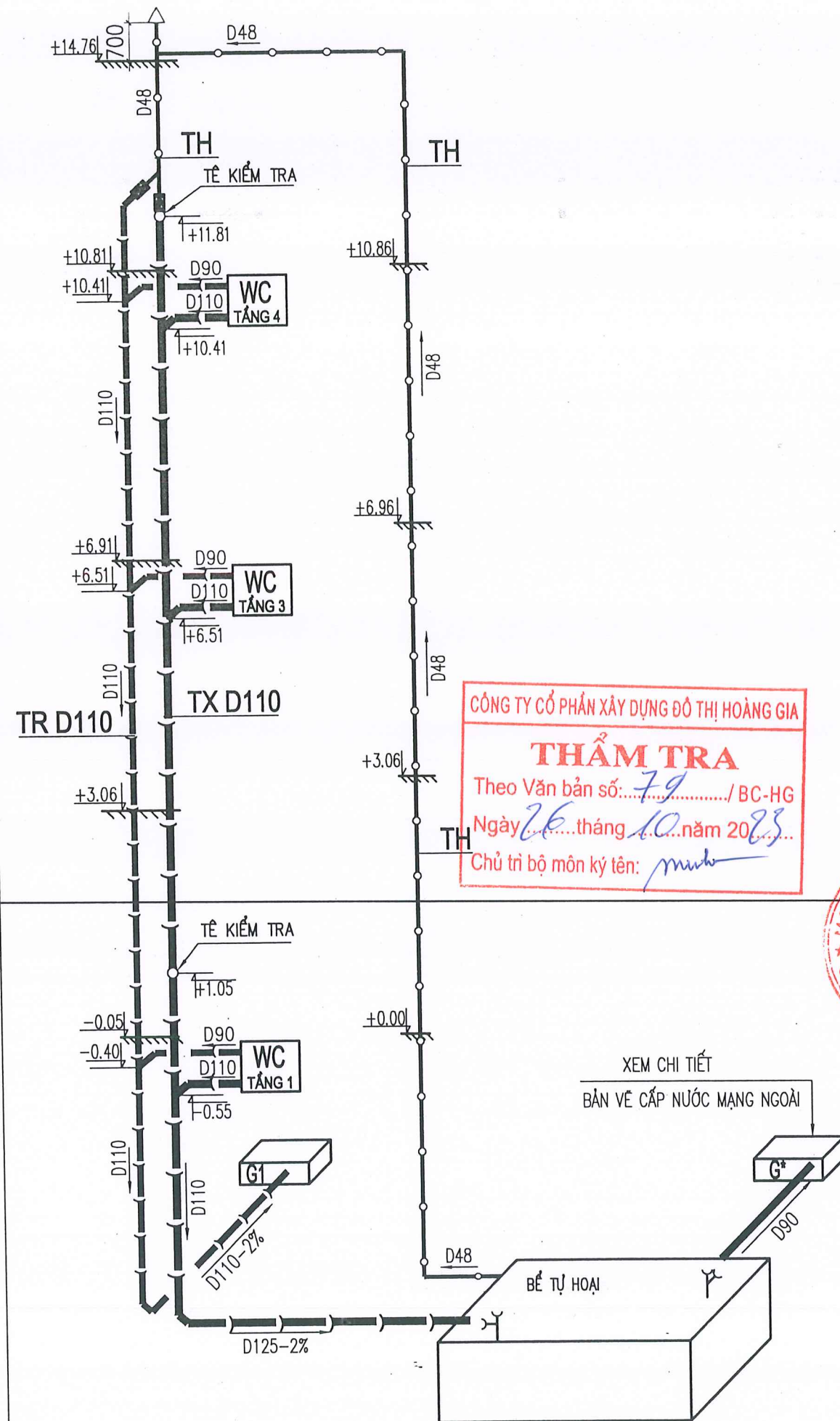
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐÔ THỊ HOÀNG GIA
THẨM TRA
 Theo Văn bản số: 79 / BC-HG
 Ngày 26 tháng 10 năm 2023
 Chủ trì bộ môn ký tên: *mb*

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH QUÂN
 M.S.D. 01050
 TRINH VĂN PHƯƠNG

4		
3		
2		
1		
SỬA ĐỔI: NGÀY:		
CHỦ ĐẦU TƯ: PGD NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HUYỆN CẦU KÈ		
TÊN CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC VÀ CÁC HMPT PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN CẦU KÈ		
HẠNG MỤC: NHÀ LÀM VIỆC KẾT HỢP PHỤ TRỢ		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THỊ TRẤN CẦU KÈ - HUYỆN CẦU KÈ TỈNH TRÀ VINH		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:  CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH QUÂN Địa chỉ: số 87/13 - Ngõ 470 - Đường Nguyễn Trãi Phường Thuận Xuân Trưng - Quận Thanh Xuân - TP Hà Nội		
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ: KTS. LÊ NGỌC KIÊN		
CHỦ TRÌ BỘ MÔN: KTS. LÊ ĐĂNG TUẤN		
THIẾT KẾ: KTS. LÊ ĐĂNG TUẤN		
KIỂM: KTS. TRẦN TUẤN ANH		
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG TẦNG 4 CẤP THOÁT NƯỚC		
GIAI ĐOẠN: T.K.B.V.T.C		
TỶ LỆ BẢN VẼ: ...		
NGÀY IN: .../2023		
SỐ HIỆU BẢN VẼ: N.04		



SƠ ĐỒ CẤP NƯỚC KHÔNG GIAN



SƠ ĐỒ THOÁT NƯỚC KHÔNG GIAN

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐÔ THỊ HOÀNG GIA
THẨM TRA
 Theo Văn bản số: 79 / BC-HG
 Ngày 26 tháng 10 năm 2023
 Chủ trì bộ môn ký tên: *mub*

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH QUÂN
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH QUÂN
 TRẦN VĂN PHƯƠNG

4	
3	
2	
1	

SỬA ĐỔI: NGÀY:

CHỦ ĐẦU TƯ:
 PGD NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
 HUYỆN CẦU KÈ

TÊN CÔNG TRÌNH:
 XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
 VÀ CÁC HMPT PHÒNG GIAO DỊCH
 NHCSXH HUYỆN CẦU KÈ

HẠNG MỤC:
 NHÀ LÀM VIỆC KẾT HỢP PHỤ TRỢ

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
 THỊ TRẤN CẦU KÈ - HUYỆN CẦU KÈ
 TỈNH TRÀ VINH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐÔ THỊ HOÀNG GIA

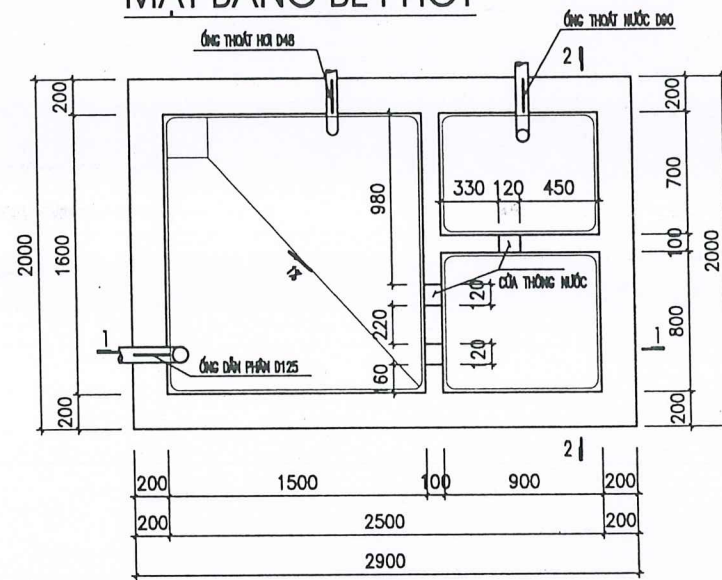
TRÌNH VĂN PHƯƠNG

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ:
 KTS. LÊ NGỌC KIÊN
 CHỦ TRÌ BỘ MÔN:
 KTS. LÊ ĐĂNG TUẤN
 THIẾT KẾ:
 KTS. LÊ ĐĂNG TUẤN
 KTS. TRẦN TUẤN ANH
 TÊN BẢN VẼ:

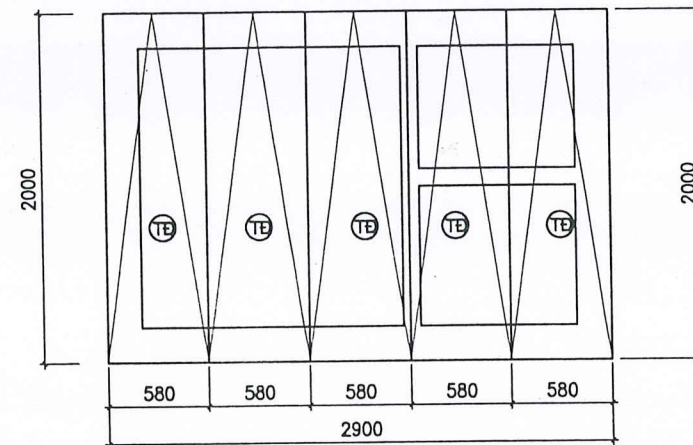
SƠ ĐỒ CẤP THOÁT NƯỚC
 TOÀN NHÀ

GIẢI ĐOẠN: T.K.B.V.T.C
 TỶ LỆ BẢN VẼ: ...
 NGÀY HI: .../2023
 SỐ HIỆU BẢN VẼ: N.06

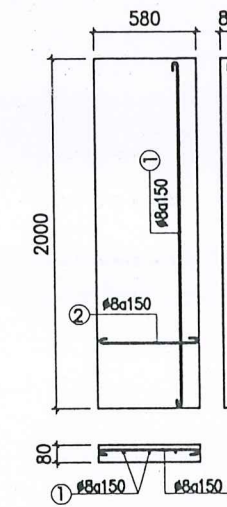
MẶT BẰNG BỂ PHỐT



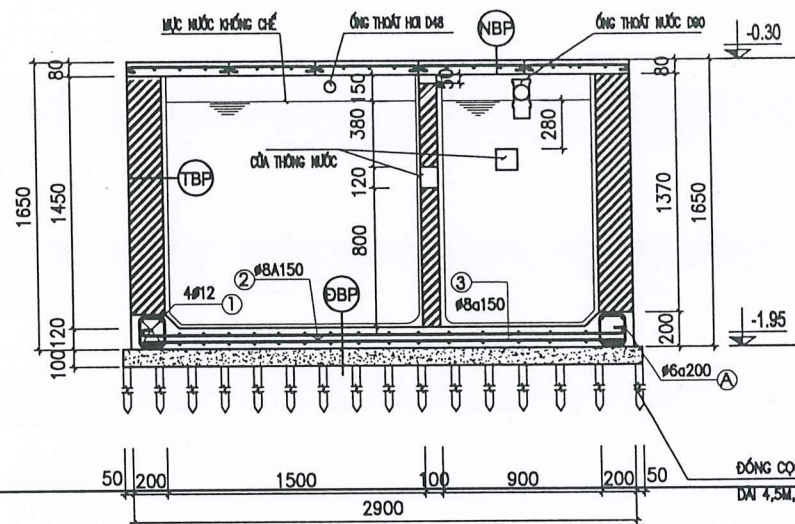
MẶT BẰNG TẤM ĐẠN NẮP BỂ



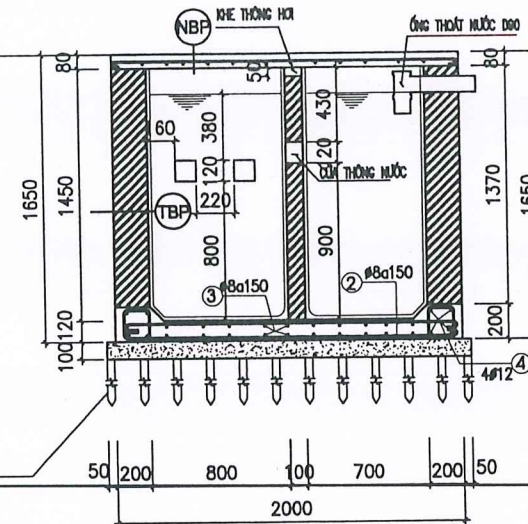
CHI TIẾT TẤM ĐẠN



MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2



ĐBP

TRÁT Vữa XM 75# 2 LỚP, LỚP ĐẦU DÀY 15
LỚP SAU DÀY 10, ĐÁNH MÀU XM
ĐÁY BỂ ĐỒ BTCT 250# DÀY 120 DỰNG ĐỘ THỊ HOÀNG GIA
BÊ TÔNG ĐÁ 4X6 MẮC 100# DÀY 100
ĐẤT TỰ NHIÊN

THẨM TRA
Theo Văn bản số: 79/BC-HG
Ngày 26 tháng 10 năm 2023
Chủ trì bộ môn ký tên: *huy*

NBP

CẤU TẠO NỀN SÀN
NẮP BỂ ĐỒ TẤM ĐẠN BTCT 250# DÀY 80

TBP

THÀNH BỂ XÂY GẠCH ĐẶC 75# VỮA XM 75#
TRÁT VỮA XM 75# 2 LỚP, LỚP ĐẦU DÀY 15
LỚP SAU DÀY 10, ĐÁNH MÀU XM NGUYÊN CHẤT

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (KG)	
					1 CK	T. BỘ			
Đáy Bể Phốt (SL: 1)	1	150 1950 150	12	2250	8	8	18	16.0	
	2	60 1950 60	8	2070	42	42	86.94	34.34	
	3	60 2850 60	8	2970	28	28	83.16	32.85	
	4	150 2850 150	12	3150	8	8	25.2	22.4	
	A	150 150 50	6	700	52	52	36.4	8.08	
TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (KG):					Ø ≤ 10: 75.27	Ø ≤ 18: 38.4	Ø > 18: 0		
Nắp Tấm Đạn (SL: 5)	1	60 1950 60	8	2070	5	25	51.75	20.44	
	2	60 530 60	8	650	14	70	45.5	17.97	
TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (KG):					Ø ≤ 10: 38.41	Ø ≤ 18: 0	Ø > 18: 0		

GHI CHÚ:

- BỂ PHỐT XÂY GẠCH ĐẶC 75#, VỮA XM 75#
- TRÁT VỮA XM 75# 2 LỚP, ĐÁNH MÀU XM NGUYÊN CHẤT
- CÁC CẠNH BỂ ĐƯỢC VÉT TRÒN CẠNH KHI TRÁT
- ĐÁY BỂ ĐÁNH DỐC 1% VỀ PHÍA RỐN BỂ
- KHI THI CÔNG KẾT HỢP BẢN VẼ KẾT CẤU VÀ NƯỚC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH QUẢN
M.S.D. 030.06500160 C.T.T.N.T.Đ.
TRẦN VĂN PHƯƠNG

CHI TIẾT BỂ PHỐT

CHỦ ĐẦU TƯ: PGD NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HUYỆN CẦU KÈ

TÊN CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC VÀ CÁC HMPT PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN CẦU KÈ

HẠNG MỤC: NHÀ LÀM VIỆC KẾT HỢP PHỤ TRỢ

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THỊ TRẤN CẦU KÈ - HUYỆN CẦU KÈ TỈNH TRÀ VINH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: **MINH QUẢN**

THÀNH VIÊN: KTS. LÊ NGỌC KIẾN, KTS. LÊ ĐĂNG TUẤN, KTS. LÊ ĐĂNG TUẤN, KTS. TRẦN TUẤN ANH

CHI TIẾT BỂ PHỐT

GHIA ĐOẠN: T.K.B.V.T.C

TỶ LỆ BẢN VẼ: ...

NGÀY HI: .../2023

SỐ HIỆU BẢN VẼ: N.12